



FROM



arkansas
health & wellness.

Danh Mục Thuốc 2024

Có hiệu lực vào ngày 1 tháng 1 năm 2024



Ambetter.ARhealthwellness.com

Giới Thiệu về Danh Mục Thuốc

DANH MỤC THUỐC

Danh Mục Thuốc Ambetter from Arkansas Health & Wellness, hay còn gọi là Danh Sách Thuốc Theo Toa, là tài liệu hướng dẫn về các loại thuốc gốc và thuốc biệt dược hiện có đã được Cục Quản Lý Thực Phẩm và Dược Phẩm Hoa Kỳ (FDA) phê duyệt và được đài thọ thông qua quyền lợi thuốc theo toa của quý vị. Thuốc gốc có cùng thành phần hoạt chất như thuốc biệt dược và nên được coi là điều trị bước một. FDA yêu cầu thuốc gốc phải an toàn và có tác dụng giống như thuốc biệt dược. Nếu không có sẵn thuốc gốc, có thể có nhiều hơn một loại thuốc biệt dược để điều trị bệnh trạng. Thuốc biệt dược ưu tiên được liệt kê ở Bậc 2 giúp xác định các loại thuốc biệt dược là các phương án điều trị phù hợp về mặt lâm sàng, an toàn và tiết kiệm chi phí, nếu thuốc gốc trong danh mục thuốc không phù hợp với bệnh trạng của quý vị.

Xin lưu ý rằng Danh Mục Thuốc không phải là một danh sách đầy đủ các thuốc được quyền lợi thuốc theo toa của quý vị đài thọ. Không phải tất cả các dạng bào chế hoặc hàm lượng của một loại thuốc đều có thể được đài thọ. Danh sách này được đánh giá và cập nhật định kỳ và có thể thay đổi. Thuốc có thể được bổ sung hoặc xóa khỏi danh sách, hoặc yêu cầu bổ sung có thể được đưa vào để có thể phê duyệt việc tiếp tục sử dụng một loại thuốc cụ thể.

Các thiết kế chương trình quyền lợi thuốc theo toa cụ thể có thể không bao gồm một số sản phẩm hoặc danh mục nhất định, bất kể chúng xuất hiện trong tài liệu này hay không. Vui lòng kiểm tra quyền lợi của quý vị để biết các giới hạn về bảo hiểm và khoản chia sẻ chi phí cho thuốc của quý vị.

Chú Thích Trong Danh Sách Thuốc:

Thuốc biệt dược được liệt kê bằng CHỮ IN HOA và thuốc gốc được liệt kê bằng chữ in thường.

Các loại thuốc được đài thọ theo các bậc đồng thanh toán khác nhau tùy thuộc vào quyền lợi của quý vị:

- Bậc 0** - Không có khoản đồng thanh toán cho những loại thuốc được sử dụng vì mục đích phòng ngừa và được Đạo Luật Bảo Vệ Bệnh Nhân và Chăm Sóc Sức Khỏe Giá Cả Phải Chăng quy định. Một số loại thuốc chọn lọc bao gồm thuốc tránh thai đường uống, vitamin D, axit folic cho phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ, aspirin không cần toa (OTC) và các sản phẩm cai thuốc lá có thể được đài thọ theo bậc này. Có thể áp dụng một số giới hạn nhất định về độ tuổi.
- Bậc 1A**- Khoản đồng thanh toán thấp nhất cho một số loại thuốc chọn lọc mang lại giá trị lớn nhất so với các loại thuốc khác được sử dụng để điều trị các bệnh trạng tương tự. Một số thuốc không cần toa (OTC) chọn lọc có thể được đài thọ theo bậc này.
- Bậc 1B**- Khoản đồng thanh toán thấp cho những loại thuốc mang lại giá trị lớn so với các loại thuốc khác được sử dụng để điều trị các bệnh trạng tương tự. Một số thuốc không cần toa (OTC) chọn lọc có thể được đài thọ theo bậc này.
- Bậc 2** - Khoản đồng thanh toán trung bình đài thọ các loại thuốc biệt dược thường có giá cả phải chăng hơn hoặc có thể được ưu tiên hơn so với các loại thuốc khác để điều trị các bệnh trạng tương tự.
- Bậc 3** - Khoản đồng thanh toán cao đài thọ các loại thuốc biệt dược có giá cao hơn và thuốc gốc không được ưu tiên. Bậc này cũng có thể đài thọ các loại thuốc không chuyên khoa không có trong Danh Sách Thuốc Theo Toa nhưng đã được phê duyệt bảo hiểm.
- Bậc 4** - Khoản đồng thanh toán cao nhất dành cho các loại thuốc “chuyên khoa” dùng để điều trị các bệnh trạng phức tạp, mạn tính có thể cần xử lý, bảo quản hoặc quản lý lâm sàng đặc biệt.

Sự Ủy Quyền Trước đối với Các Loại Thuốc Không Thuộc Danh Mục Thuốc

Để có được sự ủy quyền trước đối với một loại thuốc không thuộc danh mục thuốc, nhà cung cấp của quý vị phải điền vào mẫu đơn Ủy Quyền Trước. Pharmacy Services sẽ phản hồi qua fax hoặc điện thoại trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được tất cả thông tin cần thiết đối với các yêu cầu khẩn cấp và trong vòng 72 giờ đối với các yêu cầu không khẩn cấp, trừ khi luật tiểu bang yêu cầu phản hồi nhanh hơn. Nếu yêu cầu không được phê duyệt, thông báo từ chối sẽ có phần giải thích rõ ràng về các lý do cụ thể dẫn đến việc từ chối yêu cầu ủy quyền trước hoặc nếu yêu cầu không đầy đủ, phần giải thích sẽ chỉ rõ thông tin quan trọng còn thiếu cần thiết để hoàn thành yêu cầu.

Các Từ Viết Tắt trong Danh Mục Thuốc:

Từ viết tắt	Thuật ngữ	Ý nghĩa
AL	Giới Hạn về Độ Tuổi	Một số loại thuốc chỉ được đài thọ cho một số độ tuổi nhất định.
QL	Giới Hạn Số Lượng	Một số loại thuốc chỉ được đài thọ cho một lượng nhất định.
PA	Sự Ủy Quyền Trước	Bác sĩ của quý vị phải xin Ambetter phê duyệt trước khi một số loại thuốc được đài thọ.
ST	Liệu Pháp Từng Bước	Trong một số trường hợp, quý vị trước tiên phải dùng thử một số loại thuốc nhất định trước khi Ambetter đài thọ cho một loại thuốc khác để điều trị bệnh trạng của quý vị. Ví dụ: nếu cả Thuốc A và Thuốc B đều điều trị cho bệnh trạng của quý vị, Ambetter có thể không đài thọ cho Thuốc B trừ khi quý vị dùng thử Thuốc A trước.
NF	Không thuộc danh mục thuốc	Sản phẩm này không được đài thọ trừ khi quý vị hoặc nhà cung cấp của quý vị yêu cầu một trường hợp ngoại lệ. Các loại thuốc thay thế được liệt kê bên cạnh sản phẩm không được đài thọ
RX/OTC	Thuốc Theo Toa và OTC	Những loại thuốc này được sản xuất ở cả dạng theo toa và dạng không cần toa (OTC).
SP	Thuốc Chuyên Khoa	Những sản phẩm này là Thuốc Chuyên Khoa có thể có yêu cầu đặc biệt khi mua thuốc.
SF	Chia Nhỏ Lượng Thuốc	Ban đầu, một số loại thuốc nhất định có thể chỉ được cung cấp với các lượng nhỏ đủ dùng trong 15 ngày cho đến khi tình trạng của quý vị ổn định sau khi dùng thuốc. Sau khi quý vị đã dùng thuốc được 90 ngày, hạn chế này có thể không còn được áp dụng nữa.

Nhóm Thuốc Opioid:

Các loại thuốc được xác định trong danh mục thuốc theo yêu cầu **“Các lần mua thuốc đầu tiên được giới hạn ở lượng thuốc đủ dùng trong 7 ngày”** cho phép tối đa hai lần mua thuốc cho lượng thuốc đủ dùng trong 7 ngày trong bất kỳ khoảng thời gian 28 ngày nào và tối đa tổng lượng thuốc dùng trong 28 ngày không liên tục trong bất kỳ khoảng thời gian 90 ngày nào. Giới hạn này áp dụng theo hình thức tích lũy cho tất cả các loại thuốc opioid được mua. Đối với những lần mua thuốc vượt quá các giới hạn này, nhà cung cấp của quý vị có thể gửi yêu cầu Ủy Quyền Trước.

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ADHD/ANTI-NARCOLEPSY/ANTI-OBESITY/ANOREXIANTS - Drugs to Treat ADHD, Sleep and Eating Disorders		
Amphetamines		
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG</i>	1	
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 5 MG-5 MG-5 MG-5 MG, 6.25 MG-6.25 MG-6.25 MG-6.25 MG, 7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG, 2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine TABS 7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine TABS 1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG, 1.875 MG-1.875 MG-1.875 MG-1.875 MG, 2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG, 3.125 MG-3.125 MG-3.125 MG-3.125 MG, 3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG, 5 MG-5 MG-5 MG-5 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>dextroamphetamine sulfate CP24 5 MG</i>	1	
<i>dextroamphetamine sulfate CP24 10 MG, 15 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>dextroamphetamine sulfate TABS 5 MG, 10 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>lisdexamfetamine dimesylate CAPS</i>	1	QL(1 ea daily); ST

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>methamphetamine hcl</i>	1	QL(5 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
VYVANSE CAPS	3	QL(1 ea daily); ST
Anorexiants Non-Amphetamine		
<i>phendimetrazine tartrate TABS</i>	1	PA
<i>phentermine hcl CAPS</i>	1	PA
Anti-Obesity Agents		
CONTRAVE	3	QL(4 ea daily); PA
Attention-Deficit/Hyperactivity Disorder (ADHD) Agents		
<i>atomoxetine hcl 10 MG, 18 MG, 25 MG, 40 MG</i>	1	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>atomoxetine hcl 60 MG, 80 MG, 100 MG</i>	1	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>clonidine hcl (adhd) TB12</i>	1	
<i>guanfacine hcl (adhd)</i>	1	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
Dopamine and Norepinephrine Reuptake Inhibitors (DNRIs)		
SUNOSI 75 MG	3	QL(2 ea daily); PA
SUNOSI 150 MG	3	QL(1 ea daily); PA
Stimulants - Misc.		
<i>armodafinil</i>	1	QL(1 ea daily); AL(At least 17 yrs old); PA
<i>dexmethylphenidate hcl CP24</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>dexmethylphenidate hcl TABS</i>	1	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CP24</i>	1	
<i>methylphenidate hcl CP24 30 MG</i>	1	QL(3 ea daily); AL(At least 6 yrs old)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>methylphenidate hcl CP24 20 MG, 40 MG</i>	1	AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CPCR</i>	1	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl SOLN</i>	1	QL(30 ml daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TABS 10 MG, 20 MG</i>	1	QL(5 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TABS 5 MG</i>	1	QL(6 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TB24 36 MG, 54 MG</i>	1	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TB24 27 MG</i>	1	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TBCR 36 MG, 54 MG</i>	1	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TBCR 10 MG, 20 MG</i>	1	QL(3 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TBCR 18 MG, 27 MG</i>	1	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate PTCH</i>	1	QL(1 ea daily); PA
<i>modafinil 200 MG</i>	1	QL(2 ea daily); PA
<i>modafinil 100 MG</i>	1	QL(1 ea daily); PA
RELEXXII TBCR 27 MG	2	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
RELEXXII TBCR 36 MG, 54 MG	2	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
ALLERGENIC EXTRACTS/BIOLOGICALS MISC		
Allergenic Extracts		
GRASTEK SUBL	3	PA
AMEBICIDES		
Amebicides		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
SOLOSEC	3	PA
AMINOGLYCOSIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Aminoglycosides		
<i>amikacin sulfate SOLN 1 GM/4ML, 500 MG/2ML</i>	1	
ARIKAYCE	4	PA
<i>gentamicin in saline 0.8 MG/ML-0.9 %, 1 MG/ML-0.9 %, 1.2 MG/ML-0.9 %, 1.6 MG/ML-0.9 %</i>	1	
<i>gentamicin sulfate IJ 40 MG/ML, 80 MG/2ML</i>	1	
<i>neomycin sulfate TABS</i>	1	
<i>streptomycin sulfate SOLR</i>	3	
<i>tobramycin sulfate SOLN IJ 10 MG/ML, 40 MG/ML, 80 MG/2ML</i>	1	
<i>tobramycin NEBU</i>	4	QL(280 ml per 56 days retail; 280 ml per 56 days mail); PA
ANALGESICS - ANTI-INFLAMMATORY - Drugs to Treat Pain, Swelling, Muscle and Joint Conditions		
Antirheumatic - Enzyme Inhibitors		
RINVOQ	4	QL(1 ea daily); PA
XELJANZ XR TB24	4	QL(1 ea daily); PA
XELJANZ SOLN	4	QL(20 ml daily); PA
XELJANZ TABS 10 MG	4	QL(2 ea daily); PA
XELJANZ TABS 5 MG	4	QL(2 ea daily); SP; PA
Antirheumatic Antimetabolites		
METHOTREXATE	4	QL(1.714 ea daily); SP; PA
Anti-TNF-alpha - Monoclonal Antibodies		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ADALIMUMAB-ADAZ SOAJ	4	QL(0.086 ml daily); PA	HUMIRA PEN PNKT	4	QL(0.143 ea daily); PA
ADALIMUMAB-ADAZ SOSY	4	QL(0.086 ml daily); PA	HUMIRA PEN-PS/UV STARTER PNKT	4	1 rtl pack lmt amt; 180 rtl pack lmt day(s); 1 mail pack lmt amt; 180 mail pack lmt day(s); PA
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR CROHNS DISEASE/UC/HS AJKT	4	QL(0.215 ea daily); PA	HUMIRA PSKT	4	QL(0.143 ea daily); PA
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR PSORIASIS AJKT	4	QL(0.143 ea daily); PA	SIMPONI ARIA SOLN	4	PA
CYLTEZO AJKT	4	QL(0.215 ea daily); PA	Gold Compounds		
CYLTEZO PSKT 20 MG/0.4ML, 40 MG/0.8ML	4	QL(0.215 ea daily); PA	RIDAURA	3	QL(3 ea daily)
CYLTEZO PSKT 10 MG/0.2ML	4	QL(0.072 ea daily); PA	Interleukin-1 Blockers		
HADLIMA PUSHTOUCH SOAJ	4	QL(0.086 ml daily); PA	ARCALYST	4	QL(0.286 ea daily); SP; PA
HADLIMA PUSHTOUCH SOAJ	4	QL(0.172 ml daily); PA	Interleukin-6 Receptor Inhibitors		
HADLIMA SOSY	4	QL(0.086 ml daily); PA	KEVZARA SOAJ	4	QL(0.082 ml daily); PA
HADLIMA SOSY	4	QL(0.172 ml daily); PA	KEVZARA SOSY	4	QL(0.082 ml daily); PA
HUMIRA PEDIATRIC CROHNS DISEASE STARTER PACK PSKT 80 MG/0.8ML	4	1 rtl pack lmt amt; 180 rtl pack lmt day(s); 1 mail pack lmt amt; 180 mail pack lmt day(s); PA	Nonsteroidal Anti-inflammatory Agents (NSAIDs)		
HUMIRA PEN-CD/UC/HS STARTER PNKT	4	1 rtl pack lmt amt; 180 rtl pack lmt day(s); 1 mail pack lmt amt; 180 mail pack lmt day(s); PA	<i>celecoxib</i>	1	QL(2 ea daily)
HUMIRA PEN-PEDIATRIC UC STARTER PACK PNKT	4	1 rtl pack lmt amt; 180 rtl pack lmt day(s); 1 mail pack lmt amt; 180 mail pack lmt day(s); PA	<i>diclofenac potassium TABS 50 MG</i>	1	
HUMIRA PEN PNKT 80 MG/0.8ML	4	QL(0.072 ea daily); PA	<i>diclofenac sodium TB24</i>	1	
			<i>diclofenac sodium TBEC</i>	1	
			<i>diclofenac w/ misoprostol TBEC</i>	1	
			<i>etodolac CAPS</i>	1	
			<i>etodolac TABS</i>	1	
			<i>fenoprofen calcium TABS</i>	1	QL(4 ea daily); ST
			<i>flurbiprofen TABS</i>	1	
			<i>ibuprofen SUSP 100 MG/5ML</i>	1	RX/OTC
			<i>ibuprofen TABS 400 MG, 600 MG, 800 MG</i>	1	
			<i>indomethacin CAPS 25 MG, 50 MG</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>indomethacin CPCR</i>	1	
<i>ketoprofen CAPS 50 MG</i>	1	
<i>ketorolac tromethamine TABS</i>	1	QL(0.667 ea daily)
<i>meclofenamate sodium CAPS</i>	1	
<i>mefenamic acid CAPS</i>	1	Must try ibuprofen. ; QL(5 ea daily); ST
<i>meloxicam TABS</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>nabumetone</i>	1	
<i>naproxen sodium TABS 550 MG</i>	1	
<i>naproxen SUSP</i>	1	PA
<i>naproxen TABS</i>	1	
<i>naproxen TBEC 500 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>oxaprozin TABS</i>	1	
<i>piroxicam CAPS</i>	1	
<i>sulindac TABS</i>	1	
<i>tolmetin sodium CAPS</i>	1	
<i>tolmetin sodium TABS 600 MG</i>	1	
Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors		
<i>OTEZLA TABS</i>	4	QL(2 ea daily); PA
<i>OTEZLA TBPk</i>	4	1 rtl pack lmt amt; 180 rtl pack lmt day(s); PA
Pyrimidine Synthesis Inhibitors		
<i>leflunomide</i>	1	QL(1 ea daily)
Soluble Tumor Necrosis Factor Receptor Agents		
<i>ENBREL MINI SOCT</i>	4	QL(0.146 ml daily); PA
<i>ENBREL SURECLICK SOAJ</i>	4	QL(0.146 ml daily); PA
<i>ENBREL SOLN</i>	4	QL(0.146 ml daily); PA
<i>ENBREL SOLR</i>	4	QL(0.286 ea daily); SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>ENBREL SOSY 25 MG/0.5ML</i>	4	QL(0.146 ml daily); PA
<i>ENBREL SOSY 50 MG/ML</i>	4	QL(0.286 ml daily); SP; PA
ANALGESICS - NonNarcotic - Drugs to Treat Pain, Muscle and Joint Conditions		
Analgesic Combinations		
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-325 MG</i>	1	
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-300 MG</i>	1	QL(6 ea daily)
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine TABS 40 MG-50 MG-325 MG</i>	1	QL(6 ea daily)
<i>butalbital-acetaminophen TABS 50 MG-325 MG</i>	1	QL(6 ea daily)
<i>butalbital-aspirin-caffeine CAPS</i>	1	QL(4 ea daily)
Salicylates		
<i>aspirin CHEW</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)
<i>aspirin TABS 325 MG</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)
<i>aspirin TBEC 81 MG</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)
<i>aspirin TBEC 325 MG</i>	1	
<i>diflunisal TABS</i>	1	
<i>salsalate</i>	1	
ANALGESICS - OPIOID - Drugs to Treat Pain, Muscle and Joint Conditions		
Opioid Agonists		
<i>codeine sulfate TABS 30 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply
<i>CODEINE SULFATE TABS</i>	1	New starts limited to 7 day supply

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>fentanyl citrate LPOP</i>	1	QL(4 ea daily); PA	<i>morphine sulfate SOLN IJ 0.5 MG/ML, 1 MG/ML</i>	1	
<i>fentanyl PT72 12 MCG/HR, 25 MCG/HR, 50 MCG/HR, 75 MCG/HR, 100 MCG/HR</i>	1	QL(0.34 ea daily)	<i>morphine sulfate SOLN OR 10 MG/5ML</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(100 ml daily)
<i>hydromorphone hcl LIQD</i>	1	New starts limited to 7 day supply	<i>morphine sulfate SOLN OR 20 MG/5ML</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(50 ml daily)
<i>hydromorphone hcl SOLN IJ 10 MG/ML, 50 MG/5ML, 500 MG/50ML</i>	1		<i>morphine sulfate TABS</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)
<i>hydromorphone hcl TABS</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(8 ea daily)	<i>morphine sulfate TBCR</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>hydromorphone hcl TB24 32 MG</i>	1	QL(1 ea daily); PA	NUCYNTA ER TB12	2	QL(2 ea daily); PA
<i>hydromorphone hcl TB24 8 MG, 12 MG, 16 MG</i>	1	QL(2 ea daily); PA	NUCYNTA TABS	2	QL(6 ea daily); PA
<i>levorphanol tartrate TABS 2 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply	<i>oxycodone hcl T12A 10 MG, 20 MG, 40 MG, 80 MG</i>	3	QL(2 ea daily); PA
<i>meperidine hcl SOLN OR 50 MG/5ML</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(500 ml per fill retail)	<i>oxycodone hcl TABS</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(12 ea daily)
<i>meperidine hcl SOLN IJ 25 MG/ML, 50 MG/ML, 100 MG/ML</i>	1		<i>oxymorphone hcl TABS</i>	1	QL(12 ea daily); PA
<i>meperidine hcl TABS 50 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)	<i>oxymorphone hcl TB12 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1	QL(2 ea daily); PA
<i>methadone hcl CONC</i>	0	QL(10 ml daily)	<i>oxymorphone hcl TB12 40 MG</i>	1	QL(4 ea daily); PA
<i>methadone hcl SOLN OR</i>	0		SUBSYS LIQD 200 MCG, 400 MCG, 600 MCG	3	QL(4 ea daily); PA
METHADONE HCL SOLN IJ	0		SUBSYS LIQD 800 MCG, 1200 MCG, 1600 MCG	3	QL(8 ea daily); PA
<i>methadone hcl TABS 5 MG</i>	0	QL(4 ea daily)	SUBSYS LIQD 100 MCG	3	QL(3 ea daily); PA
<i>methadone hcl TABS 10 MG</i>	0	QL(10 ea daily)	<i>tramadol hcl TABS 50 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(8 ea daily)
<i>methadone hcl TBSO</i>	0	QL(2 ea daily)	<i>tramadol hcl TB24</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>morphine sulfate CP24 20 MG, 30 MG, 50 MG, 60 MG, 80 MG, 100 MG</i>	1	QL(2 ea daily); PA	XTAMPZA ER	2	QL(2 ea daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Opioid Combinations			<i>hydrocodone-acetaminophen TABS 300 MG-10 MG, 300 MG-5 MG, 300 MG-7.5 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(13 ea daily)
<i>acetaminophen w/ codeine SOLN</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(75 ml daily)	<i>hydrocodone-ibuprofen 7.5 MG-200 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(5 ea daily)
<i>acetaminophen w/ codeine TABS 60 MG-300 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)	<i>hydrocodone-ibuprofen 10 MG-200 MG, 5 MG-200 MG</i>	1	PA
<i>acetaminophen w/ codeine TABS 30 MG-300 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(12 ea daily)	<i>oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(12 ea daily)
<i>acetaminophen w/ codeine TABS 15 MG-300 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(13 ea daily)	<i>tramadol-acetaminophen</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(8 ea daily)
<i>acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG</i>	3	New starts limited to 7 day supply; PA	Opioid Partial Agonists		
<i>acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply	<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 3 MG-12 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-300 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply	<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 0.5 MG-2 MG, 1 MG-4 MG, 2 MG-8 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-325 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)	<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate SUBL</i>	0	QL(3 ea daily)
<i>butalbital-aspirin-caffeine w/cod</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)	<i>buprenorphine hcl SOLN</i>	1	
<i>hydrocodone-acetaminophen SOLN 108 MG/5ML-2.5 MG/5ML, 217 MG/10ML-5 MG/10ML, 325 MG/15ML-7.5 MG/15ML</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(180 ml daily)	<i>buprenorphine hcl SUBL</i>	0	QL(3 ea daily)
<i>hydrocodone-acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG</i>	1	New starts limited to 7 day supply; QL(12 ea daily)	<i>buprenorphine PTWK</i>	1	QL(0.143 ea daily); PA
			<i>butorphanol tartrate IJ 1 MG/ML, 2 MG/ML</i>	1	
			<i>butorphanol tartrate NA 10 MG/ML</i>	1	QL(0.34 ml daily); PA
			<i>nalbuphine hcl</i>	1	QL(8 ml daily)
			<i>pentazocine w/ naloxone hcl</i>	1	New starts limited to 7 day supply
			<i>SUBLOCADE SOSY</i>	3	
			<i>ZUBSOLV SUBL</i>	3	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ANDROGENS-ANABOLIC - Drugs to Regulate Hormones		
Anabolic Steroids		
<i>oxandrolone</i>	1	
Androgens		
ANDRODERM PT24 2 MG/24HR, 4 MG/24HR	2	QL(1 ea daily); PA
<i>danazol CAPS</i>	1	
METHITEST TABS	3	
<i>testosterone cypionate SOLN IM</i>	1	
TESTOSTERONE CYPIONATE SOLN IJ 200 MG/ML	1	
<i>testosterone enanthate SOLN IM</i>	1	
ANORECTAL AND RELATED PRODUCTS - Rectal Drugs to Treat Pain, Swelling and Itching		
Intrarectal Steroids		
<i>budesonide (intrarectal)</i>	4	QL(3.2 gm daily); PA
<i>hydrocortisone (intrarectal)</i>	1	
UCERIS (<i>budesonide (intrarectal)</i>)	4	QL(3.2 gm daily); PA
Rectal Steroids		
<i>hydrocortisone (rectal) EX</i>	1	RX/OTC
<i>hydrocortisone acetate (rectal)</i>	1	
Vasodilating Agents		
<i>nitroglycerin (intra-anal)</i>	1	
RECTIV (<i>nitroglycerin (intra-anal)</i>)	3	
ANTHELMINTICS - Drugs to Treat Worm Infections		
Anthelmintics		
<i>albendazole</i>	1	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
EMVERM CHEW	2	1 rtl MAX fill; 60 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(2 ea daily; 6 ea per fill retail; 6 per fill mail)
<i>ivermectin</i>	1	1 rtl MAX fill; 75 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(9 ea per fill retail; 9 per fill mail)
<i>praziquantel</i>	1	PA
ANTIANGINAL AGENTS - Drugs to Treat Chest Pain		
Antianginals-Other		
<i>ranolazine TB12 1000 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>ranolazine TB12 500 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
Nitrates		
<i>isosorbide dinitrate TABS 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1	
<i>isosorbide mononitrate TABS</i>	1	
<i>isosorbide mononitrate TB24</i>	1	
NITRO-BID OINT	3	
<i>nitroglycerin CPCR</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>nitroglycerin PT24</i>	1	
NITROGLYCERIN SOLN IV	1	
<i>nitroglycerin SUBL</i>	1	
ANTIANSXIETY AGENTS - Drugs to Treat Anxiety		
Antianxiety Agents - Misc.		
<i>bupirone hcl</i>	1	
<i>hydroxyzine hcl SOLN 50 MG/ML</i>	1	
<i>hydroxyzine hcl SYRP</i>	1	
<i>hydroxyzine hcl TABS</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>hydroxyzine pamoate CAPS</i>	1	
<i>meprobamate</i>	1	QL(6 ea daily)
Benzodiazepines		
<i>alprazolam TABS</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>alprazolam TB24</i>	1	
<i>alprazolam TBDP</i>	1	
<i>chlordiazepoxide hcl CAPS</i>	1	
<i>clorazepate dipotassium TABS</i>	1	
<i>diazepam CONC</i>	1	
<i>diazepam SOLN OR 5 MG/5ML</i>	1	
<i>diazepam TABS</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>lorazepam CONC</i>	1	
<i>lorazepam TABS 0.5 MG, 2 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>lorazepam TABS 1 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>oxazepam CAPS</i>	1	
ANTIARRHYTHMICS - Drugs to treat abnormal heart rhythms		
Antiarrhythmics Type I-A		
<i>disopyramide phosphate CAPS</i>	1	
<i>procainamide hcl SOLN 500 MG/ML</i>	1	
<i>quinidine sulfate TABS</i>	1	
Antiarrhythmics Type I-B		
<i>mexiletine hcl</i>	1	
Antiarrhythmics Type I-C		
<i>flecainide acetate</i>	1	
<i>propafenone hcl CP12</i>	1	
<i>propafenone hcl TABS</i>	1	
Antiarrhythmics Type III		
<i>amiodarone hcl SOLN 50 MG/ML</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>amiodarone hcl TABS</i>	1	
<i>dofetilide</i>	1	
ANTIASTHMATIC AND BRONCHODILATOR AGENTS - Drugs to Treat Lung Conditions		
Antiasthmatic - Monoclonal Antibodies		
<i>FASENRA PEN SOAJ</i>	4	QL(0.036 ml daily); PA
<i>FASENRA SOSY</i>	4	QL(0.036 ml daily); PA
<i>NUCALA SOAJ</i>	4	QL(0.1073 ml daily); PA
<i>NUCALA SOLR</i>	4	QL(0.1073 ea daily); PA
<i>NUCALA SOSY 100 MG/ML</i>	4	QL(0.1073 ml daily); PA
<i>NUCALA SOSY 40 MG/0.4ML</i>	4	QL(0.0144 ml daily); PA
<i>XOLAIR SOLR</i>	4	30 rtl day(s) supply; QL(0.286 ea daily); PA
<i>XOLAIR SOSY 75 MG/0.5ML</i>	4	QL(0.036 ml daily); PA
<i>XOLAIR SOSY 150 MG/ML</i>	4	30 rtl day(s) supply; QL(0.286 ml daily); PA
Anti-Inflammatory Agents		
<i>cromolyn sodium NEBU</i>	1	QL(8 ml daily)
Bronchodilators - Anticholinergics		
<i>ATROVENT HFA</i>	3	QL(0.44 gm daily)
<i>INCRUSE ELLIPTA</i>	2	QL(1 ea daily)
<i>ipratropium bromide SOLN 0.02 %</i>	1	QL(15 ml daily)
<i>SPIRIVA HANDIHALER CAPS (tiotropium bromide monohydrate)</i>	2	QL(1 ea daily)
<i>SPIRIVA RESPIMAT AERS</i>	2	QL(0.14 gm daily)
<i>tiotropium bromide monohydrate CAPS</i>	1	QL(1 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Leukotriene Modulators			<i>albuterol sulfate AERS</i>	1	
<i>montelukast sodium CHEW</i>	1	QL(1 ea daily)	<i>albuterol sulfate NEBU 0.5 %, 2.5 MG/0.5ML</i>	1	
<i>montelukast sodium PACK</i>	1	QL(1 ea daily)	<i>albuterol sulfate NEBU 0.083 %, 0.63 MG/3ML, 1.25 MG/3ML</i>	1	QL(15 ml daily)
<i>montelukast sodium TABS</i>	1	QL(1 ea daily)	<i>albuterol sulfate SYRP</i>	1	
<i>zafirlukast</i>	1	QL(2 ea daily)	<i>albuterol sulfate TABS</i>	1	
<i>zileuton TB12</i>	1	QL(4 ea daily)	ANORO ELLIPTA	2	QL(2 ea daily)
Selective Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors			<i>arformoterol tartrate</i>	1	QL(4 ml daily)
<i>roflumilast</i>	3	QL(1 ea daily)	BREO ELLIPTA (<i>fluticasone furoate-vilanterol</i>)	2	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 3 mail pack lmt amt; 90 mail pack lmt day(s)
Steroid Inhalants			BREO ELLIPTA	2	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 3 mail pack lmt amt; 90 mail pack lmt day(s)
ALVESCO	3	3 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 9 mail pack lmt amt; 90 mail pack lmt day(s); PA	BREZTRI AEROSPHERE	2	QL(0.38 gm daily)
ARNUITY ELLIPTA	2	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 3 mail pack lmt amt; 90 mail pack lmt day(s)	<i>budesonide-formoterol fumarate dihydrate</i>	1	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 1 rtl MAX fill; 30 rtl day(s) supply; 3 mail pack lmt amt; 90 mail pack lmt day(s); 1 mail MAX fill
<i>budesonide (inhalation) SUSP</i>	1	QL(4 ml daily); PA	DULERA	2	
<i>fluticasone propionate (inhalation) AEPB</i>	1		<i>fluticasone furoate-vilanterol</i>	1	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 3 mail pack lmt amt; 90 mail pack lmt day(s)
<i>fluticasone propionate hfa</i>	1	QL(0.8 gm daily)	<i>fluticasone-salmeterol AEPB 100 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 250 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 500 MCG/ACT-50 MCG/ACT</i>	1	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 3 mail pack lmt amt; 90 mail pack lmt day(s)
PULMICORT FLEXHALER AEPB	2	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 3 mail pack lmt amt; 90 mail pack lmt day(s)			
QVAR REDHALER	2	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 3 mail pack lmt amt; 90 mail pack lmt day(s)			
Sympathomimetics					

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>fluticasone-salmeterol</i> AERO	1	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 3 mail pack lmt amt; 90 mail pack lmt day(s)	ELIQUIS STARTER PACK TBPK	2	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; QL(2.47 ea daily)
<i>formoterol fumarate</i> NEBU	1	QL(4 ml daily)	ELIQUIS TABS	2	QL(2 ea daily)
<i>ipratropium-albuterol</i> SOLN	1	QL(18 ml daily)	XARELTO STARTER PACK TBPK	2	1 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply
<i>levalbuterol hcl</i>	1	QL(12 ml daily)	XARELTO SUSR	2	QL(900 ml per 30 days retail; 900 ml per 30 days mail)
<i>levalbuterol hcl 1.25 MG/0.5ML</i>	1		XARELTO TABS 2.5 MG, 15 MG	2	QL(2 ea daily)
<i>levalbuterol tartrate</i>	1	QL(0.5 gm daily)	XARELTO TABS 10 MG, 20 MG	2	QL(1 ea daily)
SEREVENT DISKUS	2	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 3 mail pack lmt amt; 90 mail pack lmt day(s)	Heparins And Heparinoid-Like Agents		
STIOLTO RESPIMAT	2	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 3 mail pack lmt amt; 90 mail pack lmt day(s)	<i>enoxaparin sodium SOLN IJ 300 MG/3ML</i>	4	QL(6 ml daily)
STRIVERDI RESPIMAT	2		<i>enoxaparin sodium SOSY 60 MG/0.6ML</i>	4	QL(1.2 ml daily; 30 Day(s) limit); SP
<i>terbutaline sulfate SOLN</i>	1		<i>enoxaparin sodium SOSY 80 MG/0.8ML, 120 MG/0.8ML</i>	4	QL(1.6 ml daily)
<i>terbutaline sulfate TABS</i>	1		<i>enoxaparin sodium SOSY 40 MG/0.4ML</i>	4	QL(0.8 ml daily; 30 Day(s) limit); SP
TRELEGY ELLIPTA	2	QL(2 ea daily)	<i>enoxaparin sodium SOSY 30 MG/0.3ML</i>	4	QL(0.6 ml daily); SP
Xanthines			<i>enoxaparin sodium SOSY 100 MG/ML, 150 MG/ML</i>	4	QL(2 ml daily)
<i>aminophylline SOLN</i>	1		<i>fondaparinux sodium 2.5 MG/0.5ML</i>	4	QL(4.5 ml per 180 days retail; 4 ml per 180 days mail); SP
<i>theophylline ELIX</i>	1		<i>fondaparinux sodium 5 MG/0.4ML</i>	4	QL(3.6 ml per 180 days retail; 4 ml per 180 days mail); SP
<i>theophylline SOLN</i>	1	QL(56 ml daily)	<i>fondaparinux sodium 7.5 MG/0.6ML</i>	4	QL(5.4 ml per 180 days retail; 5 ml per 180 days mail); SP
<i>theophylline TB12</i>	1				
<i>theophylline TB24</i>	1				
ANTICOAGULANTS - Blood Thinners					
Coumarin Anticoagulants					
<i>warfarin sodium TABS</i>	1				
Direct Factor Xa Inhibitors					

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>fondaparinux sodium 10 MG/0.8ML</i>	4	QL(7.2 ml per 180 days retail; 7 ml per 180 days mail); SP	VALTOCO 15 MG DOSE LQPK	4	QL(10 ea per 30 days retail); PA
FRAGMIN SOSY	4	SP; PA	VALTOCO 20 MG DOSE LQPK	4	QL(10 ea per 30 days retail); PA
<i>heparin sodium (porcine) SOLN IJ 5000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML</i>	1		VALTOCO 5 MG DOSE LIQD	4	QL(10 ea per 30 days retail); PA
HEPARIN SODIUM/NACL 0.45% SOLN IV 0.45 %-12500 UNIT/250ML	1		Anticonvulsants - Misc.		
Thrombin Inhibitors			APTIOM	3	QL(2 ea daily); ST
<i>dabigatran etexilate mesylate CAPS</i>	1		BANZEL TABS 400 MG (<i>rufinamide</i>)	2	QL(8 ea daily); PA
ANTICONVULSANTS - Drugs to Treat Seizures			BANZEL TABS 200 MG (<i>rufinamide</i>)	2	QL(2 ea daily); PA
AMPA Glutamate Receptor Antagonists			BRIVIACT SOLN OR 10 MG/ML	3	QL(20 ml daily); PA
FYCOMPA TABS 8 MG, 10 MG, 12 MG	3	QL(1 ea daily); PA	BRIVIACT TABS	3	QL(2 ea daily); PA
FYCOMPA TABS 6 MG	3	QL(2 ea daily); PA	<i>carbamazepine CHEW</i>	1	
FYCOMPA TABS 2 MG	3	QL(6 ea daily); PA	<i>carbamazepine CP12 200 MG</i>	1	QL(6 ea daily)
FYCOMPA TABS 4 MG	3	QL(3 ea daily); PA	<i>carbamazepine CP12 300 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
Anticonvulsants - Benzodiazepines			<i>carbamazepine CP12 100 MG</i>	1	
<i>clobazam SUSP</i>	1	QL(16 ml daily); PA	<i>carbamazepine SUSP</i>	1	
<i>clobazam TABS</i>	1	QL(2 ea daily); PA	<i>carbamazepine TABS</i>	1	
<i>clonazepam TABS</i>	1		<i>carbamazepine TB12 200 MG</i>	1	QL(6 ea daily)
<i>diazepam (anticonvulsant) GEL</i>	3	5 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 5 mail pack lmt amt; 30 mail pack lmt day(s)	<i>carbamazepine TB12 100 MG, 400 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
NAYZILAM	3	QL(10 ea per 30 days retail); PA	DIACOMIT CAPS	4	QL(12 ea daily); PA
VALTOCO 10 MG DOSE LIQD	4	QL(10 ea per 30 days retail); PA	DIACOMIT PACK 250 MG	4	QL(12 ea daily); PA
			DIACOMIT PACK 500 MG	4	QL(6 ea daily); PA
			EPIDIOLEX	3	PA
			<i>gabapentin CAPS</i>	1	
			<i>gabapentin SOLN</i>	1	QL(60 ml daily)
			<i>gabapentin TABS 600 MG, 800 MG</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>lacosamide SOLN IV 200 MG/20ML</i>	1	QL(40 ml daily)	<i>topiramate CPSP 25 MG</i>	1	QL(8 ea daily)
<i>lacosamide TABS</i>	1	QL(2 ea daily)	<i>topiramate CPSP 15 MG</i>	1	QL(6 ea daily)
LAMICTAL TABS 150 MG, 200 MG (<i>lamotrigine</i>)	3		<i>topiramate CS24</i>	3	PA
<i>lamotrigine CHEW 25 MG</i>	1	QL(20 ea daily)	<i>topiramate TABS 200 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>lamotrigine CHEW 5 MG</i>	1	QL(100 ea daily)	<i>topiramate TABS 25 MG, 100 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>lamotrigine TABS</i>	1		<i>topiramate TABS 50 MG</i>	1	QL(6 ea daily)
<i>lamotrigine TBDP</i>	1	QL(1 ea daily)	<i>zonisamide CAPS</i>	1	QL(6 ea daily)
<i>levetiracetam SOLN IV 500 MG/5ML</i>	1	QL(30 ml daily)	Carbamates		
<i>levetiracetam TABS 1000 MG</i>	1	QL(3 ea daily)	<i>felbamate SUSP</i>	1	QL(30 ml daily)
<i>levetiracetam TABS 500 MG</i>	1	QL(6 ea daily)	<i>felbamate TABS 400 MG</i>	1	QL(9 ea daily)
<i>levetiracetam TABS 250 MG, 750 MG</i>	1	QL(4 ea daily)	<i>felbamate TABS 600 MG</i>	1	QL(6 ea daily)
<i>levetiracetam TB24</i>	1	QL(4 ea daily)	GABA Modulators		
<i>oxcarbazepine SUSP</i>	1	QL(40 ml daily)	<i>tiagabine hcl</i>	1	
<i>oxcarbazepine TABS 600 MG</i>	1	QL(4 ea daily)	<i>vigabatrin PACK</i>	4	QL(6 ea daily); SP; PA
<i>oxcarbazepine TABS 150 MG, 300 MG</i>	1	QL(3 ea daily)	<i>vigabatrin TABS</i>	4	QL(6 ea daily); SP; PA
<i>pregabalin CAPS 225 MG, 300 MG</i>	3	QL(2 ea daily); PA	Hydantoins		
<i>pregabalin CAPS 25 MG, 50 MG, 75 MG, 100 MG, 150 MG, 200 MG</i>	3	QL(3 ea daily); PA	DILANTIN (<i>phenytoin sodium extended</i>)	2	
<i>pregabalin SOLN</i>	3	QL(30 ml daily); PA	DILANTIN	2	
<i>primidone 50 MG, 250 MG</i>	1		DILANTIN INFATABS CHEW (<i>phenytoin</i>)	2	
<i>rufinamide SUSP</i>	1	QL(80 ml daily); PA	DILANTIN-125 SUSP (<i>phenytoin</i>)	2	
<i>rufinamide TABS 400 MG</i>	1	QL(8 ea daily); PA	<i>fosphenytoin sodium</i>	1	
<i>rufinamide TABS 200 MG</i>	1	QL(2 ea daily); PA	<i>phenytoin sodium extended 100 MG, 200 MG, 300 MG</i>	1	
TEGRETOL SUSP (<i>carbamazepine</i>)	2		<i>phenytoin sodium SOLN</i>	1	
TEGRETOL TABS (<i>carbamazepine</i>)	2		<i>phenytoin CHEW</i>	1	
			<i>phenytoin SUSP</i>	1	
			Succinimides		
			CELONTIN (<i>methsuximide</i>)	3	QL(4 ea daily)
			<i>ethosuximide CAPS</i>	1	QL(6 ea daily)
			<i>ethosuximide SOLN</i>	1	QL(30 ml daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>methsuximide</i>	1	QL(4 ea daily)
ZARONTIN CAPS (<i>ethosuximide</i>)	2	QL(6 ea daily)
Valproic Acid		
<i>divalproex sodium TB24</i>	1	
<i>divalproex sodium TBEC</i>	1	
<i>valproate sodium SOLN</i> OR 250 MG/5ML	1	
<i>valproic acid CAPS</i>	1	
ANTIDEPRESSANTS - Drugs to Treat Depression		
Alpha-2 Receptor Antagonists (Tetracyclics)		
<i>mirtazapine TABS 30 MG</i>	1	QL(1.5 ea daily)
<i>mirtazapine TABS 7.5 MG, 45 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>mirtazapine TABS 15 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>mirtazapine TBDP 45 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>mirtazapine TBDP 30 MG</i>	1	QL(1.5 ea daily)
<i>mirtazapine TBDP 15 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
Antidepressants - Misc.		
<i>bupropion hcl TABS</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>bupropion hcl TB12 100 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>bupropion hcl TB12 150 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>bupropion hcl TB12 200 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>bupropion hcl TB24 300 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>bupropion hcl TB24 150 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
Monoamine Oxidase Inhibitors (MAOIs)		
EMSAM	3	QL(1 ea daily)
MARPLAN	2	QL(6 ea daily)
<i>phenelzine sulfate</i>	1	
<i>tranylcypromine sulfate</i>	1	
N-Methyl-D-aspartic acid (NMDA) Receptor		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Antagonists		
SPRAVATO 56MG DOSE	4	PA
SPRAVATO 84MG DOSE	4	PA
Selective Serotonin Reuptake Inhibitors (SSRIs)		
<i>citalopram hydrobromide SOLN</i>	1	QL(20 ml daily)
<i>citalopram hydrobromide TABS 40 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>citalopram hydrobromide TABS 10 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>citalopram hydrobromide TABS 20 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>escitalopram oxalate SOLN</i>	1	QL(20 ml daily)
<i>escitalopram oxalate TABS 5 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>escitalopram oxalate TABS 10 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>escitalopram oxalate TABS 20 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>fluoxetine hcl CAPS 40 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>fluoxetine hcl CAPS 20 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>fluoxetine hcl CAPS 10 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>fluoxetine hcl CPDR</i>	1	
<i>fluoxetine hcl SOLN</i>	1	QL(20 ml daily)
<i>fluoxetine hcl TABS 10 MG, 60 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>fluoxetine hcl TABS 20 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>fluvoxamine maleate TABS 100 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>fluvoxamine maleate TABS 25 MG, 50 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>paroxetine hcl SUSP</i>	1	QL(30 ml daily)
<i>paroxetine hcl TABS 40 MG</i>	1	QL(1 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>paroxetine hcl TABS 30 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>paroxetine hcl TABS 20 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>paroxetine hcl TABS 10 MG</i>	1	QL(6 ea daily)
<i>paroxetine hcl TB24 25 MG, 37.5 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>paroxetine hcl TB24 12.5 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>sertraline hcl CONC</i>	1	QL(10 ml daily)
<i>sertraline hcl TABS 100 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>sertraline hcl TABS 25 MG, 50 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
Serotonin Modulators		
<i>nefazodone hcl</i>	1	
<i>trazodone hcl TABS</i>	1	
TRINTELLIX	3	QL(1 ea daily); PA
VIIBRYD STARTER PACK KIT	3	1 rtl pack lmt amt; 180 rtl pack lmt day(s)
<i>vilazodone hcl TABS</i>	1	QL(1 ea daily)
Serotonin-Norepinephrine Reuptake Inhibitors (SNRIs)		
<i>desvenlafaxine succinate 25 MG, 50 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>desvenlafaxine succinate 100 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>duloxetine hcl CPEP 40 MG</i>	1	
<i>duloxetine hcl CPEP 20 MG, 30 MG, 60 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
FETZIMA TITRATION PACK C4PK	3	PA
FETZIMA CP24	3	QL(1 ea daily); PA
<i>venlafaxine hcl CP24 75 MG</i>	1	QL(5 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>venlafaxine hcl CP24 37.5 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>venlafaxine hcl CP24 150 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>venlafaxine hcl TABS</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>venlafaxine hcl TB24 150 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>venlafaxine hcl TB24 37.5 MG, 75 MG, 225 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
Tricyclic Agents		
<i>amitriptyline hcl TABS</i>	1	
<i>amoxapine</i>	1	
<i>clomipramine hcl</i>	1	
<i>desipramine hcl TABS</i>	1	
<i>doxepin hcl CAPS</i>	1	
<i>doxepin hcl CONC</i>	1	
<i>imipramine hcl TABS</i>	1	
<i>imipramine pamoate</i>	1	
<i>nortriptyline hcl CAPS</i>	1	
<i>nortriptyline hcl SOLN</i>	1	
<i>protriptyline hcl</i>	1	
<i>trimipramine maleate CAPS</i>	1	
ANTIDIABETICS - Drugs to Regulate Blood Sugar		
Alpha-Glucosidase Inhibitors		
<i>acarbose</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>miglitol</i>	1	QL(3 ea daily)
Antidiabetic Combinations		
<i>alogliptin-metformin hcl</i>	1	QL(2 ea daily); PA
<i>alogliptin-pioglitazone 15 MG-12.5 MG, 30 MG-12.5 MG, 45 MG-12.5 MG</i>	1	QL(2 ea daily); PA
<i>alogliptin-pioglitazone 15 MG-25 MG, 30 MG-25 MG, 45 MG-25 MG</i>	1	QL(1 ea daily); PA
<i>glipizide-metformin hcl 250 MG-2.5 MG, 500 MG-2.5 MG</i>	1	QL(2 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>glipizide-metformin hcl</i> 500 MG-5 MG	1	QL(4 ea daily)
<i>glyburide-metformin</i> 250 MG-1.25 MG	1	QL(2 ea daily)
<i>glyburide-metformin</i> 500 MG-2.5 MG, 500 MG-5 MG	1	QL(4 ea daily)
GLYXAMBI	2	QL(1 ea daily)
JANUMET XR TB24 1000 MG-50 MG, 500 MG-50 MG	2	QL(2 ea daily)
JANUMET XR TB24 1000 MG-100 MG	2	QL(1 ea daily)
JANUMET TABS	2	QL(2 ea daily)
<i>pioglitazone hcl-glimepiride</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>pioglitazone hcl-metformin hcl</i> TABS	1	QL(2 ea daily)
<i>saxagliptin-metformin hcl</i> 1000 MG-5 MG, 500 MG-5 MG	1	QL(1 ea daily)
<i>saxagliptin-metformin hcl</i> 1000 MG-2.5 MG	1	QL(2 ea daily)
SOLIQUA 100/33	2	QL(0.5 ml daily); PA
SYNJARDY XR TB24 1000 MG-10 MG, 1000 MG-12.5 MG, 1000 MG-5 MG	2	QL(2 ea daily)
SYNJARDY XR TB24 1000 MG-25 MG	2	QL(1 ea daily)
SYNJARDY TABS	2	QL(2 ea daily)
TRIJARDY XR 1000 MG-2.5 MG-12.5 MG, 1000 MG-2.5 MG-5 MG	2	QL(2 ea daily)
TRIJARDY XR 1000 MG-5 MG-10 MG, 1000 MG-5 MG-25 MG	2	QL(1 ea daily)
XIGDUO XR 1000 MG-10 MG, 500 MG-10 MG, 500 MG-5 MG	2	QL(1 ea daily)
XIGDUO XR 1000 MG-2.5 MG, 1000 MG-5 MG	2	QL(2 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
XULTOPHY 100/3.6	2	QL(0.5 ml daily); PA
Biguanides		
<i>metformin hcl</i> TABS 500 MG	1	QL(5 ea daily)
<i>metformin hcl</i> TABS 1000 MG	1	QL(2.5 ea daily)
<i>metformin hcl</i> TABS 850 MG	0	QL(3 ea daily)
<i>metformin hcl</i> TB24 500 MG	1	QL(4 ea daily)
<i>metformin hcl</i> TB24 750 MG	1	QL(3 ea daily)
Diabetic Other		
<i>diazoxide</i>	3	
<i>glucagon (rdna)</i>	1	QL(0.035 ea daily)
Dipeptidyl Peptidase-4 (DPP-4) Inhibitors		
<i>alogliptin benzoate</i>	1	QL(1 ea daily)
JANUVIA	2	QL(1 ea daily)
<i>saxagliptin hcl</i>	1	QL(1 ea daily)
Incretin Mimetic Agents		
OZEMPIC SOPN	2	QL(0.108 ml daily); PA
OZEMPIC SOPN 2 MG/1.5ML	2	QL(0.054 ml daily); PA
RYBELSUS TABS	2	QL(1 ea daily); PA
TRULICITY	2	QL(0.143 ml daily); PA
VICTOZA	2	QL(0.3 ml daily); PA
Insulin		
APIDRA SOLOSTAR SOPN	3	PA
APIDRA SOLN	3	PA
BASAGLAR KWIKPEN SOPN	2	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
HUMULIN R U-500 (CONCENTRATED) SOLN SC	2	QL(1.34 ml daily)
HUMULIN R U-500 KWIKPEN SOPN SC	2	QL(1.34 ml daily)
INSULIN ASPART FLEXPEN SOPN	1	
INSULIN ASPART PENFILL SOCT	1	
INSULIN ASPART PROTAMINE/INSULIN ASPART FLEXPEN SUPN	1	
INSULIN ASPART PROTAMINE/INSULIN ASPART SUSP	1	
INSULIN ASPART SOLN IJ	1	
INSULIN DEGLUDEC FLEXTOUCH SOPN	2	
INSULIN DEGLUDEC SOLN	2	
LEVEMIR FLEXPEN SOPN	3	PA
LEVEMIR FLEXTOUCH SOPN	3	PA
LEVEMIR SOLN	3	PA
NOVOLIN 70/30 FLEXPEN SUPN	2	
NOVOLIN 70/30 SUSP	2	
NOVOLIN N FLEXPEN SUPN	2	
NOVOLIN N SUSP	2	
NOVOLIN R FLEXPEN SOPN IJ	2	
NOVOLIN R SOLN IJ	2	
Insulin Sensitizing Agents		
<i>pioglitazone hcl</i>	1	QL(1 ea daily)
Meglitinide Analogues		
<i>nateglinide</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>repaglinide 0.5 MG, 1 MG</i>	1	QL(4 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>repaglinide 2 MG</i>	1	QL(8 ea daily)
Sodium-Glucose Co-Transporter 2 (SGLT2) Inhibitors		
FARXIGA	2	QL(1 ea daily)
JARDIANCE	2	QL(1 ea daily)
Sulfonylureas		
<i>glimepiride 1 MG, 2 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>glimepiride 4 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>glipizide TABS 5 MG, 10 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>glipizide TB24</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>glyburide micronized 1.5 MG, 3 MG, 6 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>glyburide TABS</i>	1	QL(4 ea daily)
ANTIDIARRHEAL/PROBIOTIC AGENTS - Drugs to Treat Diarrhea		
Antiperistaltic Agents		
<i>diphenoxylate w/ atropine LIQD</i>	1	
<i>diphenoxylate w/ atropine TABS</i>	1	
<i>loperamide hcl CAPS</i>	1	RX/OTC
MOTOFEN	3	
ANTIDOTES AND SPECIFIC ANTAGONISTS		
Antidotes - Chelating Agents		
CHEMET	3	
<i>deferasirox PACK</i>	4	PA
<i>deferasirox TABS</i>	4	SP; PA
<i>deferasirox TBSO</i>	4	SP; PA
<i>deferiprone TABS 500 MG</i>	1	
Antidotes and Specific Antagonists		
VISTOGARD	4	PA
Opioid Antagonists		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
KLOXXADO LIQD	3	2 rtl MAX fill; 30 rtl day(s) supply
<i>naloxone hcl LIQD</i>	1	2 rtl MAX fill; 30 rtl day(s) supply; QL(2 ea per fill retail); RX/OTC
<i>naloxone hcl SOLN 0.4 MG/ML, 4 MG/10ML</i>	0	
<i>naltrexone hcl</i>	0	
VIVITROL	3	
ANTIEMETICS - Drugs to Treat Nausea and Vomiting		
5-HT3 Receptor Antagonists		
ANZEMET TABS 50 MG	3	QL(0.167 ea daily); PA
<i>granisetron hcl SOLN IV 1 MG/ML</i>	1	
<i>granisetron hcl TABS</i>	1	QL(0.34 ea daily)
<i>ondansetron hcl SOLN IJ 4 MG/2ML</i>	1	
<i>ondansetron hcl SOLN OR 4 MG/5ML</i>	1	QL(3.34 ml daily)
<i>ondansetron hcl SOSY</i>	1	
<i>ondansetron hcl TABS 24 MG</i>	1	QL(0.143 ea daily)
<i>ondansetron hcl TABS 8 MG</i>	1	QL(3 ea daily; 45 ea per fill retail; 45 per fill mail)
<i>ondansetron hcl TABS 4 MG</i>	1	QL(4 ea daily; 60 ea per fill retail; 60 per fill mail)
<i>ondansetron TBDP 8 MG</i>	1	
<i>ondansetron TBDP 4 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>palonosetron hcl SOLN</i>	1	
Antiemetics - Anticholinergic		
<i>meclizine hcl TABS 12.5 MG, 25 MG</i>	1	RX/OTC

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>scopolamine</i>	1	QL(0.34 ea daily)
<i>trimethobenzamide hcl CAPS</i>	1	
Antiemetics - Miscellaneous		
AKYNZEO	3	PA
<i>doxylamine-pyridoxine TBEC</i>	1	3 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; 3 mail MAX fill; QL(4 ea daily); PA
<i>dronabinol CAPS</i>	1	
Substance P/Neurokinin 1 (NK1) Receptor Antagonists		
<i>aprepitant CAPS 80 MG</i>	1	QL(0.134 ea daily); PA
<i>aprepitant CAPS 40 MG, 125 MG</i>	1	QL(0.067 ea daily); PA
<i>aprepitant CAPS</i>	1	PA
<i>aprepitant MISC</i>	1	PA
VARUBI TBPK	3	PA
ANTIFUNGALS - Drugs to Treat Fungal Infections		
Antifungal - Glucan Synthesis Inhibitors		
<i>casprofungin acetate</i>	1	
ERAXIS	3	
<i>micafungin sodium</i>	1	PA
Antifungals		
ABELCET	3	
<i>amphotericin b IV</i>	3	
<i>amphotericin b liposome</i>	3	
<i>flucytosine</i>	1	
<i>griseofulvin microsize SUSP</i>	1	AL(At least 2 yrs old)
<i>griseofulvin microsize TABS</i>	1	
<i>griseofulvin ultramicrosize</i>	1	
<i>nystatin TABS</i>	1	
<i>terbinafine hcl TABS</i>	1	QL(1 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Imidazole-Related Antifungals		
CRESEMBA CAPS 186 MG	3	PA
<i>fluconazole SUSP</i>	1	
<i>fluconazole TABS</i>	1	
<i>itraconazole CAPS</i>	1	QL(4 ea daily); PA
<i>itraconazole SOLN</i>	1	QL(20 ml daily); PA
<i>ketoconazole</i>	1	
NOXAFIL SUSP (<i>posaconazole</i>)	3	QL(20 ml daily)
<i>posaconazole SUSP</i>	1	QL(20 ml daily)
TOLSURA CAPS	4	PA
<i>voriconazole TABS</i>	1	QL(4 ea daily)
ANTIHISTAMINES - Drugs to Treat Allergies		
Antihistamines - Alkylamines		
<i>dexchlorpheniramine maleate SOLN</i>	1	
Antihistamines - Ethanolamines		
<i>carbinoxamine maleate SOLN</i>	1	
<i>carbinoxamine maleate TABS 4 MG</i>	1	
<i>clemastine fumarate SYRP</i>	1	
<i>clemastine fumarate TABS 2.68 MG</i>	1	
<i>diphenhydramine hcl CAPS 50 MG</i>	1	
<i>diphenhydramine hcl ELIX 12.5 MG/5ML</i>	1	
<i>diphenhydramine hcl LIQD 12.5 MG/5ML</i>	1	
<i>diphenhydramine hcl SOLN 50 MG/ML</i>	1	
Antihistamines - Non-Sedating		
<i>cetirizine hcl TABS</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>desloratadine TABS</i>	1	QL(1 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>desloratadine TBDP 2.5 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>levocetirizine dihydrochloride SOLN</i>	1	QL(10 ml daily); RX/OTC
<i>levocetirizine dihydrochloride TABS</i>	1	QL(1 ea daily); RX/OTC
<i>loratadine CAPS</i>	1	
<i>loratadine CHEW</i>	1	
<i>loratadine SOLN</i>	1	
<i>loratadine TABS</i>	1	
<i>loratadine TBDP</i>	1	
Antihistamines - Phenothiazines		
<i>promethazine hcl SOLN OR 6.25 MG/5ML</i>	1	
<i>promethazine hcl SUPP 50 MG</i>	1	
<i>promethazine hcl SUPP 12.5 MG, 25 MG</i>	1	QL(6 ea daily)
<i>promethazine hcl TABS</i>	1	
Antihistamines - Piperidines		
<i>cyproheptadine hcl SYRP</i>	1	
<i>cyproheptadine hcl TABS</i>	1	
ANTIHYPERLIPIDEMICS - Drugs to Treat High Cholesterol		
Antihyperlipidemics - Combinations		
<i>ezetimibe-simvastatin</i>	1	QL(1 ea daily)
Antihyperlipidemics - Misc.		
<i>icosapent ethyl 1 GM</i>	1	QL(4 ea daily); PA
<i>omega-3-acid ethyl esters</i>	1	QL(4 ea daily)
Bile Acid Sequestrants		
<i>cholestyramine light PACK</i>	1	QL(6 ea daily)
<i>cholestyramine light POWD</i>	1	QL(24 gm daily)
<i>cholestyramine PACK</i>	1	QL(6 ea daily)
<i>cholestyramine POWD</i>	1	QL(25.2 gm daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>colesevelam hcl PACK</i>	1	QL(1 ea daily); PA
<i>colesevelam hcl TABS</i>	1	QL(7 ea daily)
<i>colestipol hcl GRAN</i>	1	QL(6 gm daily)
<i>colestipol hcl PACK</i>	1	QL(6 ea daily)
<i>colestipol hcl TABS</i>	1	QL(16 ea daily)
Fibric Acid Derivatives		
<i>choline fenofibrate</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>fenofibrate micronized 67 MG, 134 MG, 200 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>gemfibrozil TABS</i>	1	QL(2 ea daily)
HMG CoA Reductase Inhibitors		
<i>atorvastatin calcium TABS</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>fluvastatin sodium CAPS 20 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>fluvastatin sodium CAPS 40 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>lovastatin TABS 40 MG</i>	1	\$0 copay for generic only, age 40 to 76; QL(2 ea daily); PV
<i>lovastatin TABS 10 MG, 20 MG</i>	1	\$0 copay for generic only, age 40 to 76; QL(1 ea daily); PV
<i>pravastatin sodium</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>rosuvastatin calcium TABS</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>simvastatin TABS</i>	1	QL(1 ea daily)
Intestinal Cholesterol Absorption Inhibitors		
<i>ezetimibe</i>	1	QL(1 ea daily)
Nicotinic Acid Derivatives		
<i>niacin (antihyperlipidemic) TBCR</i>	1	QL(2 ea daily)
Proprotein Convertase Subtilisin/Kexin Type 9 Inhibitors		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
REPATHA PUSHTRONEX SYSTEM SOCT	4	QL(0.25 ml daily); PA
REPATHA SURECLICK SOAJ	4	QL(0.0714 ml daily); PA
REPATHA SOSY	4	QL(0.0714 ml daily); PA
ANTIHYPERTENSIVES - Drugs to Treat High Blood Pressure		
ACE Inhibitors		
<i>benazepril hcl</i>	1	
<i>captopril 12.5 MG</i>	1	
<i>captopril 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>enalapril maleate TABS</i>	1	
<i>fosinopril sodium</i>	1	
<i>lisinopril TABS 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG</i>	1	
<i>moexipril hcl</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>perindopril erbumine 4 MG</i>	1	
<i>perindopril erbumine 2 MG, 8 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>quinapril hcl 5 MG, 10 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>quinapril hcl 20 MG, 40 MG</i>	1	
<i>ramipril CAPS</i>	1	
<i>trandolapril 4 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>trandolapril 1 MG, 2 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
Agents for Pheochromocytoma		
<i>phenoxybenzamine hcl</i>	3	PA
Angiotensin II Receptor Antagonists		
<i>candesartan cilexetil</i>	1	QL(1 ea daily)
EDARBI	3	QL(1 ea daily); ST
<i>irbesartan</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>losartan potassium</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>olmesartan medoxomil</i>	1	QL(1 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>telmisartan</i>	1	QL(1 ea daily)	<i>irbesartan-hydrochlorothiazide</i>	1	
<i>valsartan TABS</i>	1	QL(1 ea daily)	<i>lisinopril & hydrochlorothiazide</i>	1	
Antiadrenergic Antihypertensives			<i>losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-100 MG, 25 MG-100 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>clonidine</i>	3	QL(0.15 ea daily)	<i>losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-50 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>clonidine hcl TABS</i>	1	QL(8 ea daily)	<i>metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-100 MG, 50 MG-100 MG</i>	1	
<i>doxazosin mesylate</i>	1		<i>metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-50 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>guanfacine hcl</i>	1		<i>olmesartan medoxomil-amlodipine-hydrochlorothiazide</i>	1	ST
<i>methyldopa TABS</i>	1	QL(6 ea daily)	<i>olmesartan medoxomil-hydrochlorothiazide</i>	1	
<i>prazosin hcl CAPS</i>	1	QL(4 ea daily)	<i>quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>terazosin hcl</i>	1		<i>quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
Antihypertensive Combinations			<i>quinapril-hydrochlorothiazide 25 MG-20 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>amlodipine besylate-benazepril hcl</i>	1		<i>telmisartan-amlodipine</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>amlodipine besylate-olmesartan medoxomil</i>	1	ST	<i>telmisartan-hydrochlorothiazide</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>amlodipine besylate-valsartan</i>	1	QL(1 ea daily)	<i>trandolapril-verapamil hcl 180 MG-2 MG, 240 MG-1 MG</i>	3	
<i>amlodipine-valsartan-hydrochlorothiazide</i>	3		<i>trandolapril-verapamil hcl 240 MG-2 MG, 240 MG-4 MG</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>atenolol & chlorthalidone</i>	1		<i>valsartan-hydrochlorothiazide</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG, 6.25 MG-5 MG</i>	1		Antihypertensives - Misc.		
<i>benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG, 25 MG-20 MG</i>	1	QL(1 ea daily)			
<i>bisoprolol & hydrochlorothiazide</i>	1	QL(2 ea daily)			
<i>candesartan cilexetil-hydrochlorothiazide</i>	1				
<i>enalapril maleate & hydrochlorothiazide 12.5 MG-5 MG</i>	1	QL(2 ea daily)			
<i>enalapril maleate & hydrochlorothiazide 25 MG-10 MG</i>	1				
<i>fosinopril sodium & hydrochlorothiazide</i>	1	QL(1 ea daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
VECAMYL	3	PA
Direct Renin Inhibitors		
<i>aliskiren fumarate</i>	1	QL(1 ea daily)
Selective Aldosterone Receptor Antagonists (SARAs)		
<i>eplerenone</i>	1	
Vasodilators		
<i>hydralazine hcl SOLN</i>	1	
<i>hydralazine hcl TABS</i>	1	
<i>minoxidil 2.5 MG, 10 MG</i>	1	
ANTI-INFECTIVE AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Anti-infective Agents - Misc.		
<i>bacitracin</i>	3	
IMPAVIDO	3	QL(3 ea daily); PA
<i>metronidazole TABS</i>	1	
<i>trimethoprim TABS</i>	1	
XIFAXAN 550 MG	3	QL(3 ea daily); AL(At least 12 yrs old); PA
XIFAXAN 200 MG	3	QL(3 ea daily); 9 ea per 3 days retail; 9 ea per 3 days mail); AL(At least 12 yrs old); PA
Anti-infective Misc. - Combinations		
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim SOLN</i>	1	
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim SUSP</i>	1	
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim TABS</i>	1	
Antiprotozoal Agents		
ALINIA SUSR	2	PA
<i>atovaquone</i>	1	
<i>nitazoxanide TABS</i>	1	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Carbapenems		
<i>ertapenem sodium IJ</i>	1	
<i>imipenem-cilastatin IV</i>	1	
<i>meropenem</i>	1	
Chloramphenicols		
<i>chloramphenicol sodium succinate</i>	4	SP; PA
Cyclic Lipopeptides		
<i>daptomycin 500 MG</i>	1	
Glycopeptides		
<i>vancomycin hcl CAPS</i>	1	QL(4 ea daily; 40 ea per fill retail)
<i>vancomycin hcl SOLR IV 1 GM, 10 GM, 500 MG, 1000 MG</i>	1	
<i>vancomycin hcl SOLR OR 25 MG/ML, 50 MG/ML, 250 MG/5ML</i>	1	QL(300 ml per fill retail)
Leprostotics		
<i>dapsone</i>	1	
Lincosamides		
<i>clindamycin hcl</i>	1	
<i>clindamycin palmitate hydrochloride</i>	1	
<i>clindamycin phosphate SOLN IJ 9 GM/60ML, 300 MG/2ML, 600 MG/4ML, 900 MG/6ML, 9000 MG/60ML</i>	1	
<i>lincomycin hcl</i>	1	
Monobactams		
<i>aztreonam 1 GM</i>	1	
CAYSTON	4	QL(3 ml daily); PA
Oxazolidinones		
<i>linezolid SUSR</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>linezolid TABS</i>	1	QL(2 ea daily); PA
SIVEXTRO TABS	3	PA
Polymyxins		
<i>polymyxin b sulfate SOLR</i>	1	
Urinary Anti-infectives		
<i>fosfomycin tromethamine</i>	1	
<i>methenamine hippurate</i>	1	
<i>nitrofurantoin</i>	1	
<i>nitrofurantoin macrocrystal 50 MG, 100 MG</i>	1	
<i>nitrofurantoin monohyd macro</i>	1	
ANTIMALARIALS - Drugs to Treat Malaria (Parasitic Infections)		
Antimalarial Combinations		
<i>atovaquone-proguanil hcl</i>	1	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(12 ea per fill retail; 12 per fill mail)
COARTEM	2	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(24 ea per fill retail; 24 per fill mail)
Antimalarials		
<i>chloroquine phosphate TABS 250 MG</i>	1	QL(3 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>chloroquine phosphate TABS 500 MG</i>	1	
<i>hydroxychloroquine sulfate 200 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
KRINTAFEL	3	QL(2 ea per 30 days retail)
<i>mefloquine hcl</i>	1	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(5 ea daily)
<i>primaquine phosphate TABS</i>	3	
<i>pyrimethamine</i>	1	QL(3 ea daily); PA
<i>quinine sulfate CAPS 324 MG</i>	1	PA
ANTIMYASTHENIC/CHOLINERGIC AGENTS		
Antimyasthenic/Cholinergic Agents		
FIRDAPSE	4	PA
<i>neostigmine methylsulfate SOSY</i>	3	PA
<i>pyridostigmine bromide SOLN OR</i>	1	
<i>pyridostigmine bromide TABS 60 MG</i>	1	
<i>pyridostigmine bromide TBCR</i>	1	
ANTIMYCOBACTERIAL AGENTS - Drugs to Treat Tuberculosis (Bacterial Infections)		
Antimycobacterial Agents		
CAPASTAT SULFATE	3	
<i>cycloserine</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>ethambutol hcl TABS</i>	1	
<i>isoniazid SOLN</i>	1	
<i>isoniazid SYRP</i>	1	
<i>isoniazid TABS</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
PASER PACK	3	QL(3 ea daily)
PRIFTIN	3	
<i>pyrazinamide</i>	1	
<i>rifabutin</i>	1	PA
<i>rifampin CAPS</i>	1	
<i>rifampin SOLR</i>	1	
SIRTURO	3	PA
TRECTOR	3	QL(4 ea daily)
ANTINEOPLASTICS AND ADJUNCTIVE THERAPIES - Drugs to Treat Cancer		
Alkylating Agents		
<i>bendamustine hcl SOLR</i>	4	SP; PA
<i>busulfan SOLN</i>	4	SP; PA
<i>carboplatin SOLN 50 MG/5ML</i>	4	SP; PA
<i>carmustine</i>	4	SP; PA
<i>cisplatin SOLN 100 MG/100ML</i>	4	SP; PA
<i>cyclophosphamide CAPS</i>	1	PA
<i>cyclophosphamide SOLR IJ</i>	4	SP; PA
GLEOSTINE 40 MG, 100 MG	4	PA
GLEOSTINE 10 MG	4	SP; PA
<i>ifosfamide SOLN 1 GM/20ML</i>	4	SP; PA
<i>ifosfamide SOLR</i>	4	SP; PA
LEUKERAN	4	SP; PA
<i>melphalan</i>	1	
<i>melphalan hcl</i>	1	
MYLERAN TABS	4	SP; PA
<i>oxaliplatin SOLN 50 MG/10ML, 100 MG/20ML</i>	4	SP; PA
TEMODAR SOLR	4	SP; PA
<i>temozolomide CAPS</i>	4	SP; PA
<i>thiotepa 15 MG</i>	4	SP; PA
ZANOSAR	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Antimetabolites		
<i>azacitidine SUSR</i>	4	SP; PA
<i>capecitabine</i>	4	SP; PA
<i>clofarabine</i>	4	SP; PA
<i>cytarabine SOLN</i>	4	SP; PA
<i>decitabine</i>	4	SP; PA
<i>floxuridine</i>	4	SP; PA
<i>fludarabine phosphate SOLN</i>	4	SP; PA
<i>fludarabine phosphate SOLR</i>	4	SP; PA
<i>fluorouracil 500 MG/10ML</i>	4	SP; PA
<i>gemcitabine hcl SOLR 2 GM, 200 MG</i>	4	SP; PA
<i>mercaptopurine TABS</i>	1	
<i>methotrexate sodium SOLN 50 MG/2ML, 250 MG/10ML</i>	1	
<i>methotrexate sodium SOLR</i>	1	SP
<i>methotrexate sodium TABS 2.5 MG</i>	1	SP
<i>nelarabine</i>	4	SP; PA
<i>pemetrexed disodium SOLR 500 MG</i>	4	SP; PA
<i>pralatrexate 20 MG/ML</i>	4	SP; PA
TABLOID	4	SP; PA
TREXALL TABS 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG	4	SP; PA
Antineoplastic - Angiogenesis Inhibitors		
INLYTA	4	QL(2 ea daily); SP; PA
LENVIMA 10 MG DAILY DOSE	4	QL(1 ea daily); PA
LENVIMA 12MG DAILY DOSE	4	QL(3 ea daily); PA
LENVIMA 14 MG DAILY DOSE	4	QL(2 ea daily); PA
LENVIMA 18 MG DAILY DOSE	4	QL(3 ea daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
LENVIMA 20 MG DAILY DOSE	4	QL(2 ea daily); PA	Antineoplastic - Hedgehog Pathway Inhibitors		
LENVIMA 24 MG DAILY DOSE	4	QL(3 ea daily); PA	DAURISMO	4	PA
LENVIMA 4 MG DAILY DOSE	4	QL(1 ea daily); PA	ERIVEDGE	4	QL(1 ea daily); SP; PA
LENVIMA 8 MG DAILY DOSE	4	QL(2 ea daily); PA	ODOMZO	4	QL(1 ea daily); PA
MVASI	4	PA	Antineoplastic - Hormonal and Related Agents		
ZALTRAP 100 MG/4ML	4	SP; PA	<i>abiraterone acetate 500 MG</i>	4	QL(2 ea daily); PA
ZIRABEV	4	PA	<i>abiraterone acetate 250 MG</i>	4	QL(4 ea daily); SP; PA
Antineoplastic - Antibodies			<i>anastrozole</i>	1	QL(1 ea daily)
ADCETRIS	4	SP; PA	<i>bicalutamide</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA
ARZERRA	4	SP; PA	ELIGARD SC 22.5 MG, 30 MG, 45 MG	4	SP; PA
RUXIENCE	4	PA	ELIGARD KIT SC 7.5 MG	4	QL(0.0089 ea daily); SP; PA
TRUXIMA	4	PA	EMCYT	4	SP; PA
YERVOY	4	SP; PA	ERLEADA 240 MG	4	QL(1 ea daily); PA
Antineoplastic - Anti-HER2 Agents			ERLEADA 60 MG	4	QL(4 ea daily); PA
KANJINTI	4	PA	<i>exemestane</i>	4	QL(1 ea daily); SP
OGIVRI	4	PA	FIRMAGON	4	QL(0.143 ea daily); SP; PA
PERJETA	4	SP; PA	<i>flutamide</i>	4	QL(6 ea daily); SP; PA
TRAZIMERA	4	PA	<i>fulvestrant SOSY</i>	4	QL(0.357 ml daily); SP; PA
TUKYSA	4	PA	<i>letrozole</i>	1	
Antineoplastic - EGFR Inhibitors			<i>leuprolide acetate KIT IJ 1 MG/0.2ML</i>	4	SP; PA
ERBITUX	4	SP; PA	LUPRON DEPOT (1-MONTH) KIT IM	4	QL(0.0357 ea daily); SP; PA
<i>erlotinib hcl</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA	LUPRON DEPOT (3-MONTH) KIT IM	4	SP; PA
<i>gefitinib</i>	4	QL(2 ea daily); PA	LUPRON DEPOT (4-MONTH) IM	4	QL(0.1339 ea daily); SP; PA
GILOTRIF	4	QL(1 ea daily); PA	LUPRON DEPOT (6-MONTH) IM	4	QL(0.0089 ea daily); SP; PA
IRESSA (<i>gefitinib</i>)	4	QL(2 ea daily); PA	LYSODREN	4	SP; PA
TAGRISSE 80 MG	4	QL(1 ea daily); PA			
TAGRISSE 40 MG	4	QL(2 ea daily); PA			
VECTIBIX 100 MG/5ML	4	SP; PA			
VIZIMPRO	4	QL(1 ea daily); PA			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>megestrol acetate SUSP</i>	1	
<i>megestrol acetate TABS</i>	1	
<i>nilutamide</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>tamoxifen citrate TABS</i>	0	
<i>toremifene citrate</i>	1	
TRELSTAR MIXJECT	4	SP; PA
XTANDI CAPS	4	QL(4 ea daily); SP; PA
XTANDI TABS 40 MG	4	QL(4 ea daily); PA
XTANDI TABS 80 MG	4	QL(2 ea daily); PA
YONSA	4	QL(4 ea daily); PA
ZOLADEX 3.6 MG	4	QL(0.0357 ea daily); SP; PA
ZOLADEX 10.8 MG	4	QL(0.0119 ea daily); SP; PA
Antineoplastic - Immunomodulators		
POMALYST	4	QL(1 ea daily); PA
Antineoplastic - PDGFR-alpha Inhibitors		
AYVAKIT	4	QL(1 ea daily); PA
Antineoplastic - XPO1 Inhibitors		
XPOVIO	4	PA
XPOVIO 60 MG TWICE WEEKLY	4	PA
XPOVIO 80 MG TWICE WEEKLY	4	PA
Antineoplastic Antibiotics		
<i>bleomycin sulfate 15 UNIT</i>	4	SP; PA
<i>dactinomycin</i>	4	SP; PA
<i>doxorubicin hcl liposomal</i>	4	SP; PA
<i>doxorubicin hcl SOLN</i>	4	SP; PA
<i>doxorubicin hcl SOLR 10 MG, 50 MG</i>	4	SP; PA
<i>idarubicin hcl 5 MG/5ML, 10 MG/10ML</i>	4	SP; PA
<i>idarubicin hcl 20 MG/20ML</i>	4	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>mitomycin SOLR IV 20 MG</i>	4	SP; PA
<i>mitoxantrone hcl 2 MG/ML</i>	4	SP; PA
<i>valrubicin</i>	4	SP; PA
Antineoplastic Combinations		
KISQALI FEMARA 200 DOSE	4	QL(2 ea daily); PA
KISQALI FEMARA 400 DOSE	4	QL(2.5 ea daily); PA
KISQALI FEMARA 600 DOSE	4	QL(3.25 ea daily); PA
Antineoplastic Enzyme Inhibitors		
ALECENSA	4	QL(4 ea daily); PA
ALUNBRIG TABS	4	QL(1 ea daily); PA
ALUNBRIG TBPk	4	QL(1 ea daily); PA
BALVERSA	4	PA
<i>bortezomib SOLR IJ</i>	4	SP; PA
BORTEZOMIB SOLR IV 3.5 MG	4	PA
BOSULIF TABS 400 MG	4	QL(1 ea daily); PA
BOSULIF TABS 100 MG, 500 MG	4	QL(1 ea daily); SP; PA
BRAFTOVI 75 MG	4	SP; PA
BRUKINSA	4	PA
CABOMETYX TABS	4	QL(1 ea daily); PA
CALQUENCE	4	QL(2 ea daily); PA
CALQUENCE	4	QL(2 ea daily); PA
CAPRELSA	4	QL(1 ea daily); SP; PA
COMETRIQ KIT	4	QL(4 ea daily); SP; PA
COMETRIQ KIT	4	QL(2 ea daily); SP; PA
COMETRIQ KIT	4	QL(3 ea daily); SP; PA
COPIKTRA	4	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>everolimus</i> TABS	4	QL(1 ea daily); SP; PA	PIQRAY 250MG DAILY DOSE	4	PA
IBRANCE CAPS	4	QL(1 ea daily); PA	PIQRAY 300MG DAILY DOSE	4	PA
IBRANCE TABS	4	QL(1 ea daily); PA	QINLOCK	4	PA
ICLUSIG	4	QL(1 ea daily); PA	RETEVMO	4	PA
<i>imatinib mesylate</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA	<i>romidepsin</i> SOLR	4	SP; PA
IMBRUVICA CAPS 140 MG	4	QL(3 ea daily); PA	ROZLYTREK CAPS	4	PA
IMBRUVICA CAPS 70 MG	4	QL(1 ea daily); PA	RUBRACA	4	QL(4 ea daily); PA
IMBRUVICA SUSP	4	QL(8 ml daily); PA	<i>sorafenib tosylate</i>	4	QL(4 ea daily); SP; PA
IMBRUVICA TABS	4	QL(1 ea daily); PA	SPRYCEL	4	QL(1 ea daily); SP; PA
INREBIC	4	PA	STIVARGA	4	QL(4 ea daily); SP; PA
JAKAFI	4	QL(2 ea daily); SP; PA	<i>sunitinib malate</i> 12.5 MG, 25 MG, 50 MG	4	QL(1 ea daily); SP; PA
KISQALI	4	QL(2 ea daily); PA	TABRECTA	4	PA
KISQALI	4	QL(2.5 ea daily); PA	TAFINLAR CAPS	4	QL(4 ea daily); PA
KOSELUGO	4	PA	TALZENNA 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG	4	QL(1 ea daily); PA
KYPROLIS	4	PA	TASIGNA 150 MG, 200 MG	4	QL(4 ea daily); SP; PA
<i>lapatinib ditosylate</i>	4	QL(6 ea daily); SP; PA	TASIGNA 50 MG	4	QL(4 ea daily); PA
LORBRENA	4	QL(1 ea daily); PA	TAZVERIK	4	PA
LYNPARZA TABS	4	QL(4 ea daily); PA	<i>temsirolimus</i>	4	QL(0.143 ml daily); SP; PA
MEKINIST TABS 2 MG	4	QL(1 ea daily); PA	TIBSOVO	4	PA
MEKINIST TABS 0.5 MG	4	QL(3 ea daily); PA	TURALIO	4	PA
MEKTOVI	4	SP; PA	TURALIO	4	PA
NINLARO	4	QL(0.143 ea daily); PA	VERZENIO	4	QL(2 ea daily); PA
<i>pazopanib hcl</i>	4	QL(4 ea daily); SP; PA	VITRAKVI CAPS	4	PA
PEMAZYRE	4	QL(1 ea daily); PA	VITRAKVI SOLN	4	PA
PIQRAY 200MG DAILY DOSE	4	PA	VOTRIENT (<i>pazopanib hcl</i>)	4	QL(4 ea daily); SP; PA
			XALKORI CAPS	4	QL(2 ea daily); SP; PA
			XOSPATA	4	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ZEJULA CAPS	4	QL(3 ea daily); PA	ETOPOPHOS	4	SP; PA
ZELBORAF	4	SP; PA	<i>etoposide CAPS</i>	4	SP; PA
ZOLINZA	4	QL(4 ea daily); SP; PA	<i>etoposide SOLN 1 GM/50ML, 100 MG/5ML, 500 MG/25ML</i>	4	SP; PA
ZYDELIG	4	QL(2 ea daily); PA	HALAVEN	4	SP; PA
Antineoplastic Enzymes			IXEMPRA KIT 15 MG	4	SP; PA
ONCASPAR	4	SP; PA	JEVTANA	4	SP; PA
Antineoplastics Misc.			<i>paclitaxel 6 MG/ML, 100 MG/16.7ML, 150 MG/25ML</i>	4	SP; PA
ACTIMMUNE	4	SP; PA	<i>paclitaxel protein-bound particles</i>	4	SP; PA
<i>arsenic trioxide 10 MG/10ML</i>	4	SP; PA	<i>vincristine sulfate</i>	4	SP; PA
<i>bexarotene</i>	4	SP; PA	<i>vinorelbine tartrate 10 MG/ML</i>	4	SP; PA
<i>dacarbazine SOLR 200 MG</i>	4	SP; PA	Topoisomerase I Inhibitors		
<i>hydroxyurea</i>	1		HYCANTIN CAPS	4	SP; PA
INTRON A SOLR 18000000 UNIT	4	SP; PA	<i>irinotecan hcl 40 MG/2ML, 100 MG/5ML</i>	4	SP; PA
MATULANE	4	SP; PA	<i>topotecan hcl SOLR</i>	4	SP; PA
NIPENT	4	SP; PA	ANTIPARKINSON AND RELATED THERAPY AGENTS - Drugs to Treat Parkinson's Disease		
PHOTOFRIN	4	SP; PA	Antiparkinson Adjunctive Therapy		
PROLEUKIN	4	SP; PA	<i>carbidopa</i>	1	
SYNRIBO	4	SP; PA	Antiparkinson Anticholinergics		
<i>tretinoin (chemotherapy)</i>	1		<i>benztropine mesylate SOLN</i>	1	
UVADEX	4	SP; PA	<i>benztropine mesylate TABS</i>	1	
Chemotherapy Adjuncts			<i>trihexyphenidyl hcl SOLN</i>	1	
KEPIVANCE 6.25 MG	4	SP; PA	<i>trihexyphenidyl hcl TABS</i>	1	
Chemotherapy Rescue/Antidote/Protective Agents			Antiparkinson COMT Inhibitors		
<i>leucovorin calcium SOLR</i>	1		<i>entacapone</i>	1	QL(8 ea daily)
<i>leucovorin calcium TABS</i>	1		<i>tolcapone</i>	1	
<i>leucovorin calcium TABS</i>	1		Antiparkinson Dopaminergics		
VORAXAZE	4	SP; PA	<i>amantadine hcl CAPS</i>	1	
Mitotic Inhibitors					
<i>docetaxel CONC 20 MG/ML</i>	4	SP; PA			
<i>docetaxel SOLN 20 MG/2ML</i>	4	SP; PA			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>amantadine hcl SOLN</i>	1		Antipsychotics - Misc.		
<i>amantadine hcl TABS</i>	1		EQUETRO	3	
<i>apomorphine hydrochloride SOCT</i>	4	PA	<i>lurasidone hcl 80 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>bromocriptine mesylate CAPS</i>	1		<i>lurasidone hcl 20 MG, 40 MG, 60 MG, 120 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>bromocriptine mesylate TABS 2.5 MG</i>	1		<i>ziprasidone hcl</i>	1	QL(2 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>carbidopa-levodopa-entacapone</i>	1		Benzisoxazoles		
<i>carbidopa-levodopa TABS</i>	1		FANAPT	2	QL(2 ea daily)
<i>carbidopa-levodopa TBCR</i>	1		FANAPT TITRATION PACK	2	
<i>carbidopa-levodopa TBDP</i>	1		<i>paliperidone 6 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
NEUPRO	2		<i>paliperidone 1.5 MG, 3 MG, 9 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>pramipexole dihydrochloride TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG, 1.5 MG</i>	1		PERSERIS PRSY	2	QL(0.072 ea daily); PA
<i>pramipexole dihydrochloride TABS 0.125 MG</i>	1	QL(4 ea daily)	RISPERDAL CONSTA (<i>risperidone microspheres</i>)	2	QL(0.072 ea daily); PA
<i>ropinirole hydrochloride TABS</i>	1		<i>risperidone microspheres</i>	1	QL(0.072 ea daily); PA
<i>ropinirole hydrochloride TB24 2 MG, 4 MG, 6 MG</i>	1	QL(1 ea daily); ST	<i>risperidone SOLN</i>	1	QL(8 ml daily)
<i>ropinirole hydrochloride TB24 8 MG, 12 MG</i>	1	QL(2 ea daily); ST	<i>risperidone TABS</i>	1	QL(4 ea daily)
Antiparkinson Monoamine Oxidase Inhibitors			<i>risperidone TBDP</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>rasagiline mesylate</i>	1	QL(1 ea daily); PA	Butyrophenones		
<i>selegiline hcl CAPS</i>	1		<i>haloperidol decanoate</i>	1	QL(0.036 ml daily)
<i>selegiline hcl TABS</i>	1		<i>haloperidol lactate CONC</i>	1	
ANTIPSYCHOTICS/ANTIMANIC AGENTS - Drugs to Treat Mood Disorders			<i>haloperidol lactate SOLN</i>	1	
Antimanic Agents			<i>haloperidol TABS</i>	1	
<i>lithium</i>	1		Dibenzapines		
<i>lithium carbonate CAPS</i>	1		<i>asenapine maleate 5 MG, 10 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>lithium carbonate TABS</i>	1		<i>asenapine maleate 2.5 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>lithium carbonate TBCR</i>	1		<i>clozapine TABS</i>	1	
			<i>clozapine TBDP 100 MG</i>	1	QL(9 ea daily)
			<i>clozapine TBDP 12.5 MG, 150 MG</i>	1	QL(6 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>clozapine TBDP 25 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>loxapine succinate</i>	1	
<i>olanzapine SOLR</i>	1	QL(0.215 ea daily)
<i>olanzapine TABS 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>olanzapine TABS 2.5 MG, 5 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>olanzapine TBDP 5 MG, 10 MG, 15 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>olanzapine TBDP 20 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>quetiapine fumarate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG, 200 MG</i>	1	QL(4 ea daily); AL(At least 10 yrs old)
<i>quetiapine fumarate TABS 300 MG, 400 MG</i>	1	QL(2 ea daily); AL(At least 10 yrs old)
<i>quetiapine fumarate TB24 300 MG, 400 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>quetiapine fumarate TB24 50 MG, 150 MG, 200 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
Phenothiazines		
<i>chlorpromazine hcl SOLN</i>	3	
<i>chlorpromazine hcl TABS</i>	1	
<i>fluphenazine hcl CONC</i>	1	
<i>fluphenazine hcl ELIX</i>	1	
<i>fluphenazine hcl SOLN</i>	1	
<i>fluphenazine hcl TABS</i>	1	
<i>perphenazine TABS</i>	1	
<i>prochlorperazine</i>	1	
<i>prochlorperazine maleate TABS</i>	1	
<i>thioridazine hcl</i>	1	
<i>trifluoperazine hcl TABS</i>	1	
Quinolinone Derivatives		
<i>aripiprazole SOLN OR</i>	1	QL(30 ml daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>aripiprazole TABS</i>	1	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
REXULTI	3	PA
Thioxanthenes		
<i>thiothixene</i>	1	
ANTIVIRALS - Drugs to Treat Viral Infections		
Antiretrovirals		
<i>abacavir sulfate-lamivudine</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>abacavir sulfate SOLN</i>	1	QL(32 ml daily)
<i>abacavir sulfate TABS</i>	1	QL(2 ea daily)
APTIVUS CAPS	3	QL(4 ea daily)
<i>atazanavir sulfate CAPS 150 MG, 300 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>atazanavir sulfate CAPS 200 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
BIKTARVY	3	QL(1 ea daily)
CIMDUO	3	QL(1 ea daily); ST
COMPLERA	3	QL(1 ea daily)
<i>darunavir TABS 800 MG</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>darunavir TABS 600 MG</i>	3	QL(2 ea daily)
DELSTRIGO	3	QL(1 ea daily)
DOVATO	3	QL(1 ea daily)
EDURANT	3	QL(1 ea daily)
<i>efavirenz CAPS 200 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>efavirenz CAPS 50 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>efavirenz-emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>efavirenz-lamivudine-tenofovir disoproxil fumarate</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>efavirenz TABS</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>emtricitabine CAPS</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 100 MG-150 MG, 133 MG-200 MG, 167 MG-250 MG</i>	1	QL(1 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 200 MG-300 MG</i>	0	QL(1 ea daily)	PREZISTA TABS (<i>darunavir</i>)	3	QL(2 ea daily)
EMTRIVA SOLN	3	QL(24 ml daily)	PREZISTA TABS 800 MG (<i>darunavir</i>)	3	QL(1 ea daily)
<i>etravirine 100 MG</i>	1	QL(4 ea daily)	RETROVIR IV INFUSION SOLN	3	
<i>etravirine 200 MG</i>	1	QL(2 ea daily)	<i>ritonavir TABS</i>	1	QL(12 ea daily)
EVOTAZ	3	QL(1 ea daily)	RUKOBIA	4	PA
<i>fosamprenavir calcium TABS</i>	1	QL(4 ea daily)	SELZENTRY SOLN	3	QL(30 ml daily)
FUZEON SOLR	4	SP; PA	SELZENTRY TABS 25 MG, 75 MG	3	QL(2 ea daily)
GENVOYA	3	QL(1 ea daily)	<i>stavudine CAPS</i>	1	QL(2 ea daily)
INTELENCE 25 MG	3	QL(8 ea daily)	STRIBILD	3	QL(1 ea daily)
ISENTRESS HD TABS	3	QL(2 ea daily)	<i>tenofovir disoproxil fumarate TABS</i>	1	
ISENTRESS CHEW	3	QL(6 ea daily)	TIVICAY TABS	3	QL(2 ea daily)
ISENTRESS TABS	3	QL(2 ea daily)	TRIUMEQ TABS	3	QL(1 ea daily)
JULUCA	3	QL(1 ea daily)	TRIZIVIR	3	QL(2 ea daily)
<i>lamivudine SOLN</i>	1	QL(30 ml daily)	TYBOST	3	QL(1 ea daily)
<i>lamivudine TABS 300 MG</i>	1	QL(1 ea daily)	VIRACEPT TABS 625 MG	3	QL(4 ea daily)
<i>lamivudine TABS 150 MG</i>	1	QL(2 ea daily)	VIRACEPT TABS 250 MG	3	QL(10 ea daily)
<i>lamivudine-zidovudine</i>	1	QL(2 ea daily)	VIREAD POWD	3	QL(7.5 gm daily)
LEXIVA SUSP	3	QL(56 ml daily)	VIREAD TABS 150 MG, 200 MG, 250 MG	3	QL(1 ea daily)
<i>lopinavir-ritonavir SOLN</i>	1	QL(12.5 ml daily)	<i>zidovudine CAPS</i>	1	QL(6 ea daily)
<i>lopinavir-ritonavir TABS</i>	1	QL(4 ea daily)	<i>zidovudine SYRP</i>	1	QL(60 ml daily)
<i>maraviroc TABS 150 MG</i>	1	QL(2 ea daily)	<i>zidovudine TABS</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>maraviroc TABS 300 MG</i>	1	QL(4 ea daily)	CMV Agents		
<i>nevirapine SUSP</i>	1	QL(40 ml daily)	<i>cidofovir</i>	3	
<i>nevirapine TABS</i>	1	QL(2 ea daily)	<i>ganciclovir sodium SOLR</i>	1	
<i>nevirapine TB24 400 MG</i>	1	QL(1 ea daily)	<i>valganciclovir hcl TABS</i>	1	QL(4 ea daily); PA
<i>nevirapine TB24 100 MG</i>	1	QL(3 ea daily)	Hepatitis Agents		
NORVIR PACK	3	QL(12 ea daily)	<i>adefovir dipivoxil</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA
NORVIR SOLN	3	QL(15 ml daily)	BARACLUDE SOLN	4	QL(20 ml daily); SP; PA
ODEFSEY	3	QL(1 ea daily)	<i>entecavir TABS</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA
PIFELTRO	3	QL(1 ea daily)			
PREZCOBIX	3	QL(1 ea daily)			
PREZISTA SUSP	3	QL(12 ml daily)			
PREZISTA TABS 75 MG, 150 MG, 600 MG	3	QL(2 ea daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
EPIVIR HBV SOLN	4	QL(60 ml daily); SP; PA
<i>lamivudine (hbv) TABS</i>	1	QL(3 ea daily); SP
PEGASYS SOLN	4	QL(0.0714 ml daily); SP; PA
PEGASYS SOSY	4	QL(0.072 ml daily); PA
<i>ribavirin (hepatitis c) CAPS</i>	1	QL(7 ea daily)
<i>ribavirin (hepatitis c) TABS 200 MG</i>	1	QL(7 ea daily)
SOFOSBUVIR/VELPATA SVIR TABS	4	QL(1 ea daily); PA
Herpes Agents		
<i>acyclovir CAPS</i>	1	QL(5 ea daily; 50 ea per fill retail; 50 per fill mail)
<i>acyclovir SUSP</i>	1	QL(13.34 ml daily)
<i>acyclovir TABS OR</i>	1	QL(5 ea daily)
<i>famciclovir 125 MG, 250 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>famciclovir 500 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>valacyclovir hcl 500 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>valacyclovir hcl 1 GM, 1000 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
Influenza Agents		
<i>oseltamivir phosphate CAPS</i>	1	Limit 1 fill every 90 days.; 1 rtl MAX fill; 90 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(10 ea per fill retail; 10 per fill mail)
<i>oseltamivir phosphate SUSR</i>	1	Limit 1 fill every 90 days.; 1 rtl MAX fill; 90 rtl day(s) supply; QL(125 ml per fill retail)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
RELENZA DISKHALER	2	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s)
<i>rimantadine hydrochloride TABS</i>	1	QL(2 ea daily)
BETA BLOCKERS - Drugs to Treat High Blood Pressure		
Alpha-Beta Blockers		
<i>carvedilol</i>	1	
<i>carvedilol phosphate</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>labetalol hcl SOLN</i>	1	
<i>labetalol hcl TABS 300 MG</i>	1	QL(8 ea daily)
<i>labetalol hcl TABS 100 MG, 200 MG</i>	1	
Beta Blockers Cardio-Selective		
<i>acebutolol hcl CAPS</i>	1	
<i>atenolol TABS</i>	1	
<i>betaxolol hcl</i>	1	
<i>bisoprolol fumarate</i>	1	
<i>metoprolol succinate TB24 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1	
<i>metoprolol succinate TB24 200 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>metoprolol tartrate SOLN IV 5 MG/5ML</i>	1	
<i>metoprolol tartrate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1	
<i>nebivolol hcl 2.5 MG, 5 MG, 10 MG</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>nebivolol hcl 20 MG</i>	3	QL(2 ea daily)
Beta Blockers Non-Selective		
HEMANGEOL SOLN OR	4	QL(75 ml daily); PA
<i>nadolol TABS 80 MG</i>	1	
<i>nadolol TABS 20 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>nadolol TABS 40 MG</i>	1	QL(6 ea daily)
<i>pindolol TABS</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>propranolol hcl CP24</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>propranolol hcl SOLN OR 20 MG/5ML, 40 MG/5ML</i>	1	
<i>propranolol hcl TABS</i>	1	
<i>sotalol hcl (afib/af)</i>	1	
<i>sotalol hcl TABS 80 MG, 120 MG, 160 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>sotalol hcl TABS 240 MG</i>	1	
<i>timolol maleate TABS</i>	1	
CALCIUM CHANNEL BLOCKERS - Drugs to Treat High Blood Pressure		
Calcium Channel Blockers		
<i>amlodipine besylate TABS</i>	1	
<i>diltiazem hcl coated beads CP24 120 MG, 300 MG, 360 MG</i>	1	
<i>diltiazem hcl coated beads CP24 180 MG, 240 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>diltiazem hcl extended release beads 120 MG, 180 MG, 240 MG, 300 MG, 360 MG</i>	1	
<i>diltiazem hcl CP12</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>diltiazem hcl CP24</i>	1	
<i>diltiazem hcl SOLN 50 MG/10ML</i>	1	
DILTIAZEM HCL SOLR	1	
<i>diltiazem hcl TABS</i>	1	
<i>diltiazem hcl TB24</i>	1	
<i>felodipine</i>	1	
<i>isradipine CAPS</i>	1	
<i>nicardipine hcl CAPS</i>	1	
<i>nicardipine hcl SOLN</i>	1	
<i>nifedipine CAPS 10 MG</i>	1	
<i>nifedipine CAPS 20 MG</i>	1	QL(9 ea daily)
<i>nifedipine TB24 90 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>nifedipine TB24 60 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>nifedipine TB24</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>nimodipine CAPS</i>	1	
<i>nisoldipine 8.5 MG, 17 MG, 20 MG, 30 MG, 34 MG, 40 MG</i>	1	
<i>verapamil hcl CP24 100 MG, 200 MG, 300 MG</i>	1	
<i>verapamil hcl CP24 120 MG, 180 MG, 240 MG, 360 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>verapamil hcl SOLN 2.5 MG/ML</i>	1	
<i>verapamil hcl TABS</i>	1	
<i>verapamil hcl TBCR</i>	1	
CARDIOTONICS - Drugs to Treat Heart Failure and Abnormal Heart Rhythm		
Cardiac Glycosides		
<i>digoxin SOLN OR 0.05 MG/ML</i>	1	
<i>digoxin TABS 0.0625 MG, 0.125 MG, 0.25 MG, 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG</i>	1	
LANOXIN SOLN IJ (digoxin)	2	
LANOXIN TABS 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG (digoxin)	2	
CARDIOVASCULAR AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Heart and Circulation Conditions		
Cardiovascular Agents Misc. - Combinations		
<i>amlodipine besylate-atorvastatin calcium</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>isosorbide dinitrate-hydralazine hcl</i>	1	
Impotence Agents		
<i>sildenafil citrate</i>	1	QL(0.1334 ea daily); PA
STENDRA	3	QL(0.134 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>tadalafil 5 MG</i>	1	BPH Only; QL(1 ea daily); PA
Prostaglandin Vasodilators		
<i>epoprostenol sodium</i>	4	PA
ORENITRAM TBCR	4	PA
<i>treprostinil SOLN IJ</i>	4	SP; PA
TYVASO REFILL SOLN IN	4	PA
TYVASO STARTER SOLN IN	4	PA
TYVASO SOLN IN	4	PA
Pulmonary Hypertension - Endothelin Receptor Antagonists		
<i>ambrisentan</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA
<i>bosentan TABS 62.5 MG</i>	4	QL(2 ea daily); PA
<i>bosentan TABS 125 MG</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA
OPSUMIT	4	QL(1 ea daily); PA
TRACLEER TBSO	4	QL(2 ea daily); SP; PA
Pulmonary Hypertension - Phosphodiesterase Inhibitors		
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SOLN</i>	4	QL(37.5 ml daily); SP; PA
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SUSR</i>	4	QL(6 ml daily); PA
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) TABS</i>	4	QL(3 ea daily); SP; PA
<i>tadalafil (pulmonary hypertension) TABS</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA
Pulmonary Hypertension - Prostacyclin Receptor Agonist		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
UPTRAVI TITRATION PACK TBPK	4	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; PA
UPTRAVI TABS 400 MCG, 600 MCG, 800 MCG, 1000 MCG, 1200 MCG, 1400 MCG, 1600 MCG	4	QL(2 ea daily); PA
UPTRAVI TABS 200 MCG	4	PA
Pulmonary Hypertension - Sol Guanylate Cyclase Stimulator		
ADEMPAS	4	QL(3 ea daily); PA
Sinus Node Inhibitors		
CORLANOR SOLN	3	QL(15 ml daily); PA
CORLANOR TABS	3	QL(2 ea daily); PA
Transthyretin Stabilizers		
VYNDAMAX	4	QL(1 ea daily); PA
VYNDAQEL	4	QL(4 ea daily); PA
CEPHALOSPORINS - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Cephalosporins - 1st Generation		
<i>cefadroxil CAPS</i>	1	
<i>cefadroxil SUSR</i>	1	
<i>cefadroxil TABS</i>	1	
<i>cefazolin sodium SOLR IJ 1 GM, 10 GM, 500 MG</i>	1	
<i>cephalexin CAPS</i>	1	
<i>cephalexin SUSR</i>	1	
Cephalosporins - 2nd Generation		
<i>cefaclor CAPS</i>	1	
<i>cefaclor SUSR 125 MG/5ML, 250 MG/5ML, 375 MG/5ML</i>	1	
<i>cefotetan disodium IJ 1 GM, 2 GM</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>cefloxitin sodium IV 1 GM, 2 GM</i>	1		<i>drospirenone-ethinyl estradiol</i>	0	
<i>cefprozil SUSR</i>	1		<i>drospirenone-ethinyl estradiol-levomefolate calcium</i>	0	
<i>cefprozil TABS</i>	1		<i>ethynodiol diacet & eth estrad</i>	0	
<i>cefuroxime axetil TABS</i>	1		<i>levonorgestrel & eth estradiol TABS</i>	0	
<i>cefuroxime sodium IJ 750 MG</i>	1		<i>levonorgestrel-eth estradiol (triphasic)</i>	0	
Cephalosporins - 3rd Generation			<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol (91-day) 0.03 MG-0.15 MG</i>	0	
<i>cefdinir CAPS</i>	1		<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol (continuous)</i>	0	
<i>cefdinir SUSR</i>	1		<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron</i>	0	
<i>cefixime CAPS</i>	1		LO LOESTRIN FE TABS	0	
<i>cefixime SUSR</i>	1	ST	NATAZIA	0	
<i>cefotaxime sodium IJ 1 GM, 2 GM</i>	1		NEXTSTELLIS	0	
<i>cefpodoxime proxetil SUSR</i>	1		<i>norethin acet & estrad-fe CAPS</i>	0	
<i>cefpodoxime proxetil TABS</i>	1		<i>norethin acet & estrad-fe CHEW</i>	0	
<i>ceftazidime IJ 1 GM, 6 GM</i>	1		<i>norethin acet & estrad-fe TABS 1 MG-20 MCG-75 MG, 1.5 MG-30 MCG-75 MG</i>	0	
<i>ceftriaxone sodium IJ 1 GM, 2 GM, 250 MG, 500 MG</i>	1		<i>norethindrone & eth estradiol</i>	0	
Cephalosporins - 4th Generation			<i>norethindrone & ethinyl estradiol-fe</i>	0	
<i>cefepime hcl SOLR IV 2 GM</i>	1		<i>norethindrone acet & eth estra</i>	0	
Cephalosporins - 5th Generation			<i>norethindrone acetate-ethinyl estradiol-fe</i>	0	
TEFLARO	3		<i>norethindrone-eth estradiol (triphasic)</i>	0	
CONTRACEPTIVES - Drugs to Prevent Pregnancy					
Combination Contraceptives - Oral					
BALCOLTRA (<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron</i>)	0		<i>norgestimate-ethinyl estradiol</i>	0	
<i>desogestrel & ethinyl estradiol</i>	0		<i>norgestimate-ethinyl estradiol (triphasic)</i>	0	
<i>desogestrel-ethinyl estradiol (biphasic)</i>	0				
<i>desogestrel-ethinyl estradiol (triphasic)</i>	0				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>norgestrel & ethinyl estradiol 30 MCG-0.3 MG</i>	0		<i>dexamethasone sodium phosphate SOLN IJ 4 MG/ML, 20 MG/5ML, 120 MG/30ML</i>	1	
TYBLUME CHEW	0		<i>dexamethasone sodium phosphate SOSY IJ 4 MG/ML</i>	1	
Combination Contraceptives - Transdermal			<i>dexamethasone ELIX</i>	1	
<i>norelgestromin-ethinyl estradiol</i>	0		<i>dexamethasone SOLN</i>	1	
TWIRLA	0	QL(3 ea per 28 days retail)	<i>dexamethasone TABS</i>	1	
Combination Contraceptives - Vaginal			EMFLAZA SUSP	4	PA
ANNOVERA	0	PA	EMFLAZA TABS (deflazacort)	4	PA
<i>etonogestrel-ethinyl estradiol</i>	0	QL(0.05 ea daily)	<i>hydrocortisone TABS</i>	1	
Emergency Contraceptives			MEDROL TABS	3	
ELLA	0		<i>methylprednisolone acetate SUSP</i>	1	
<i>levonorgestrel (emergency oc) 1.5 MG</i>	0		<i>methylprednisolone sod succ 40 MG, 125 MG, 500 MG, 1000 MG</i>	1	
Progestin Contraceptives - Injectable			<i>methylprednisolone TABS</i>	1	
DEPO-SUBQ PROVERA 104 SUSY SC	0		<i>methylprednisolone TBPK</i>	1	
<i>medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSP IM</i>	0	QL(1 ml per 90 days retail)	<i>prednisolone sodium phosphate SOLN 5 MG/5ML, 6.7 MG/5ML, 10 MG/5ML, 15 MG/5ML, 25 MG/5ML</i>	1	
<i>medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSY IM</i>	0	QL(90 Day(s) limit ; 1 ml per 90 days retail)	<i>prednisolone sodium phosphate TBP</i>	3	
Progestin Contraceptives - Oral			<i>prednisolone SOLN</i>	1	
<i>norethindrone (contraceptive)</i>	0		<i>prednisolone TABS</i>	1	
OPILL	0		<i>prednisone SOLN</i>	1	
SLYND	0	QL(1 ea daily)	<i>prednisone TABS</i>	1	
CORTICOSTEROIDS - Steroid Hormone Drugs to Treat Systemic Swelling Conditions			<i>prednisone TBPK</i>	1	
Glucocorticosteroids			SOLU-CORTEF 100 MG, 500 MG, 1000 MG	3	2 rtl MAX fill; 30 rtl day(s) supply
<i>budesonide CPEP</i>	1	QL(3 ea daily)	SOLU-CORTEF 250 MG	3	
<i>deflazacort TABS</i>	4	PA	SOLU-MEDROL 2 GM	3	
DEPO-MEDROL SUSP	3		<i>triamcinolone acetamide SUSP 40 MG/ML, 200 MG/5ML, 400 MG/10ML</i>	1	
DEXAMETHASONE INTENSOL CONC	1				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Mineralocorticoids		
<i>fludrocortisone acetate</i> TABS	1	
COUGH/COLD/ALLERGY - Drugs to Treat Cough, Cold and Allergy Symptoms		
Antitussives		
<i>benzonatate 100 MG</i>	1	QL(6 ea daily)
<i>benzonatate 200 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>benzonatate 150 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
Cough/Cold/Allergy Combinations		
<i>hydrocodone polistirex-chlorpheniramine polistirex</i> SUER	1	
TUZISTRA XR	2	PA
Misc. Respiratory Inhalants		
HYPERSAL NEBU	1	
NEBUSAL NEBU	1	
<i>sodium chloride (inhalant)</i> NEBU 7 %	1	
Mucolytics		
<i>acetylcysteine</i> SOLN	1	
DERMATOLOGICALS - Drugs to Treat Skin Conditions		
Acne Products		
<i>adapalene-benzoyl peroxide</i> GEL 2.5 %-0.1 %	1	AL(At least 12 yrs old); ST
<i>adapalene</i> CREA	1	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>adapalene</i> GEL 0.3 %	1	AL(At least 12 yrs old); ST
<i>adapalene</i> GEL 0.1 %	1	AL(At least 12 yrs old); PA; RX/OTC

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
AZELEX	3	QL(50 gm per 30 days retail; 50 gm per 30 days mail); AL(At least 12 yrs old); ST
BENZEPRO CREAMY WASH LIQD	2	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC
<i>benzoyl peroxide-erythromycin</i> GEL	1	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>benzoyl peroxide</i> FOAM 5.3 %, 9.8 %	1	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC
<i>benzoyl peroxide</i> GEL 5 %	1	QL(3 gm daily); AL(At least 12 yrs old)
<i>benzoyl peroxide</i> GEL 10 %	1	AL(At least 12 yrs old)
<i>benzoyl peroxide</i> LIQD 4 %, 7 %, 10 %	1	AL(At least 12 yrs old)
<i>clindamycin phosphate (topical)</i> FOAM	1	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>clindamycin phosphate (topical)</i> GEL	1	QL(8 gm daily)
<i>clindamycin phosphate (topical)</i> LOTN	1	AL(At least 12 yrs old)
<i>clindamycin phosphate (topical)</i> SOLN	1	QL(4 ml daily); AL(At least 12 yrs old)
<i>clindamycin phosphate (topical)</i> SWAB	1	AL(At least 12 yrs old)
<i>clindamycin phosphate-benzoyl peroxide (refrigerate)</i>	1	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>clindamycin phosphate-benzoyl peroxide</i> GEL 5 %-1 %	1	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>clindamycin phosphate-tretinoin</i>	1	AL(At least 12 yrs old); ST
DIFFERIN LOTN	1	AL(At least 12 yrs old); ST
<i>erythromycin (acne aid)</i> PADS	1	AL(At least 12 yrs old)
<i>erythromycin (acne aid)</i> SOLN	1	AL(At least 12 yrs old)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>isotretinoin 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG</i>	3	AL(At least 12 yrs old); PA
PR BENZOYL PEROXIDE WASH LIQD	2	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC
<i>sulfacetamide sodium (acne)</i>	1	AL(At least 12 yrs old)
<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur CREA 10 %-5 %</i>	1	AL(At least 12 yrs old)
<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 10 %-5 %</i>	1	AL(At least 12 yrs old)
<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 9 %-4.5 %</i>	1	AL(At least 12 yrs old); ST
<i>sulfacetamide sodium-sulfur in urea vehicle EMUL 10 %-10 %-4 %</i>	1	AL(At least 12 yrs old)
<i>tretinoin microsphere 0.1 %</i>	1	QL(3 gm daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old); PA
<i>tretinoin CREA 0.025 %, 0.05 %, 0.1 %</i>	1	QL(3 gm daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old); PA
<i>tretinoin GEL 0.01 %, 0.025 %</i>	1	QL(3 gm daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old); PA
Agents for External Genital and Perianal Warts		
VEREGEN	3	QL(1 gm daily)
Antibiotics - Topical		
ALTABAX	2	QL(15 gm per 30 days retail; 15 gm per 30 days mail)
<i>gentamicin sulfate (topical) CREA</i>	1	QL(1 gm daily)
<i>gentamicin sulfate (topical) OINT</i>	1	
<i>mupirocin calcium (topical)</i>	1	
<i>mupirocin OINT</i>	1	QL(6 gm daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
NEO-SYNALAR	3	QL(60 gm per 30 days retail; 60 gm per 30 days mail); PA
Antifungals - Topical		
<i>butenafine hcl</i>	1	QL(6 gm daily); RX/OTC
<i>ciclopirox olamine CREA</i>	1	1 rtl MAX fill; 30 rtl day(s) supply; QL(90 gm per fill retail)
<i>ciclopirox olamine SUSP</i>	1	
<i>ciclopirox GEL</i>	1	QL(3.35 gm daily)
<i>ciclopirox SHAM</i>	1	QL(10 ml daily)
<i>ciclopirox SOLN</i>	1	QL(0.22 ml daily)
<i>clotrimazole (topical) CREA</i>	1	QL(4.5 gm daily); RX/OTC
<i>clotrimazole (topical) SOLN</i>	1	QL(10 ml daily); RX/OTC
<i>clotrimazole w/ betamethasone CREA</i>	1	QL(8 gm daily)
<i>clotrimazole w/ betamethasone LOTN</i>	1	
<i>econazole nitrate CREA</i>	1	QL(85 gm per fill retail; 85 per fill mail)
ERTACZO	3	QL(2.15 gm daily)
<i>ketoconazole (topical) CREA</i>	1	QL(10 gm daily)
<i>ketoconazole (topical) SHAM 2 %</i>	1	QL(20 ml daily)
<i>luliconazole</i>	1	PA
<i>naftifine hcl CREA 1 %</i>	1	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(3 gm daily)
<i>naftifine hcl CREA 2 %</i>	1	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(2 gm daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>nystatin (topical) CREA</i>	1	QL(10 gm daily)
<i>nystatin (topical) OINT</i>	1	QL(6 gm daily)
<i>nystatin (topical) POWD EX</i>	1	QL(10 gm daily)
<i>nystatin-triamcinolone CREA</i>	1	QL(10 gm daily)
<i>nystatin-triamcinolone OINT</i>	1	QL(4 gm daily)
<i>oxiconazole nitrate CREA</i>	1	Limit 1 Fill per 180 days; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(3 gm daily)
OXISTAT LOTN	2	Limit 1 Fill per 180 days; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(2 ml daily)
<i>sulconazole nitrate CREA</i>	1	
<i>sulconazole nitrate SOLN</i>	1	1 rtl MAX fill; 90 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill
<i>tavaborole</i>	1	PA
Anti-inflammatory Agents - Topical		
<i>diclofenac epolamine PTCH EX</i>	1	QL(2 ea daily); PA
<i>diclofenac sodium (topical) GEL EX</i>	1	QL(3.34 gm daily); RX/OTC
Antineoplastic or Premalignant Lesion Agents - Topical		
<i>bexarotene (topical)</i>	4	SP; PA
<i>diclofenac sodium (actinic keratoses) EX</i>	1	QL(3.34 gm daily); PA
<i>fluorouracil (topical) CREA 5 %</i>	1	QL(4 gm daily)
<i>fluorouracil (topical) SOLN</i>	1	QL(2 ml daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
PANRETIN	3	QL(60 gm per 30 days retail; 60 gm per 30 days mail)
Antipruritics - Topical		
<i>doxepin hcl (antipruritic)</i>	3	Limit 1 fill every 180 days; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(45 gm per fill retail; 45 per fill mail); PA
Antipsoriatics		
<i>acitretin 25 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>acitretin 10 MG, 17.5 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>calcipotriene CREA</i>	1	QL(4 gm daily); PA
<i>calcipotriene OINT</i>	1	QL(4 gm daily); PA
<i>calcipotriene SOLN</i>	1	QL(4 ml daily); PA
<i>calcitriol (topical)</i>	1	QL(3.34 gm daily)
COSENTYX SENSOREADY PEN SOAJ	4	QL(0.072 ml daily); PA
COSENTYX UNOREADY SOAJ	4	QL(0.072 ml daily); PA
COSENTYX SOSY 150 MG/ML	4	QL(0.072 ml daily); PA
COSENTYX SOSY 150 MG/ML	4	QL(0.036 ml daily); PA
COSENTYX SOSY 75 MG/0.5ML	4	QL(0.18 ml daily); PA
<i>methoxsalen rapid</i>	1	QL(4 ea daily)
SKYRIZI PEN SOAJ	4	QL(0.025 ml daily); PA
SKYRIZI PSKT	4	QL(0.025 ea daily); PA
SKYRIZI SOSY	4	QL(0.025 ml daily); PA
STELARA SOLN 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ml daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
STELARA SOSY 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ml daily); PA	<i>betamethasone dipropionate (topical) CREA</i>	1	QL(3 gm daily)
STELARA SOSY 90 MG/ML	4	QL(0.018 ml daily); SP; PA	<i>betamethasone dipropionate (topical) LOTN</i>	1	
<i>tazarotene CREA</i>	1	QL(1 gm daily)	<i>betamethasone dipropionate (topical) OINT</i>	1	QL(3 gm daily)
TREMFYA SOPN	4	QL(0.018 ml daily); PA	<i>betamethasone dipropionate augmented CREA</i>	1	QL(3.5 gm daily)
TREMFYA SOSY	4	QL(0.018 ml daily); PA	<i>betamethasone dipropionate augmented LOTN</i>	1	QL(5 ml daily)
Antiseborrheic Products			<i>betamethasone dipropionate augmented OINT</i>	1	QL(3.5 gm daily)
<i>selenium sulfide LOTN 2.5 %</i>	1		<i>betamethasone valerate CREA</i>	1	QL(2.5 gm daily)
Antivirals - Topical			<i>betamethasone valerate FOAM</i>	1	QL(6 gm daily)
<i>acyclovir topical CREA</i>	1	1 rtl pack lmt per fill; 1 mail pack lmt per fill	<i>betamethasone valerate LOTN</i>	1	QL(5 ml daily)
<i>acyclovir topical OINT</i>	1	1 rtl pack lmt per fill; 1 mail pack lmt per fill	<i>betamethasone valerate OINT</i>	1	QL(3 gm daily)
<i>penciclovir</i>	3	QL(0.18 gm daily)	<i>calcipotriene-betamethasone dipropionate OINT</i>	1	ST
Burn Products			<i>calcipotriene-betamethasone dipropionate SUSP</i>	1	ST
<i>mafenide acetate PACK</i>	3		<i>clobetasol propionate emollient base 0.05 %</i>	1	QL(1 gm daily); PA
<i>silver sulfadiazine</i>	1	QL(20 gm daily)	<i>clobetasol propionate CREA 0.05 %</i>	1	QL(3 gm daily); PA
SULFAMYLON CREA	3		<i>clobetasol propionate FOAM</i>	1	QL(3 gm daily); ST
Corticosteroids - Topical			<i>clobetasol propionate GEL 0.05 %</i>	1	QL(2 gm daily); ST
<i>alclometasone dipropionate CREA</i>	1	QL(2 gm daily)	<i>clobetasol propionate OINT 0.05 %</i>	1	QL(1 gm daily); PA
<i>alclometasone dipropionate OINT</i>	1	QL(3 gm daily)	<i>clobetasol propionate SOLN 0.05 %</i>	1	QL(3.34 ml daily); PA
<i>amcinonide CREA</i>	1	1 rtl MAX fill; 30 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(60 gm per fill retail; 60 per fill mail)			
<i>amcinonide LOTN</i>	3				
<i>amcinonide OINT</i>	3				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>clocortolone pivalate</i>	3	QL(3 gm daily)	<i>fluticasone propionate OINT</i>	1	QL(4 gm daily)
CORDRAN TAPE	3	1 rtl pack lmt amt; 30 rtl pack lmt day(s); 1 mail pack lmt amt; 30 mail pack lmt day(s)	<i>halcinonide CREA</i>	1	PA
<i>desonide CREA</i>	1	QL(4 gm daily)	<i>halobetasol propionate CREA</i>	1	QL(3.5 gm daily)
<i>desonide LOTN</i>	1	QL(4 ml daily)	<i>halobetasol propionate OINT</i>	1	QL(3.5 gm daily)
<i>desonide OINT</i>	1	QL(3 gm daily)	HALOG OINT	3	PA
<i>desoximetasone CREA 0.25 %</i>	1	QL(4 gm daily)	<i>hydrocortisone (topical) CREA 1 %, 2.5 %</i>	1	QL(15.15 gm daily); RX/OTC
<i>desoximetasone GEL</i>	1	QL(3 gm daily)	<i>hydrocortisone (topical) LOTN 2.5 %</i>	1	
<i>desoximetasone OINT 0.25 %</i>	1	QL(4 gm daily)	<i>hydrocortisone (topical) OINT 1 %, 2.5 %</i>	1	QL(15.15 gm daily); RX/OTC
<i>diflorasone diacetate CREA</i>	1	PA	<i>hydrocortisone butyrate CREA</i>	1	QL(3 gm daily)
<i>diflorasone diacetate OINT</i>	1	PA	<i>hydrocortisone butyrate OINT</i>	1	QL(3 gm daily)
<i>fluocinolone acetonide CREA 0.01 %</i>	1		<i>hydrocortisone butyrate SOLN</i>	1	QL(5 ml daily)
<i>fluocinolone acetonide CREA 0.025 %</i>	1	QL(4 gm daily)	<i>hydrocortisone valerate CREA</i>	1	
<i>fluocinolone acetonide OIL</i>	1	QL(8 ml daily)	<i>hydrocortisone valerate OINT</i>	1	
<i>fluocinolone acetonide OINT</i>	1	QL(4 gm daily)	<i>mometasone furoate CREA</i>	1	QL(3 gm daily)
<i>fluocinolone acetonide SOLN</i>	1	QL(4 ml daily)	<i>mometasone furoate OINT</i>	1	QL(4 gm daily)
<i>fluocinonide emulsified base</i>	1		<i>mometasone furoate SOLN</i>	1	QL(5 ml daily)
<i>fluocinonide CREA 0.05 %</i>	1	QL(4 gm daily)	<i>prednicarbate OINT</i>	1	
<i>fluocinonide GEL</i>	1		<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.025 %</i>	1	QL(15.15 gm daily)
<i>fluocinonide OINT</i>	1		<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.5 %</i>	1	QL(5 gm daily)
<i>fluocinonide SOLN</i>	1		<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.1 %</i>	1	QL(3.34 gm daily)
<i>flurandrenolide CREA</i>	2	QL(2 gm daily)	<i>triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.1 %</i>	1	QL(6 ml daily)
<i>flurandrenolide LOTN</i>	2	QL(2 ml daily)	<i>triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.025 %</i>	1	
<i>fluticasone propionate CREA 0.05 %</i>	1	QL(4 gm daily)			
<i>fluticasone propionate LOTN</i>	1	QL(3.34 ml daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.025 %, 0.1 %</i>	1	QL(15.15 gm daily)
<i>triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.5 %</i>	1	QL(6 gm daily)
<i>triamcinolone acetonide-dimethicone-silicone</i>	1	PA
Emollients		
<i>lactic acid (ammonium lactate) CREA</i>	1	QL(12.9 gm daily); RX/OTC
<i>lactic acid (ammonium lactate) LOTN 12 %</i>	1	RX/OTC
Enzymes - Topical		
SANTYL OINT	3	PA
Immunomodulating Agents - Topical		
<i>imiquimod 5 %</i>	1	QL(12 ea per fill retail; 12 per fill mail)
Immunosuppressive Agents - Topical		
<i>pimecrolimus</i>	1	QL(3 gm daily); AL(At least 2 yrs old); PA
<i>tacrolimus (topical) OINT</i>	1	AL(At least 2 yrs old); PA
Keratolytic/Antimitotic/Vesicant Agents		
<i>podofilox SOLN</i>	1	
Local Anesthetics - Topical		
<i>lidocaine hcl GEL 2 %</i>	1	QL(4 ml daily)
<i>lidocaine hcl PRSY</i>	1	QL(4 ml daily)
<i>lidocaine hcl SOLN</i>	1	QL(10 ml daily)
<i>lidocaine-prilocaine CREA</i>	1	QL(1 gm daily)
<i>lidocaine PTCH 5 %</i>	1	PA
SYNERA PTCH	3	1 rtl MAX fill; 30 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(10 ea per fill retail; 10 per fill mail)
Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors - Topical		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
EUCRISA	3	QL(2 gm daily); PA
Rosacea Agents		
<i>azelaic acid GEL</i>	1	QL(1.67 gm daily)
<i>brimonidine tartrate (topical)</i>	3	QL(1 gm daily); PA
<i>metronidazole (topical) CREA</i>	1	QL(3 gm daily)
<i>metronidazole (topical) GEL 0.75 %</i>	1	QL(3 gm daily)
<i>metronidazole (topical) GEL 1 %</i>	1	QL(5 gm daily)
<i>metronidazole (topical) LOTN</i>	1	
Scabicides & Pediculicides		
<i>crotamiton LOTN</i>	1	PA
<i>ivermectin (pediculicide)</i>	1	PA; RX/OTC
<i>malathion</i>	1	
<i>permethrin CREA</i>	1	
<i>permethrin LIQD EX</i>	1	
<i>spinosad</i>	1	PA
Wound Care Products		
REGRANEX	3	QL(0.5 gm daily)
DIAGNOSTIC PRODUCTS		
Diagnostic Drugs		
GLUCAGEN DIAGNOSTIC	3	QL(0.035 ea daily)
THYROGEN 0.9 MG	3	1 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; PA
Diagnostic Tests		
CHEMSTRIP-K STRP	1	
FORA GTEL BLOOD KETONE TEST STRIPS	1	
FORA TEST N' GO ADVANCE/VOICE/6 CONNECT	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
GOJJI BLOOD KETONE TEST STRIPS	1		PANCREAZE CPEP 149900 UNIT-97300 UNIT-37000 UNIT, 15200 UNIT-8800 UNIT-2600 UNIT, 24600 UNIT-14200 UNIT-4200 UNIT, 61500 UNIT-35500 UNIT-10500 UNIT, 83900 UNIT-54700 UNIT-21000 UNIT, 98400 UNIT-56800 UNIT-16800 UNIT	3	Non-FDA approved uses require Prior Authorization
KETONE TEST STRIPS STRP	1				
KETONE STRP	1				
KETOSTIX STRP	1				
NOVA MAX PLUS KETONE TESTSTRIPS	1				
PRECISION XTRA	1				
PTS PANELS KETONE TEST	1				
RELION KETONE TEST STRIPS STRP	1				
RELION TRUE METRIX BLOODGLUCOSE TEST STRIPS STRP	1	QL(3.34 ea daily); RX/OTC			
TRUE METRIX BLOOD GLUCOSETEST STRIPS STRP	1	Limit 100 per month; QL(3.34 ea daily); RX/OTC			
TRUE METRIX SELF MONITORING BLOOD GLUCOSE STRIPS STRP	1	QL(3.34 ea daily); RX/OTC	ZENPEP CPEP 105000 UNIT-79000 UNIT-25000 UNIT, 14000 UNIT-10000 UNIT-3000 UNIT, 168000 UNIT-126000 UNIT-40000 UNIT, 24000 UNIT-17000 UNIT-5000 UNIT, 42000 UNIT-32000 UNIT-10000 UNIT, 63000 UNIT-47000 UNIT-15000 UNIT, 84000 UNIT-63000 UNIT-20000 UNIT	2	Non-FDA approved uses require Prior Authorization
TRUETRACK TEST STRP	1	Limit 100 per month; QL(3.34 ea daily); RX/OTC	ZENPEP CPEP 252600 UNIT-189600 UNIT-60000 UNIT	2	
DIGESTIVE AIDS - Drugs to Treat Low Digestive Enzymes			DIURETICS - Drugs to Treat Heart, Circulation Conditions and Blood Pressure		
Digestive Enzymes			Carbonic Anhydrase Inhibitors		
CREON CPEP	2	Non-FDA approved uses require Prior Authorization	<i>acetazolamide sodium</i>	1	
			<i>acetazolamide CP12</i>	1	QL(2 ea daily)
			<i>acetazolamide TABS 125 MG</i>	1	QL(8 ea daily)
			<i>acetazolamide TABS 250 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
			<i>dichlorphenamide</i>	4	QL(4 ea daily); PA
			<i>methazolamide TABS</i>	1	QL(6 ea daily)
			Diuretic Combinations		
			<i>amiloride & hydrochlorothiazide</i>	1	
			<i>spironolactone & hydrochlorothiazide</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>triamterene & hydrochlorothiazide CAPS 25 MG-37.5 MG</i>	1	
<i>triamterene & hydrochlorothiazide TABS</i>	1	
Loop Diuretics		
<i>bumetanide SOLN 0.25 MG/ML</i>	1	
<i>bumetanide TABS</i>	1	QL(5 ea daily)
<i>ethacrynic acid</i>	1	QL(16 ea daily)
<i>furosemide SOLN OR 10 MG/ML, 40 MG/5ML</i>	1	
<i>furosemide TABS</i>	1	
<i>torseamide TABS</i>	1	
Potassium Sparing Diuretics		
<i>amiloride hcl TABS</i>	1	
<i>spironolactone TABS</i>	1	
<i>triamterene CAPS</i>	1	QL(3 ea daily)
Thiazides and Thiazide-Like Diuretics		
<i>chlorthalidone 25 MG, 50 MG</i>	1	
<i>hydrochlorothiazide CAPS</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>hydrochlorothiazide TABS</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>indapamide TABS 1.25 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>indapamide TABS 2.5 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>metolazone</i>	1	QL(2 ea daily)
ENDOCRINE AND METABOLIC AGENTS - MISC.		
- Drugs to Treat Bone Disease and Regulate Hormones		
Bone Density Regulators		
<i>alendronate sodium TABS 35 MG, 70 MG</i>	1	QL(0.143 ea daily)
<i>alendronate sodium TABS 5 MG, 10 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>calcitonin (salmon) NA</i>	1	QL(0.14 ml daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
FORTEO SOPN (<i>teriparatide (recombinant)</i>)	4	QL(0.09 ml daily); SP; PA
FOSAMAX PLUS D	3	QL(0.143 ea daily); PA
<i>ibandronate sodium SOLN</i>	4	SP; PA
<i>ibandronate sodium TABS</i>	1	QL(0.036 ea daily)
<i>pamidronate disodium SOLN 30 MG/10ML, 90 MG/10ML</i>	4	SP; PA
PAMIDRONATE DISODIUM SOLN	4	SP; PA
PROLIA SOSY	4	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; SP; PA
<i>risedronate sodium TABS 5 MG, 30 MG</i>	1	QL(1 ea daily); PA
<i>risedronate sodium TABS 35 MG</i>	1	QL(0.143 ea daily); PA
<i>risedronate sodium TABS 150 MG</i>	1	QL(0.036 ea daily); PA
<i>risedronate sodium TBEC</i>	1	PA
<i>teriparatide (recombinant) SOPN</i>	4	QL(0.09 ml daily); SP; PA
TERIPARATIDE SOPN	4	QL(0.09 ml daily); PA
TYMLOS	4	PA
XGEVA SOLN	4	SP; PA
<i>zoledronic acid CONC</i>	4	SP; PA
<i>zoledronic acid SOLN</i>	4	SP; PA
Corticotropin		
ACTHAR	3	PA
Fertility Regulators		
CHORIONIC GONADOTROPIN IM	4	30 rtl day(s) supply; PA
GnRH/LHRH Antagonists		
<i>ganirelix acetate</i>	4	PA
ORLISSA	2	PA
Growth Hormone Receptor Antagonists		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
SOMAVERT 10 MG, 15 MG, 20 MG	4	SP; PA	ELAPRASE	4	SP; PA
Growth Hormone Releasing Hormones (GHRH)			GALAFOLD	4	QL(0.5 ea daily); PA
EGRIFTA 2 MG	4	PA	LUMIZYME	4	SP; PA
EGRIFTA SV	4	PA	MYALEPT	4	PA
Growth Hormones			NAGLAZYME	4	SP; PA
HUMATROPE CART IJ	4	SP; PA	<i>nitisinone CAPS</i>	4	PA
NORDITROPIN FLEXPRO SOPN 30 MG/3ML	4	PA	<i>paricalcitol CAPS</i>	1	
NORDITROPIN FLEXPRO SOPN 5 MG/1.5ML, 10 MG/1.5ML, 15 MG/1.5ML	4	SP; PA	<i>paricalcitol SOLN</i>	1	
ZORBTIVE SC	4	SP; PA	PHEBURANE PLLT	4	PA
Hormone Receptor Modulators			<i>sapropterin dihydrochloride PACK</i>	4	PA
OSPHENA	3	PA	<i>sapropterin dihydrochloride TABS</i>	4	PA
<i>raloxifene hcl</i>	0	QL(1 ea daily)	<i>sodium phenylbutyrate POWD</i>	1	PA
Insulin-Like Growth Factors (Somatomedins)			<i>sodium phenylbutyrate TABS</i>	1	PA
INCRELEX	4	SP; PA	Posterior Pituitary Hormones		
LHRH/GnRH Agonist Analog Pituitary Suppressants			<i>desmopressin acetate spray</i>	1	
FENSOLVI SC	4	SP; PA	<i>desmopressin acetate spray refrigerated</i>	1	
LUPRON DEPOT-PED (1-MONTH)	4	SP; PA	<i>desmopressin acetate SOLN IJ</i>	1	PA
LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 11.25 MG	4	PA	DESMOPRESSIN ACETATE SOLN NA	4	SP; PA
LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 30 MG	4	SP; PA	<i>desmopressin acetate TABS 0.2 MG</i>	1	QL(8 ea daily)
SYNAREL	4	SP; PA	<i>desmopressin acetate TABS 0.1 MG</i>	1	QL(6 ea daily)
Metabolic Modifiers			STIMATE SOLN NA	4	SP; PA
ALDURAZYME	4	SP; PA	Prolactin Inhibitors		
<i>betaine</i>	4	SP; PA	<i>cabergoline</i>	1	
<i>calcitriol CAPS</i>	1		Somatostatic Agents		
<i>calcitriol SOLN IV</i>	1		<i>octreotide acetate SOLN</i>	4	SP; PA
<i>cinacalcet hcl</i>	4	QL(4 ea daily); SP; PA	SANDOSTATIN LAR DEPOT KIT	4	PA
<i>doxercalciferol CAPS</i>	1		SIGNIFOR	4	PA
<i>doxercalciferol SOLN</i>	1				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Vasopressin Receptor Antagonists		
<i>tolvaptan TABS</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA
ESTROGENS - Hormone Replacement/Modifying Drugs		
Estrogen Combinations		
CLIMARA PRO	3	
DUAVEE	3	PA
<i>norethindrone acetate-ethinyl estradiol</i>	1	
PREMPHASE	2	
PREMPRO	2	QL(1 ea daily)
Estrogens		
DELESTROGEN 10 MG/ML (<i>estradiol valerate</i>)	1	
DEPO-ESTRADIOL	3	
ELESTRIN GEL	3	
<i>estradiol valerate</i>	1	
<i>estradiol GEL</i>	1	
<i>estradiol PTTW</i>	1	QL(0.286 ea daily)
<i>estradiol PTWK</i>	1	
<i>estradiol TABS</i>	1	
ESTROGEL GEL	3	
EVAMIST SOLN	3	
MENEST	3	
MENOSTAR PTWK	3	
PREMARIN SOLR	2	
PREMARIN TABS	2	QL(1 ea daily)
FLUOROQUINOLONES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Fluoroquinolones		
BAXDELA SOLR	3	PA
BAXDELA TABS	3	PA
<i>ciprofloxacin hcl TABS</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>ciprofloxacin in d5w 5 %-200 MG/100ML</i>	3	
<i>ciprofloxacin SUSR 5 GM/100ML, 500 MG/5ML</i>	1	2 rtl MAX fill; 30 rtl day(s) supply
CIPRO SUSR	2	2 rtl MAX fill; 30 rtl day(s) supply
<i>levofloxacin in d5w 5 %-500 MG/100ML</i>	1	
<i>levofloxacin SOLN OR</i>	1	
<i>levofloxacin TABS</i>	1	
<i>moxifloxacin hcl in sodium chloride</i>	1	
<i>moxifloxacin hcl TABS</i>	1	
<i>ofloxacin 300 MG, 400 MG</i>	1	
GASTROINTESTINAL AGENTS - MISC. - Miscellaneous Gastrointestinal Drugs		
Bile Acid Synthesis Disorder Agents		
CHOLBAM	4	SP; PA
Gallstone Solubilizing Agents		
<i>ursodiol CAPS</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>ursodiol TABS</i>	1	
Gastrointestinal Chloride Channel Activators		
<i>lubiprostone</i>	1	QL(2 ea daily)
Gastrointestinal Stimulants		
<i>metoclopramide hcl SOLN IJ 5 MG/ML</i>	1	
<i>metoclopramide hcl SOLN OR 5 MG/5ML, 10 MG/10ML</i>	1	QL(60 ml daily)
<i>metoclopramide hcl TABS</i>	1	QL(6 ea daily)
Inflammatory Bowel Agents		
<i>balsalazide disodium CAPS</i>	1	QL(9 ea daily)
DIPENTUM	2	
INFLECTRA SOLR	4	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>mesalamine CP24</i>	1	PA
<i>mesalamine CPDR</i>	1	
<i>mesalamine ENEM</i>	3	
<i>mesalamine SUPP</i>	3	
<i>mesalamine TBEC 800 MG</i>	3	QL(6 ea daily)
<i>mesalamine TBEC 1.2 GM</i>	3	
RENFLEXIS	4	PA
SKYRIZI SOCT	4	QL(0.043 ml daily); PA
STELARA 130 MG/26ML	4	QL(3.47 ml daily); PA
<i>sulfasalazine TABS</i>	1	
<i>sulfasalazine TBEC</i>	1	
Intestinal Acidifiers		
<i>lactulose (encephalopathy)</i>	1	
Irritable Bowel Syndrome (IBS) Agents		
<i>alosetron hcl</i>	1	QL(2 ea daily)
LINZESS	2	QL(1 ea daily)
Peripheral Opioid Receptor Antagonists		
<i>alvimopan</i>	1	
MOVANTIK	3	QL(1 ea daily); PA
Phosphate Binder Agents		
<i>calcium acetate (phosphate binder) CAPS</i>	1	
<i>calcium acetate (phosphate binder) TABS</i>	1	RX/OTC
<i>lanthanum carbonate CHEW</i>	1	
PHOSLYRA SOLN	2	
<i>sevelamer carbonate PACK</i>	1	
<i>sevelamer carbonate TABS</i>	1	
GENITOURINARY AGENTS - MISCELLANEOUS - Miscellaneous Drugs to Treat Reproductive		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Organs and Urinary System		
Alkalinizers		
<i>potassium citrate (alkalinizer) TBCR 10 MEQ, 1080 MG</i>	1	
<i>sodium citrate & citric acid</i>	1	RX/OTC
Cystinosis Agents		
CYSTAGON CAPS	3	PA
Genitourinary Irrigants		
<i>acetic acid 0.25 %</i>	1	
<i>glycine (gu irrigant) SOLN 1.5 %</i>	1	
<i>sodium chloride (gu irrigant) 0.9 %</i>	1	
SORBITOL 3 %	1	
SORBITOL/MANNITOL IRRIGATION	1	
Interstitial Cystitis Agents		
ELMIRON CAPS	2	QL(3 ea daily)
Prostatic Hypertrophy Agents		
<i>alfuzosin hcl</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>dutasteride</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>finasteride</i>	1	5 mg only
<i>silodosin</i>	1	
<i>tamsulosin hcl</i>	1	
Urinary Analgesics		
<i>phenazopyridine hcl TABS 100 MG, 100 MG, 200 MG</i>	1	
Urinary Stone Agents		
THIOLA EC TBEC 300 MG (<i>tiopronin</i>)	3	QL(10 ea daily); PA
THIOLA EC TBEC 100 MG (<i>tiopronin</i>)	3	QL(3 ea daily); PA
<i>tiopronin TBEC 300 MG</i>	3	QL(10 ea daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>tiopronin TBEC 100 MG</i>	3	QL(3 ea daily); PA
GOUT AGENTS - Drugs to Treat Gout		
Gout Agent Combinations		
<i>colchicine w/ probenecid</i>	1	
Gout Agents		
<i>allopurinol</i>	1	
<i>colchicine TABS</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>febuxostat</i>	1	QL(1 ea daily); PA
Uricosurics		
<i>probenecid</i>	1	
HEMATOLOGICAL AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Blood Disorders		
Bradykinin B2 Receptor Antagonists		
<i>icatibant acetate SOLN</i>	4	QL(9 ml daily); PA
<i>icatibant acetate SOSY</i>	4	QL(9 ml daily); PA
Complement Inhibitors		
HAEGARDA SOLR SC	4	PA
Hematorheologic Agents		
<i>pentoxifylline</i>	1	QL(3 ea daily)
Plasma Kallikrein Inhibitors		
ORLADEYO	4	PA
TAKHZYRO SOLN	4	PA
TAKHZYRO SOSY	4	PA
Platelet Aggregation Inhibitors		
<i>anagrelide hcl</i>	1	
<i>aspirin-dipyridamole</i>	1	QL(2 ea daily); PA
BRILINTA	2	QL(2 ea daily)
CABLIVI	4	PA
<i>cilostazol</i>	1	
<i>clopidogrel bisulfate 75 MG</i>	1	QL(1 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>clopidogrel bisulfate 300 MG</i>	1	
<i>dipyridamole</i>	1	
<i>prasugrel hcl</i>	1	QL(1 ea daily)
ZONTIVITY	3	PA
HEMATOPOIETIC AGENTS - Drugs to Treat Blood Disorders		
Agents for Gaucher Disease		
CERDELGA	4	QL(2 ea daily); PA
CEREZYME 400 UNIT	4	SP; PA
<i>miglustat</i>	4	QL(3 ea daily); SP; PA
Agents for Sickle Cell Disease		
DROXIA CAPS	3	
OXBRYTA TABS 500 MG	4	PA
Cobalamins		
<i>cyanocobalamin SOLN IJ 1000 MCG/ML</i>	1	QL(1 ml daily)
Folic Acid/Folates		
<i>folic acid TABS</i>	0	
Hematopoietic Growth Factors		
ARANESP ALBUMIN FREE SOLN 25 MCG/ML	4	SP
ARANESP ALBUMIN FREE SOLN 40 MCG/ML, 60 MCG/ML, 100 MCG/ML	4	SP; PA
ARANESP ALBUMIN FREE SOSY 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.4ML, 300 MCG/0.6ML, 500 MCG/ML	4	SP; PA
DOPTELET	4	QL(3 ea daily); PA
EPOGEN 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	4	SP; PA
LEUKINE SOLR IJ	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
MIRCERA 30 MCG/0.3ML, 50 MCG/0.3ML, 75 MCG/0.3ML, 100 MCG/0.3ML, 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.3ML	4	PA
MULPLETA	4	QL(1 ea daily); PA
PROCRIT 40000 UNIT/ML	4	SP; PA
PROCRIT 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	4	SP; PA
PROCRIT 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	4	SP; PA
RETACRIT	4	PA
UDENYCA ONBODY SOSY	4	PA
UDENYCA SOAJ	4	PA
UDENYCA SOSY	4	PA
ZARXIO	4	PA
ZIEXTENZO	4	PA
Hematopoietic Mixtures		
<i>ferrous fumarate-folic acid</i>	1	QL(1 ea daily)
Iron		
<i>ferrous sulfate SOLN 15 MG/ML</i>	0	AL(Up to 1 yrs old)
<i>ferrous sulfate TABS 65 MG, 325 MG</i>	0	
<i>ferrous sulfate TBEC 325 MG</i>	0	
Stem Cell Mobilizers		
MOZOBIL (<i>plerixafor</i>)	4	SP; PA
<i>plerixafor</i>	4	SP; PA
HEMOSTATICS - Drugs to Stop Bleeding/Treat Blood Disorders		
Hemostatics - Systemic		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>aminocaproic acid TABS</i>	1	PA
<i>tranexamic acid SOLN 1000 MG/10ML</i>	1	
<i>tranexamic acid TABS</i>	1	
HYPNOTICS/SEDATIVES/SLEEP DISORDER AGENTS		
Barbiturate Hypnotics		
<i>phenobarbital ELIX</i>	1	
<i>phenobarbital TABS 15 MG, 16.2 MG, 30 MG, 32.4 MG, 64.8 MG, 97.2 MG, 100 MG</i>	1	
Hypnotics - Tricyclic Agents		
<i>doxepin hcl (sleep)</i>	1	QL(1 ea daily); PA
Non-Barbiturate Hypnotics		
<i>estazolam</i>	1	
<i>eszopiclone</i>	1	QL(1 ea daily); AL(At least 18 yrs old); ST
<i>flurazepam hcl</i>	1	
<i>temazepam</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>triazolam</i>	1	
<i>zaleplon 10 MG</i>	1	QL(2 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zaleplon 5 MG</i>	1	QL(1 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zolpidem tartrate TABS</i>	1	QL(1 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zolpidem tartrate TBCR</i>	1	QL(1 ea daily)
Orexin Receptor Antagonists		
BELSOMRA	3	PA
Selective Melatonin Receptor Agonists		
<i>ramelteon</i>	1	QL(1 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
LAXATIVES - Bowel Treatment Drugs		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Bulk Laxatives			Azithromycin		
<i>calcium polycarbophil TABS</i>	1		<i>azithromycin PACK</i>	1	
Laxative Combinations			<i>azithromycin SOLR</i>	1	
<i>peg 3350-kcl-nacl-na sulfate-na ascorbate-ascorbic acid</i>	1		<i>azithromycin SUSR</i>	1	
<i>peg 3350-kcl-sod bicarb-sod chloride-sod sulfate SOLR 6.74 GM-2.97 GM-5.86 GM-22.74 GM-236 GM</i>	0		<i>azithromycin TABS 500 MG</i>	1	QL(4 ea per fill retail; 4 per fill mail)
<i>peg 3350-potassium chloride-sod bicarbonate-sod chloride</i>	1	PA	<i>azithromycin TABS 600 MG</i>	1	QL(0.286 ea daily)
<i>sodium sulfate-potassium sulfate-magnesium sulfate</i>	1		<i>azithromycin TABS 250 MG</i>	1	QL(6 ea per fill retail; 6 per fill mail)
Laxatives - Miscellaneous			Clarithromycin		
<i>lactulose SOLN</i>	1		<i>clarithromycin SUSR</i>	1	
Saline Laxatives			<i>clarithromycin TABS</i>	1	
OSMOPREP	3	PA	<i>clarithromycin TB24</i>	1	
Stimulant Laxatives			Erythromycins		
<i>bisacodyl SUPP</i>	1		<i>erythromycin base CPEP</i>	3	
<i>bisacodyl TBEC</i>	1		<i>erythromycin base TABS</i>	3	
Surfactant Laxatives			<i>erythromycin base TBEC</i>	1	
<i>docusate calcium</i>	1	QL(1 ea daily)	<i>erythromycin ethylsuccinate SUSR</i>	1	
<i>docusate sodium CAPS 250 MG</i>	1		<i>erythromycin ethylsuccinate TABS</i>	3	
<i>docusate sodium CAPS 100 MG</i>	1	QL(4 ea daily)	Fidaxomicin		
LOCAL ANESTHETICS-Parenteral - Drugs for Numbing			DIFICID TABS	2	
Local Anesthetics - Amides			MEDICAL DEVICES AND SUPPLIES		
<i>lidocaine hcl (local anesth.) SOLN 0.5 %, 1 %, 2 %</i>	1		Contraceptives		
MACROLIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections			AIMSCO LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
			CAYA DPRH	0	
			DUREX EXTRA SENSITIVE THIN DEVI	0	QL(2 ea daily)
			FANTASY LUBRICATED/SPERMICI DE MISC	0	QL(2 ea daily)
			FANTASY LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
FC2 FEMALE CONDOM	0	1 rtl MAX fill; 90 rtl day(s) supply; 1 mail MAX fill; QL(12 ea per fill retail; 12 per fill mail)	PREMIUM CONDOMS LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
FEMCAP DEVI	0		REALITY LATEX CONDOMS/LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
KAMELEON LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	REALITY LATEX/ULTRA TEXTURED DEVI	0	QL(2 ea daily)
KIMONO COLORS DEVI	0	QL(2 ea daily)	REALITY LATEX/ULTRA THIN DEVI	0	QL(2 ea daily)
KIMONO LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	TRUSTEX COLOR CONDOMS + LUBE MISC	0	QL(2 ea daily)
KIMONO MAXX/LARGE FLARE MISC	0	QL(2 ea daily)	TRUSTEX LUBRICATED EXTRALARGE MISC	0	QL(2 ea daily)
KIMONO MICRO THIN PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	TRUSTEX LUBRICATED EXTRASTRENGTH MISC	0	QL(2 ea daily)
KIMONO PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	TRUSTEX LUBRICATED/RIBBED/STUDDDED MISC	0	QL(2 ea daily)
KIMONO PLUS SPERMICIDE/LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA LARGE MISC	0	QL(2 ea daily)
KIMONO PS LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA STRENGTH MISC	0	QL(2 ea daily)
KIMONO PS PLUS SPERMICIDE/LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	0	QL(2 ea daily)
KIMONO SENSATION LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	TRUSTEX LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
KIMONO SENSATION PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	TRUSTEX NATURAL CONDOMS +LUBE/LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
KIMONO SPECIAL DEVI	0	QL(2 ea daily)	TRUSTEX WITH NONOXYNOL-9/RIBBED/STUDDDED MISC	0	QL(2 ea daily)
K-Y ME & YOU EXTRA LUBRICATED DEVI	0	QL(2 ea daily)	TRUSTEX/RIA LUBRICATED SPERMICIDE MISC	0	QL(2 ea daily)
K-Y ME & YOU INTENSE DEVI	0	QL(2 ea daily)	TRUSTEX/RIA LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	0	QL(2 ea daily)
MAXX LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)			
MAXX PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)			
OMNIFLEX DIAPHRAGM	0				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
TRUSTEX/RIA LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	ONETOUCH DELICA SAFETY LANCING DEVICE	1	RX/OTC
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 60	0		ONETOUCH DELICA SAFETY LANCING DEVICE 30G	1	RX/OTC
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 65	0		RELION 2-IN-1 LANCET DEVICES 30G	1	RX/OTC
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 70	0		RELION 2-IN-1 LANCING DEVICE 25G	1	RX/OTC
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 75	0		RELION 2-IN-1 LANCING DEVICE 30G	1	RX/OTC
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 80	0		SELECT INSULIN SYRINGES	1	5/day
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 85	0		SELECT LANCETS	1B	6.66/day
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 90	0		SELECT LANCETS	1	6.66/day
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 95	0		TRUE METRIX CONTROL SOLUTION LEVEL 3 SOLN	1	
Diabetic Supplies			Parenteral Therapy Supplies		
FREESTYLE LIBRE 14 DAY/READER/FLASH MONITORING SYSTEM	3	QL(1 ea per 365 days retail); PA	SELECT INSULIN SYRINGES	1B	5/day
FREESTYLE LIBRE 14 DAY/SENSOR/FLASH MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA	MIGRAINE PRODUCTS - Drugs to Treat Migraine Headaches		
FREESTYLE LIBRE 2/READER/FLASH GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	QL(1 ea per 365 days retail); PA	Calcitonin Gene-Related Peptide (CGRP) Receptor Antag		
FREESTYLE LIBRE 2/SENSOR/FLASH GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA	AIMOVIG	2	QL(0.04 ml daily); PA
FREESTYLE LIBRE 3/READER/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA	EMGALITY SOAJ	2	QL(0.07 ml daily); PA
FREESTYLE LIBRE 3/SENSOR/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA	EMGALITY SOSY 100 MG/ML	2	QL(0.1 ml daily); PA
FREESTYLE LIBRE/READER/FLASH MONITORING SYSTEM	3	QL(1 ea per 365 days retail); PA	EMGALITY SOSY 120 MG/ML	2	QL(0.07 ml daily); PA
			UBRELVY	3	QL(10 ea per 30 days retail); ST
			Migraine Combinations		
			<i>ergotamine w/ caffeine TABS</i>	1	QL(1.5 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>sumatriptan-naproxen sodium</i>	3	QL(10 ea per 30 days retail; 10 ea per 30 days mail)	<i>sumatriptan</i>	1	QL(0.2 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
Migraine Products			<i>sumatriptan succinate SOAJ</i>	1	QL(0.134 ml daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>dihydroergotamine mesylate SOLN NA 4 MG/ML</i>	1	QL(0.267 ml daily)	<i>sumatriptan succinate SOCT</i>	1	QL(0.134 ml daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>dihydroergotamine mesylate SOLN IJ 1 MG/ML</i>	1		<i>sumatriptan succinate SOLN 6 MG/0.5ML</i>	1	QL(0.134 ml daily); AL(At least 18 yrs old)
ERGOMAR SUBL	3	QL(0.667 ea daily)	<i>sumatriptan succinate TABS</i>	1	QL(0.3 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
Serotonin Agonists			<i>zolmitriptan SOLN</i>	1	QL(0.2 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST
<i>almotriptan malate 12.5 MG</i>	1	QL(0.4 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST	<i>zolmitriptan TABS</i>	1	QL(0.3 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST
<i>almotriptan malate 6.25 MG</i>	1	QL(0.3 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST	<i>zolmitriptan TBDP</i>	1	QL(0.3 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST
<i>eletriptan hydrobromide</i>	1	QL(0.2 ea daily); AL(At least 18 yrs old); ST	MINERALS & ELECTROLYTES		
<i>frovatriptan succinate</i>	1	QL(0.4 ea daily); AL(At least 18 yrs old); ST	Bicarbonates		
<i>naratriptan hcl</i>	1	QL(0.3 ea daily); AL(At least 18 yrs old)	<i>sodium acetate SOLN</i>	1	
<i>rizatriptan benzoate TABS 10 MG</i>	1	QL(0.6 ea daily); AL(At least 6 yrs old)	SODIUM ACETATE SOLN (<i>sodium acetate</i>)	1	
<i>rizatriptan benzoate TABS 5 MG</i>	1	QL(0.4 ea daily); AL(At least 6 yrs old)	Calcium		
<i>rizatriptan benzoate TBDP 10 MG</i>	1	QL(0.6 ea daily); AL(At least 6 yrs old)	<i>calcium chloride (dihydrate) SOLN</i>	1	
<i>rizatriptan benzoate TBDP 5 MG</i>	1	QL(0.4 ea daily); AL(At least 6 yrs old)	Electrolyte Mixtures		
			<i>dextrose in lactated ringers</i>	1	
			<i>electrolyte-148</i>	1	
			<i>electrolyte-a</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
IONOSOL-MB/DEXTROSE 5%	1	
ISOLYTE-P/DEXTROSE 5%	1	
ISOLYTE-S	1	
KCL 0.3%/D5W/NACL 0.9% (<i>potassium chloride in dextrose & sodium chloride</i>)	1	
<i>lactated ringer's</i>	1	
NORMOSOL-M/D5W	1	
NORMOSOL-R	1	
PLASMA-LYTE A (<i>electrolyte-a</i>)	1	
PLASMA-LYTE-148 (<i>electrolyte-148</i>)	1	
<i>potassium chloride in dextrose 5 %-20 MEQ/L</i>	1	
<i>potassium chloride in dextrose & sodium chloride 5 %-0.075 %-0.45 %, 5 %-0.15 %-0.9 %, 5 %-10 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.2 %, 5 %-20 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.9 %, 5 %-30 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.9 %</i>	1	
<i>potassium chloride in nacl 20 MEQ/L-0.45 %, 20 MEQ/L-0.9 %, 40 MEQ/L-0.9 %</i>	1	
POTASSIUM CHLORIDE/DEXTROSE/LACTATED RINGERS	1	
POTASSIUM CHLORIDE/SODIUM CHLORIDE 20 MEQ/L-0.45 % (<i>potassium chloride in nacl</i>)	1	
<i>ringer's</i>	1	
Fluoride		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>sodium fluoride CHEW 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG, 2.2 MG</i>	0	QL(1 ea daily)
Magnesium		
<i>magnesium sulfate IJ 50 %</i>	1	
Phosphate		
<i>potassium phosphates 236 MG/ML-224 MG/ML</i>	1	
Potassium		
<i>potassium acetate SOLN 2 MEQ/ML</i>	1	
<i>potassium bicarbonate TBEF</i>	1	
<i>potassium chloride microencapsulated crystals er</i>	1	
<i>potassium chloride CPRC</i>	1	
<i>potassium chloride PACK OR 20 MEQ</i>	1	PA
<i>potassium chloride SOLN IV 2 MEQ/ML, 10 MEQ/50ML, 20 MEQ/50ML</i>	1	
POTASSIUM CHLORIDE SOLN IV 10 MEQ/50ML (<i>potassium chloride</i>)	1	
<i>potassium chloride TBCR 8 MEQ, 10 MEQ</i>	1	
Sodium		
<i>sodium chloride SOLN IV 0.45 %, 0.9 %, 3 %, 4 MEQ/ML, 5 %</i>	1	
MISCELLANEOUS THERAPEUTIC CLASSES		
Chelating Agents		
<i>penicillamine CAPS</i>	1	PA
<i>penicillamine TABS</i>	1	QL(8 ea daily)
<i>trientine hcl 250 MG</i>	4	QL(8 ea daily); SP; PA
Immunomodulators		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>lenalidomide 20 MG</i>	4	QL(1 ea daily); PA
<i>lenalidomide 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 15 MG, 25 MG</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA
THALOMID	4	QL(3 ea daily); SP; PA
Immunosuppressive Agents		
ATGAM	4	SP; PA
AZATHIOPRINE	1	
<i>azathioprine TABS</i>	1	
<i>cyclosporine modified (for microemulsion) CAPS</i>	1	
<i>cyclosporine modified (for microemulsion) SOLN</i>	1	
<i>cyclosporine CAPS</i>	1	
<i>cyclosporine SOLN IV 50 MG/ML</i>	1	
ENSPRYNG	4	PA
<i>everolimus (immunosuppressant) 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG</i>	4	QL(20 ea daily); SP; PA
<i>mycophenolate mofetil CAPS</i>	1	
<i>mycophenolate mofetil TABS</i>	1	
<i>mycophenolate sodium</i>	1	
NULOJIX	4	SP; PA
PROGRAF PACK	2	PA
PROGRAF SOLN	2	
SIMULECT	3	
<i>sirolimus TABS</i>	1	
<i>tacrolimus CAPS</i>	1	
THYMOGLOBULIN	4	SP; PA
Irrigation Solutions		
<i>irrigation solutions, physiological</i>	1	
<i>lactated ringer's (irrigation)</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>ringer's irrigation</i>	1	
<i>water for irrigation, sterile</i>	1	
Potassium Removing Agents		
LOKELMA	3	QL(1 ea daily); PA
<i>sodium polystyrene sulfonate POWD</i>	1	
<i>sodium polystyrene sulfonate SUSP OR 15 GM/60ML</i>	1	
MOUTH/THROAT/DENTAL AGENTS		
Anesthetics Topical Oral		
<i>lidocaine hcl (mouth-throat) 4 %</i>	1	
<i>lidocaine hcl (mouth-throat) 2 %</i>	1	QL(4 ml daily)
Anti-infectives - Throat		
<i>clotrimazole</i>	1	
<i>nystatin (mouth-throat)</i>	1	
Antiseptics - Mouth/Throat		
<i>chlorhexidine gluconate (mouth-throat)</i>	1	
DEBACTEROL	2	
Dental Products		
<i>stannous fluoride CONC</i>	0	RX/OTC
Steroids - Mouth/Throat/Dental		
<i>triamcinolone acetanide (mouth)</i>	1	
Throat Products - Misc.		
<i>cevimeline hcl</i>	1	
<i>pilocarpine hcl (oral)</i>	1	
MULTIVITAMINS		
Ped MV w/ Fluoride		
<i>pediatric multivitamins w/fl CHEW</i>	1	RX/OTC
Prenatal Vitamins		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
CLASSIC PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)	PRENATAL PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
CVS PRENATAL TABS 100 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-4 MCG- 1.7 MG-18 MG-27 MG-1.5 MG-25 MG-263 MG-11 UNIT-4000 UNIT	2	QL(1 ea daily)	PRENATAL VITAMIN & MINERAL TABS	2	QL(1 ea daily)
EQL PRENATAL FORMULA TABS	2	QL(1 ea daily)	PRENATAL VITAMIN/IRON TABS	2	QL(1 ea daily)
GNP PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)	PRENATAL VITAMINS PLUS LOW IRON TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
KP PRENATAL MULTIVITAMINS TABS	2	QL(1 ea daily)	PRENATAL VITAMINS TABS 120 MG-2.6 MG- 800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG-4000 UNIT-30 UNIT	2	QL(1 ea daily)
MASONATAL TABS	2	QL(1 ea daily)	PRENATAL VITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)
M-NATAL PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC	PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)
MULTI PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)	PRENATRIX TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
NEONATAL COMPLETE TABS 120 MG-10 MG-9.2 MG-1000 MCG-10 MCG- 12 MCG-3 MG-5 MG-20 MG-27 MG-200 MG-1.84 MG-25 MG-2 MG-1200 MCG-2 MG-0.2 MG	2	QL(1 ea daily); RX/OTC	PRENATRYL TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
NEONATAL PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC	PREPLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
NEONATAL PRENATAL VITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)	PX PRENATAL MULTIVITAMINS TABS	2	QL(1 ea daily)
NEONATAL VITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)	QC PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)
NIVA-PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC	RA PRENATAL FORMULA/FOLICACID TABS	2	QL(1 ea daily)
ONE VITE WOMENS PRENATALVITAMIN PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC	RA PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)
ONE VITE WOMENS PRENATALVITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)	SM PRENATAL VITAMINS TABS	2	QL(1 ea daily)
PRENATAL MULTIVITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)	THERANATAL CORE NUTRITION TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
PRENATAL ONE DAILY TABS	2	QL(1 ea daily)	TRICARE TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
PRENATAL PLUS VITAMIN ANDMINERAL TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC	VITATHELY/GINGER TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
			WESTAB PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
			MUSCULOSKELETAL THERAPY AGENTS - Drugs to Treat Spasms		
			Central Muscle Relaxants		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>baclofen TABS 10 MG, 20 MG</i>	1	
<i>carisoprodol TABS</i>	1	
<i>chlorzoxazone TABS 500 MG</i>	1	QL(6 ea daily)
<i>cyclobenzaprine hcl TABS 5 MG, 10 MG</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>metaxalone 800 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>methocarbamol TABS 500 MG, 750 MG</i>	1	
<i>orphenadrine citrate TB12</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>tizanidine hcl CAPS</i>	1	
<i>tizanidine hcl TABS</i>	1	
Direct Muscle Relaxants		
<i>dantrolene sodium CAPS</i>	1	QL(4 ea daily)
NASAL AGENTS - SYSTEMIC AND TOPICAL - Drugs to treat the Nose or Sinus		
Nasal Antiallergy		
<i>azelastine hcl</i>	1	RX/OTC
<i>olopatadine hcl (nasal)</i>	1	
Nasal Anticholinergics		
<i>ipratropium bromide (nasal) 0.06 %</i>	1	
<i>ipratropium bromide (nasal) 0.03 %</i>	1	QL(1 ml daily)
Nasal Steroids		
<i>budesonide (nasal)</i>	1	
<i>flunisolide (nasal) 0.025 %</i>	1	1 rtl pack lmt per fill
<i>fluticasone propionate (nasal) SUSP</i>	1	Limit 2 inhalers per month; QL(32 ml per 30 days retail); RX/OTC
<i>mometasone furoate (nasal) SUSP</i>	1	QL(1.14 ml daily); PA; RX/OTC
<i>triamcinolone acetonide (nasal) AERO</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
XHANCE EXHU	3	PA
NEUROMUSCULAR AGENTS - Drugs to Relax/Paralyze Muscles		
ALS Agents		
<i>riluzole TABS</i>	3	
NUTRIENTS		
Proteins		
CLINIMIX 4.25%/DEXTROSE 10%	3	
CLINIMIX 4.25%/DEXTROSE 5%	3	
CLINIMIX E 5%/DEXTROSE 20%	3	
OPHTHALMIC AGENTS - Drugs to Treat the Eye		
Beta-blockers - Ophthalmic		
<i>betaxolol hcl (ophth) SOLN</i>	1	
<i>brimonidine tartrate-timolol maleate</i>	1	
<i>carteolol hcl (ophth)</i>	1	
<i>dorzolamide hcl-timolol maleate</i>	1	
<i>levobunolol hcl 0.5 %</i>	1	
<i>timolol maleate (ophth) SOLG</i>	1	
<i>timolol maleate (ophth) SOLN</i>	1	
Cycloplegic Mydriatics		
<i>tropicamide SOLN 1 %</i>	1	
<i>tropicamide SOLN 0.5 %</i>	1	QL(2.5 ml daily)
Miotics		
<i>pilocarpine hcl SOLN 1 %, 2 %, 4 %</i>	1	
Ophthalmic Adrenergic Agents		
<i>apraclonidine hcl</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>brimonidine tartrate 0.15 % , 0.2 %</i>	1	
IOPIDINE	3	
Ophthalmic Anti-infectives		
AZASITE	3	QL(2.5 ml per 30 days retail; 2 ml per 30 days mail)
<i>bacitracin (ophthalmic)</i>	3	
<i>ciprofloxacin hcl (ophth) SOLN</i>	1	
<i>erythromycin (ophth)</i>	1	
<i>gatifloxacin (ophth)</i>	1	
<i>gentamicin sulfate (ophth) OINT</i>	1	
<i>gentamicin sulfate (ophth) SOLN</i>	1	
KLARITY-A	3	QL(2.5 ml per 30 days retail; 2 ml per 30 days mail)
<i>levofloxacin (ophth) 0.5 %</i>	1	
<i>moxifloxacin hcl (ophth) SOLN OP</i>	1	
NATACYN	2	
<i>neomycin-bacitracin zn-polymyxin</i>	1	
<i>ofloxacin (ophth)</i>	1	
<i>polymyxin b-trimethoprim</i>	1	
<i>sulfacetamide sodium (ophth) SOLN</i>	1	
<i>tobramycin (ophth) SOLN</i>	1	
<i>trifluridine</i>	1	
ZIRGAN GEL	2	
Ophthalmic Immunomodulators		
<i>cyclosporine (ophth) EMUL</i>	3	PA
Ophthalmic Local Anesthetics		
<i>proparacaine hcl</i>	1	
Ophthalmic Steroids		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ALREX SUSP <i>(loteprednol etabonate)</i>	3	PA
<i>dexamethasone sodium phosphate (ophth)</i>	1	QL(0.4 ml daily)
<i>difluprednate</i>	1	PA
<i>fluorometholone (ophth) SUSP</i>	1	
FML FORTE SUSP	3	PA
FML OINT	3	PA
LOTEMAX OINT	3	PA
<i>loteprednol etabonate GEL</i>	1	PA
<i>loteprednol etabonate SUSP</i>	1	PA
MAXIDEX SUSP OP	3	PA
<i>neomycin-polymy-dexameth OINT</i>	1	
<i>neomycin-polymy-dexameth SUSP</i>	1	
<i>neomycin-polymyxin-hc (ophth)</i>	1	QL(2.5 ml daily)
PRED MILD	3	PA
<i>prednisolone acetate (ophth)</i>	1	
PREDNISOLONE SODIUM PHOSPHATE	3	
<i>tobramycin-dexamethasone SUSP</i>	1	
Ophthalmics - Misc.		
ALOCRIAL	3	PA
ALOMIDE	3	PA
<i>azelastine hcl (ophth)</i>	1	
<i>bepotastine besilate</i>	3	PA
<i>bromfenac sodium (ophth) 0.09 %</i>	1	
<i>cromolyn sodium (ophth)</i>	1	
CYSTARAN	2	QL(2.143 ml daily); PA
<i>diclofenac sodium (ophth)</i>	1	
<i>dorzolamide hcl</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>epinastine hcl (ophth)</i>	1	
<i>flurbiprofen sodium</i>	1	
<i>ketorolac tromethamine (ophth)</i>	1	
<i>ketotifen fumarate (ophth) 0.035 %</i>	1	
LASTACAFT	3	PA
NEVANAC	3	QL(0.2 ml daily); ST RX/OTC
<i>olopatadine hcl 0.2 %</i>	1	RX/OTC
<i>olopatadine hcl 0.1 %</i>	1	QL(0.34 ml daily); RX/OTC
Prostaglandins - Ophthalmic		
<i>bimatoprost SOLN</i>	3	
<i>latanoprost SOLN</i>	1	
<i>tafluprost</i>	1	
<i>travoprost SOLN</i>	1	
OTIC AGENTS - Drugs to Treat the Ear		
Otic Agents - Miscellaneous		
<i>acetic acid (otic)</i>	1	QL(0.5 ml daily)
Otic Anti-infectives		
<i>ciprofloxacin hcl (otic)</i>	1	
<i>ofloxacin (otic)</i>	1	
Otic Combinations		
<i>ciprofloxacin-dexamethasone</i>	1	PA
<i>ciprofloxacin-fluocinolone acetonide</i>	1	QL(0.5 ea daily); PA
CORTISPORIN-TC	3	
<i>neomycin-polymyxin-hc (otic) SOLN</i>	1	QL(2 ml daily)
<i>neomycin-polymyxin-hc (otic) SUSP</i>	1	
Otic Steroids		
<i>fluocinolone acetonide (otic)</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>hydrocortisone w/acetic acid</i>	1	
PASSIVE IMMUNIZING AND TREATMENT AGENTS - Antibody Drugs to Treat Low Immune System		
Immune Serums		
GAMMAGARD LIQUID 1 GM/10ML	4	SP; PA
GAMMAGARD LIQUID 30 GM/300ML	4	PA
GAMMAGARD LIQUID 2.5 GM/25ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML	4	SP; PA
GAMMAGARD S/D IGA LESS THAN 1MCG/ML SOLR	4	SP; PA
GAMMAKED 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML	4	SP; PA
GAMMAKED 1 GM/10ML	4	SP; PA
GAMUNEX-C 2.5 GM/25ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML, 40 GM/400ML	4	SP; PA
GAMUNEX-C 1 GM/10ML	4	SP; PA
Passive Immunizing Agents - Combinations		
HYQVIA	4	PA
PENICILLINS - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Aminopenicillins		
<i>amoxicillin CAPS</i>	1	
<i>amoxicillin CHEW 125 MG, 250 MG</i>	1	
<i>amoxicillin SUSP</i>	1	
<i>amoxicillin TABS</i>	1	
<i>ampicillin sodium IV 10 GM</i>	1	
<i>ampicillin CAPS 500 MG</i>	1	
Natural Penicillins		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>penicillin g potassium</i> 5000000 UNIT	1	
PENICILLIN G POTASSIUM IN ISO- OSMOTIC DEXTROSE 40000 UNIT/ML, 60000 UNIT/ML	1	
PENICILLIN G PROCAINE	3	
<i>penicillin g sodium</i>	3	
<i>penicillin v potassium</i> SOLR	1	
<i>penicillin v potassium</i> TABS	1	
Penicillin Combinations		
<i>amoxicillin & pot</i> <i>clavulanate CHEW</i>	1	
<i>amoxicillin & pot</i> <i>clavulanate SUSR</i>	1	
<i>amoxicillin & pot</i> <i>clavulanate TABS</i>	1	
<i>amoxicillin & pot</i> <i>clavulanate TB12</i>	1	
<i>ampicillin & sulbactam</i> <i>sodium IV 10 GM-5 GM</i>	1	
<i>piperacillin sodium-</i> <i>tazobactam sodium</i>	1	
Penicillinase-Resistant Penicillins		
<i>dicloxacillin sodium</i>	1	
<i>nafcillin sodium IV 10 GM</i>	1	
<i>oxacillin sodium IV 10 GM</i>	1	
PROGESTINS - Hormone Replacement/Modifying Drugs		
Progestins		
<i>medroxyprogesterone</i> <i>acetate 2.5 MG, 5 MG, 10</i> <i>MG</i>	1	
<i>megestrol acetate</i> <i>(appetite)</i>	1	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>norethindrone acetate</i> TABS	0	
<i>progesterone CAPS</i>	1	
PSYCHOTHERAPEUTIC AND NEUROLOGICAL AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Mental and Emotional Conditions		
Agents for Chemical Dependency		
<i>acamprosate calcium</i>	1	
<i>disulfiram</i>	1	
LUCEMYRA	3	QL(224 ea per 14 days retail); PA
Antidementia Agents		
<i>donepezil hydrochloride</i> <i>TABS 5 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>donepezil hydrochloride</i> <i>TABS 10 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>donepezil hydrochloride</i> <i>TBDP 10 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>donepezil hydrochloride</i> <i>TBDP 5 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>galantamine</i> <i>hydrobromide CP24</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>galantamine</i> <i>hydrobromide SOLN</i>	1	QL(6 ml daily)
<i>galantamine</i> <i>hydrobromide TABS</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>memantine hcl TABS</i>	1	
<i>memantine hcl TABS</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>rivastigmine tartrate</i> <i>CAPS</i>	1	
Combination Psychotherapeutics		
<i>chlordiazepoxide-</i> <i>amitriptyline</i>	1	
<i>perphenazine-amitriptyline</i>	1	QL(4 ea daily)
Fibromyalgia Agents		
SAVELLA TITRATION PACK MISC	2	1 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
SAVELLA TABS	2	QL(2 ea daily); PA
Movement Disorder Drug Therapy		
AUSTEDO TABS	4	QL(4 ea daily); PA
INGREZZA CAPS	4	QL(1 ea daily); PA
INGREZZA CPPK	4	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; PA
<i>tetrabenazine</i>	4	QL(3 ea daily); SP; PA
Multiple Sclerosis Agents		
AVONEX PEN AJKT	4	QL(0.0714 ml daily); SP; PA
AVONEX PSKT	4	QL(0.0714 ml daily); SP; PA
BETASERON KIT	4	QL(0.0357 ea daily); SP; PA
<i>dalfampridine</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA
<i>dimethyl fumarate CDPK</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>dimethyl fumarate CPDR</i>	1	QL(2 ea daily)
<i> fingolimod hcl</i>	4	QL(1 ea daily)
<i>glatiramer acetate SOSY 40 MG/ML</i>	3	QL(0.43 ml daily)
<i>glatiramer acetate SOSY 20 MG/ML</i>	3	QL(1 ml daily)
KESIMPTA	4	QL(0.0144 ml daily); PA
PLEGRIDY STARTER PACK SOPN	4	QL(0.036 ml daily); PA
PLEGRIDY STARTER PACK SOSY SC	4	QL(0.036 ml daily); PA
PLEGRIDY SOPN	4	QL(0.036 ml daily); PA
PLEGRIDY SOSY SC	4	QL(0.036 ml daily); PA
REBIF REBIDOSE TITRATIONPACK SOAJ	4	1 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; SP; PA
REBIF REBIDOSE SOAJ	4	QL(0.214 ml daily); SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
REBIF TITRATION PACK SOSY	4	1 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; SP; PA
REBIF SOSY	4	QL(0.214 ml daily); SP; PA
<i>teriflunomide</i>	4	QL(1 ea daily)
Postherpetic Neuralgia (PHN)/Neuropathic Pain Agents		
<i>pregabalin (once-daily) 330 MG</i>	3	QL(2 ea daily); PA
<i>pregabalin (once-daily) 82.5 MG, 165 MG</i>	3	QL(1 ea daily); PA
Pseudobulbar Affect (PBA) Agents		
NUEDEXTA	3	QL(2 ea daily); PA
Psychotherapeutic and Neurological Agents - Misc.		
<i>ergoloid mesylates TABS</i>	1	
<i>pimozide</i>	1	
Smoking Deterrents		
<i>bupropion hcl (smoking deterrent)</i>	0	QL(2 ea daily)
<i>nicotine polacrilex GUM</i>	0	
<i>nicotine polacrilex LOZG</i>	0	
NICOTINE TRANSDERMAL SYSTEM KIT	0	
<i>nicotine MISC XX</i>	0	QL(1 ea daily)
<i>nicotine PT24 TD 7 MG/24HR, 14 MG/24HR, 21 MG/24HR</i>	0	QL(1 ea daily)
NICOTROL INHALER INHA	0	
NICOTROL NS SOLN	0	
<i>varenicline tartrate TABS</i>	0	QL(2 ea daily)
<i>varenicline tartrate TBPk</i>	0	
Transthyretin Amyloidosis Agents		
TEGSEDI	4	PA
RESPIRATORY AGENTS - MISC. - Drugs to Treat		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Lung Conditions		
Alpha-Proteinase Inhibitor (Human)		
PROLASTIN-C SOLN	4	PA
Cystic Fibrosis Agents		
KALYDECO TABS	4	QL(2 ea daily); SP; PA
ORKAMBI PACK 125 MG-100 MG, 188 MG-150 MG	4	QL(2 ea daily); PA
ORKAMBI TABS	4	QL(4 ea daily); PA
PULMOZYME	4	QL(2.5 ml daily); SP; PA
TRIKAFTA TBPK 100 MG-50 MG	4	QL(3 ea daily); PA
Pulmonary Fibrosis Agents		
OFEV	4	QL(2 ea daily); PA
<i>pirfenidone CAPS</i>	4	
<i>pirfenidone TABS 267 MG, 801 MG</i>	4	
<i>pirfenidone TABS 534 MG</i>	4	QL(3 ea daily); PA
SULFONAMIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Sulfonamides		
<i>sulfadiazine TABS</i>	1	
TETRACYCLINES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Glycylcyclines		
<i>tigecycline</i>	1	
Tetracyclines		
<i>demeclocycline hcl TABS</i>	1	
<i>doxycycline (monohydrate) CAPS 50 MG, 100 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>doxycycline (monohydrate) CAPS 75 MG</i>	1	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>doxycycline (monohydrate) TABS 100 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>doxycycline (monohydrate) TABS 50 MG</i>	1	
<i>doxycycline hyclate CAPS</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>doxycycline hyclate SOLR</i>	1	
<i>doxycycline hyclate TABS 20 MG, 100 MG</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>minocycline hcl CAPS</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>minocycline hcl TABS</i>	1	QL(3 ea daily)
<i>tetracycline hcl CAPS</i>	1	QL(8 ea daily)
THYROID AGENTS - Drugs to Regulate Thyroid Hormones		
Antithyroid Agents		
<i>methimazole TABS</i>	1	
<i>propylthiouracil</i>	1	
Thyroid Hormones		
ADTHYZA TABS 16.25 MG, 32.5 MG, 65 MG, 97.5 MG, 130 MG	2	
ARMOUR THYROID TABS	2	QL(1 ea daily)
<i>levothyroxine sodium TABS</i>	1	
<i>liothyronine sodium SOLN</i>	1	
<i>liothyronine sodium TABS</i>	1	
NP THYROID 120 TABS	1	QL(1 ea daily)
NP THYROID 15 TABS	1	QL(1 ea daily)
NP THYROID 30 TABS	1	QL(1 ea daily)
NP THYROID 60 TABS	1	QL(1 ea daily)
NP THYROID 90 TABS	1	QL(1 ea daily)
SYNTHROID TABS (<i>levothyroxine sodium</i>)	2	
TOXOIDS		
Toxoid Combinations		
ADACEL SUSP	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
BOOSTRIX SUSP	0		<i>famotidine in nacl SOLN</i>	1	
BOOSTRIX SUSY	0		<i>famotidine SOLN 20 MG/2ML, 40 MG/4ML, 200 MG/20ML</i>	1	
DAPTACEL	0		<i>famotidine SUSR</i>	1	QL(10 ml daily)
DIPHThERIA/TETANUS TOXOIDS ADSORBED PEDIATRIC SUSP	0		<i>famotidine TABS 20 MG, 40 MG</i>	1	
INFANRIX	0		<i>nizatidine CAPS</i>	1	
KINRIX SUSY	0		<i>nizatidine SOLN</i>	1	QL(20 ml daily)
PEDIARIX SUSY	0		<i>ranitidine hcl TABS 150 MG</i>	1	
PENTACEL	0		Misc. Anti-Ulcer		
QUADRACEL SUSP	0		<i>sucralfate SUSP</i>	1	QL(40 ml daily)
QUADRACEL SUSY	0		<i>sucralfate TABS</i>	1	QL(4 ea daily)
TDVAX SUSP	0		Proton Pump Inhibitors		
TENIVAC INJ	0		<i>dexlansoprazole</i>	3	QL(1 ea daily)
TETANUS/DIPHThERIA TOXOIDS-ADSORBED ADULT SUSP	0		<i>esomeprazole magnesium CPDR 20 MG</i>	1	QL(2 ea daily); RX/OTC
ULCER DRUGS - Drugs to Treat Bowel, Intestine and Stomach Conditions			<i>esomeprazole magnesium CPDR 40 MG</i>	3	QL(1 ea daily)
Antispasmodics			<i>esomeprazole magnesium TBEC</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>atropine sulfate SOLN IJ 0.4 MG/ML, 1 MG/ML</i>	1		<i>lansoprazole CPDR 30 MG</i>	1	
<i>atropine sulfate SOSY IJ 0.25 MG/5ML</i>	1		<i>lansoprazole CPDR 15 MG</i>	1	QL(2 ea daily); RX/OTC
<i>chlordiazepoxide hcl-clidinium bromide</i>	1		NEXIUM 24HR TBEC (esomeprazole magnesium)	1	QL(2 ea daily)
<i>dicyclomine hcl CAPS</i>	1		<i>omeprazole magnesium CPDR</i>	1	QL(4 ea daily)
<i>dicyclomine hcl SOLN OR</i>	1		<i>omeprazole CPDR</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>dicyclomine hcl TABS</i>	1		<i>omeprazole TBEC</i>	1	QL(2 ea daily)
<i>glycopyrrolate SOLN IJ 0.2 MG/ML, 4 MG/20ML</i>	1		<i>pantoprazole sodium TBEC 20 MG</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>glycopyrrolate TABS 2 MG</i>	1	QL(6 ea daily)	<i>pantoprazole sodium TBEC 40 MG</i>	1	
<i>glycopyrrolate TABS 1 MG</i>	1		<i>rabeprazole sodium TBEC</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>methscopolamine bromide</i>	1		Ulcer Drugs - Prostaglandins		
H-2 Antagonists					
<i>cimetidine TABS</i>	1	RX/OTC			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>misoprostol</i>	1	QL(4 ea daily)
Ulcer Therapy Combinations		
<i>amoxicillin-clarithromycin w/ lansoprazole THPK</i>	1	14 rtl MAX day(s) supply; 365 rtl lmt day(s); 14 mail MAX day(s) supply; 365 mail lmt day(s)
<i>omeprazole-sodium bicarbonate CAPS 1100 MG-20 MG</i>	1	QL(1 ea daily); RX/OTC
URINARY ANTISPASMODICS - Drugs to Treat Miscellaneous Bladder Spasms		
Urinary Antispasmodic - Antimuscarinics (Anticholinergic)		
<i>darifenacin hydrobromide</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>fesoterodine fumarate</i>	1	QL(1 ea daily); PA
<i>oxybutynin chloride SOLN</i>	1	
<i>oxybutynin chloride TABS 5 MG</i>	1	
<i>oxybutynin chloride TB24</i>	1	
<i>solifenacin succinate TABS</i>	1	QL(1 ea daily); PA
<i>tolterodine tartrate CP24</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>tolterodine tartrate TABS</i>	1	
<i>tropium chloride CP24</i>	1	QL(1 ea daily)
<i>tropium chloride TABS</i>	1	QL(3 ea daily)
Urinary Antispasmodics - Cholinergic Agonists		
<i>bethanechol chloride 25 MG</i>	1	
<i>bethanechol chloride 5 MG, 10 MG, 50 MG</i>	1	QL(4 ea daily)
Urinary Antispasmodics - Direct Muscle Relaxants		
<i>flavoxate hcl</i>	1	
VACCINES		
Bacterial Vaccines		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ACTHIB SOLR IM	0	
BEXSERO	0	
HIBERIX SOLR IJ	0	
MENACTRA	0	
MENQUADFI	0	
MENVEO SOLR	0	
PEDVAX HIB SUSP	0	
PNEUMOVAX 23	0	
PNEUMOVAX 23/1 DOSE	0	
PREVNAR 13	0	
PREVNAR 20	0	1 rtl MAX fill; 999 rtl day(s) supply
TRUMENBA	0	
VAXNEUVANCE	0	4 rtl MAX fill; 999 rtl day(s) supply
Viral Vaccines		
ABRYSVO	0	
AFLURIA QUADRIVALENT 2021-2022 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; QL(0.5 ml per fill retail)
AFLURIA QUADRIVALENT 2021-2022 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
AFLURIA QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; QL(0.5 ml per fill retail)
AFLURIA QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
AFLURIA QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; QL(0.5 ml per fill retail)	FLUARIX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
AFLURIA QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUBLOK QUADRIVALENT 2021-2022	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
AREXVY	0		FLUBLOK QUADRIVALENT 2022-2023	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
COMIRNATY 2023-24 SUSP	0		FLUBLOK QUADRIVALENT 2023-2024	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
COMIRNATY 2023-24 SUSY	0		FLUBLOK QUADRIVALENT 2023-2024	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
COMIRNATY SUSP	0		FLUCELVAX QUADRIVALENT 2021-2022 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
ENGERIX-B SUSP 20 MCG/ML	0	3 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; 3 mail MAX fill	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2021-2022 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
ENGERIX-B SUSY	0	3 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; 3 mail MAX fill	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLUAD QUADRIVALENT 2021-2022	0	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLUAD QUADRIVALENT 2022-2023	0	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLUAD QUADRIVALENT 2023-2024	0	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLUARIX QUADRIVALENT 2021-2022 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply			
FLUARIX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
FLULAVAL QUADRIVALENT 2021-2022 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUZONE QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; QL(0.5 ml per fill retail)
FLULAVAL QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUZONE QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLULAVAL QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUZONE QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLUMIST QUADRIVALENT	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUZONE QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; QL(0.5 ml per fill retail)
FLUZONE HIGH-DOSE PF 2021-2022	0	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	FLUZONE QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply
FLUZONE HIGH-DOSE PF 2022-2023	0	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	GARDASIL 9 SUSP	0	3 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply
FLUZONE HIGH-DOSE PF 2023-2024	0	1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	GARDASIL 9 SUSY	0	3 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply
FLUZONE QUADRIVALENT 2021-2022 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	HAVRIX	0	
FLUZONE QUADRIVALENT 2021-2022 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply; QL(0.5 ml per fill retail)	HEPLISAV-B SOSY	0	2 rtl MAX fill; 292 rtl day(s) supply; 2 mail MAX fill
FLUZONE QUADRIVALENT 2021-2022 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 rtl MAX fill; 180 rtl day(s) supply	IPOL INACTIVATED IPV	0	
			M-M-R II SOLR	0	2 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply
			MODERNA COVID-19 VACCINE/6MO-11Y/2023-24 SUSP	0	
			MODERNA COVID-19 VACCINE6-11Y SUSP	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
MODERNA COVID-19 VACCINE6MO-5Y SUSP	0	
MODERNA COVID-19 VACCINE SUSP	0	
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/5-11Y/2023-24 SUSP	0	
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/5-11Y SUSP	0	
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/6MO-4Y/2023-24 SUSP	0	
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/6MO-4Y SUSP	0	
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/ADULT RTU SUSP	0	
PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE SUSP	0	
PREHEVBRIO	0	3 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply
PRIORIX SUSR	0	3 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply
RECOMBIVAX HB SUSP	0	
RECOMBIVAX HB SUSY	0	
ROTARIX SUSP	0	
ROTARIX SUSR	0	
ROTATEQ SOLN	0	
SHINGRIX	0	2 rtl MAX fill; 999 rtl day(s) supply; AL(At least 18 yrs old)
SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2023-24 SUSP	0	
SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2023-24 SUSY	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
SPIKEVAX COVID-19 VACCINE SUSP	0	
TWINRIX SUSY	0	
VAQTA	0	
VARIVAX INJ	0	2 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply
VAGINAL AND RELATED PRODUCTS		
Miscellaneous Vaginal Products		
INTRAROSA	3	QL(1 ea daily); PA
Spermicides		
TODAY SPONGE MISC	0	
Vaginal Anti-infectives		
<i>clindamycin phosphate vaginal CREA</i>	1	
<i>clotrimazole vaginal CREA 1 %</i>	1	
GYNAZOLE-1	3	QL(5 gm per 30 days retail; 5 gm per 30 days mail)
<i>metronidazole vaginal</i>	1	
<i>miconazole nitrate vaginal SUPP 200 MG</i>	1	
<i>terconazole vaginal CREA</i>	1	
<i>terconazole vaginal SUPP</i>	1	
Vaginal Anti-inflammatory Agents		
<i>hydrocortisone vaginal</i>	1	QL(15.15 gm daily)
Vaginal Contraceptive - pH Modulators		
PHEXXI	0	PV
Vaginal Estrogens		
<i>estradiol vaginal CREA</i>	1	QL(2 gm daily)
<i>estradiol vaginal TABS</i>	1	
FEMRING	3	PA
PREMARIN	2	QL(1.5 gm daily)
VASOPRESSORS - Drugs to Treat Heart and		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
Circulation Conditions		
Anaphylaxis Therapy Agents		
<i>epinephrine (anaphylaxis)</i> SOAJ 0.3 MG/0.3ML	2	2 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; QL(2 ea per fill retail)
<i>epinephrine (anaphylaxis)</i> SOAJ 0.15 MG/0.3ML	1	2 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; 2 mail MAX fill; QL(2 ea per fill retail; 2 per fill mail)
<i>epinephrine (anaphylaxis)</i> SOAJ 0.3 MG/0.3ML	2	2 rtl MAX fill; 365 rtl day(s) supply; 2 mail MAX fill; QL(2 ea per fill retail; 2 per fill mail)
Vasopressors		
<i>midodrine hcl</i>	1	
VITAMINS		
Oil Soluble Vitamins		
<i>cholecalciferol CAPS 1.25 MG, 1.25 MG, 10 MCG, 50 MCG, 400 UNIT, 2000 UNIT, 50000 UNIT</i>	1	
<i>cholecalciferol TABS 10 MCG, 400 UNIT</i>	0	
<i>ergocalciferol CAPS</i>	0	
<i>ergocalciferol SOLN OR</i>	1	
VITAMIN D2 TABS 400 UNIT	0	AL(At least 65 yrs old)
Water Soluble Vitamins		
<i>ascorbic acid SOLN IJ</i>	3	QL(0.4 ml daily)
NIACIN TR TBCR	1	
<i>niacinamide TABS</i>	1	
<i>niacin CPCR 250 MG, 500 MG</i>	1	
<i>niacin TABS</i>	1	
<i>niacin TBCR</i>	1	

INDEX

abacavir sulfate SOLN	29	acyclovir CAPS	31	albendazole	7
abacavir sulfate TABS	29	acyclovir SUSP	31	albuterol sulfate AERS	9
abacavir sulfate-lamivudine	29	acyclovir TABS OR	31	albuterol sulfate NEBU 0.083 %, 0.63 MG/3ML, 1.25 MG/3ML	9
ABELCET	17	acyclovir topical CREA	39	albuterol sulfate NEBU 0.5 %, 2.5 MG/0.5ML	9
abiraterone acetate 250 MG	24	acyclovir topical OINT	39	albuterol sulfate SYRP	9
abiraterone acetate 500 MG	24	ADACEL SUSP	61	albuterol sulfate TABS	9
ABRYSSVO	63	ADALIMUMAB-ADAZ SOAJ	3	alclometasone dipropionate CREA	39
acamprosate calcium	59	ADALIMUMAB-ADAZ SOSY	3	alclometasone dipropionate OINT	39
acarbose	14	adapalene CREA	36	ALDURAZYME	44
acebutolol hcl CAPS	31	adapalene GEL 0.1 %	36	ALECENSA	25
acetaminophen w/ codeine SOLN ..	6	adapalene GEL 0.3 %	36	alendronate sodium TABS 35 MG, 70 MG	43
acetaminophen w/ codeine TABS 15 MG-300 MG	6	adapalene-benzoyl peroxide GEL 2.5 %-0.1 %	36	alendronate sodium TABS 5 MG, 10 MG	43
acetaminophen w/ codeine TABS 30 MG-300 MG	6	ADCETRIS	24	alfuzosin hcl	46
acetaminophen w/ codeine TABS 60 MG-300 MG	6	adefovir dipivoxil	30	ALINIA SUSR	21
acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG	6	ADEMPAS	33	aliskiren fumarate	21
acetazolamide CP12	42	ADTHYZA TABS 16.25 MG, 32.5 MG, 65 MG, 97.5 MG, 130 MG	61	allopurinol	47
acetazolamide sodium	42	AFLURIA QUADRIVALENT 2021- 2022 SUSP	63	almotriptan malate 12.5 MG	52
acetazolamide TABS 125 MG	42	AFLURIA QUADRIVALENT 2021- 2022 SUSY	63	almotriptan malate 6.25 MG	52
acetazolamide TABS 250 MG	42	AFLURIA QUADRIVALENT 2022- 2023 SUSP	63	ALOCRIL	57
acetic acid (otic)	58	AFLURIA QUADRIVALENT 2022- 2023 SUSY	63	alogliptin benzoate	15
acetic acid 0.25 %	46	AFLURIA QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSP	64	alogliptin-metformin hcl	14
acetylcysteine SOLN	36	AFLURIA QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSY	64	alogliptin-pioglitazone 15 MG-12.5 MG, 30 MG-12.5 MG, 45 MG-12.5 MG	14
acitretin 10 MG, 17.5 MG	38	AIMOVIG	51	alogliptin-pioglitazone 15 MG-25 MG, 30 MG-25 MG, 45 MG-25 MG	14
acitretin 25 MG	38	AIMSCO LUBRICATED MISC	49	ALOMIDE	57
ACTHAR	43	AKYNZEO	17	alose tron hcl	46
ACTHIB SOLR IM	63				
ACTIMMUNE	27				

alprazolam TABS	8	amlodipine besylate-olmesartan medoxomil	20	MG-3.75 MG-3.75 MG, 5 MG-5 MG-5 MG-5 MG	1
alprazolam TB24	8	amlodipine besylate-valsartan	20	amphetamine-dextroamphetamine TABS 7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG-7.5	
alprazolam TBDP	8	amlodipine-valsartan- hydrochlorothiazide	20	MG	1
ALREX SUSP (loteprednol etabonate)	57	amoxapine	14	amphotericin b IV	17
ALTABAX	37	amoxicillin & pot clavulanate CHEW . 59		amphotericin b liposome	17
ALUNBRIG TABS	25	amoxicillin & pot clavulanate SUSR 59		ampicillin & sulbactam sodium IV 10 GM-5 GM	59
ALUNBRIG TBPk	25	amoxicillin & pot clavulanate TABS 59		ampicillin CAPS 500 MG	58
ALVESCO	9	amoxicillin & pot clavulanate TB12	59	ampicillin sodium IV 10 GM	58
alvimopan	46	amoxicillin CAPS	58	anagrelide hcl	47
amantadine hcl CAPS	27	amoxicillin CHEW 125 MG, 250 MG . 58		anastrozole	24
amantadine hcl SOLN	28	amoxicillin SUSR	58	ANDRODERM PT24 2 MG/24HR, 4 MG/24HR	7
amantadine hcl TABS	28	amoxicillin TABS	58	ANNOVERA	35
ambrisentan	33	amoxicillin-clarithromycin w/ lansoprazole THPK	63	ANORO ELLIPTA	9
amcinonide CREA	39	amphetamine-dextroamphetamine CP24 1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG- 1.25 MG, 2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG	1	ANZEMET TABS 50 MG	17
amcinonide LOTN	39	amphetamine-dextroamphetamine CP24 3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG- 3.75 MG	1	APIDRA SOLN	15
amcinonide OINT	39	amphetamine-dextroamphetamine CP24 5 MG-5 MG-5 MG-5 MG, 6.25 MG-6.25 MG-6.25 MG-6.25 MG, 7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG	1	APIDRA SOLOSTAR SOPN	15
amikacin sulfate SOLN 1 GM/4ML, 500 MG/2ML	2			apomorphine hydrochloride SOCT	28
amiloride & hydrochlorothiazide ..	42			apraclonidine hcl	56
amiloride hcl TABS	43			aprepitant CAPS 40 MG, 125 MG .	17
aminocaproic acid TABS	48			aprepitant CAPS 80 MG	17
aminophylline SOLN	10			aprepitant CAPS	17
amiodarone hcl SOLN 50 MG/ML ..	8			aprepitant MISC	17
amiodarone hcl TABS	8			APTIOM	11
amitriptyline hcl TABS	14			APTIVUS CAPS	29
amlodipine besylate TABS	32			ARANESP ALBUMIN FREE SOLN 25 MCG/ML	47
amlodipine besylate-atorvastatin calcium	32			ARANESP ALBUMIN FREE SOLN 40 MCG/ML, 60 MCG/ML, 100 MCG/ML	47
amlodipine besylate-benazepril hcl 20					

ARANESP ALBUMIN FREE SOSY 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.4ML, 300 MCG/0.6ML, 500 MCG/ML ...	atorvastatin calcium TABS	19	estradiol-iron)	34
ARCALYST	atovaquone	21	balsalazide disodium CAPS	45
AREXVY	atovaquone-proguanil hcl	22	BALVERSA	25
arformoterol tartrate	atropine sulfate SOLN IJ 0.4 MG/ML, 1 MG/ML	62	BANZEL TABS 200 MG (rufinamide) 11	
ARIKAYCE	atropine sulfate SOSY IJ 0.25 MG/5ML	62	BANZEL TABS 400 MG (rufinamide) 11	
aripiprazole SOLN OR	ATROVENT HFA	8	BARACLUDGE SOLN	30
aripiprazole TABS	AUSTEDO TABS	60	BASAGLAR KWIKPEN SOPN	15
armodafinil	AVONEX PEN AJKT	60	BAXDELA SOLR	45
ARMOUR THYROID TABS	AVONEX PSKT	60	BAXDELA TABS	45
ARNUITY ELLIPTA	AYVAKIT	25	BELSOMRA	48
arsenic trioxide 10 MG/10ML	azacitidine SUSR	23	benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG, 25 MG-20 MG ...	20
ARZERRA	AZASITE	57	benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG, 6.25 MG-5 MG ..	20
ascorbic acid SOLN IJ	AZATHIOPRINE	54	benazepril hcl	19
asenapine maleate 2.5 MG	azathioprine TABS	54	bendamustine hcl SOLR	23
asenapine maleate 5 MG, 10 MG ..	azelaic acid GEL	41	BENZEPRO CREAMY WASH LIQD .	36
aspirin CHEW	azelastine hcl (ophth)	57	benzonatate 100 MG	36
aspirin TABS 325 MG	azelastine hcl	56	benzonatate 150 MG	36
aspirin TBEC 325 MG	AZELEX	36	benzonatate 200 MG	36
aspirin TBEC 81 MG	azithromycin PACK	49	benzoyl peroxide FOAM 5.3 %, 9.8 %	36
aspirin-dipyridamole	azithromycin SOLR	49	benzoyl peroxide GEL 10 %	36
atazanavir sulfate CAPS 150 MG, 300 MG	azithromycin SUSR	49	benzoyl peroxide GEL 5 %	36
atazanavir sulfate CAPS 200 MG ..	azithromycin TABS 250 MG	49	benzoyl peroxide LIQD 4 %, 7 %, 10 %	36
atenolol & chlorthalidone	azithromycin TABS 500 MG	49	benzoyl peroxide-erythromycin GEL .	36
atenolol TABS	azithromycin TABS 600 MG	49	benztropine mesylate SOLN	27
ATGAM	aztreonam 1 GM	21	benztropine mesylate TABS	27
atomoxetine hcl 10 MG, 18 MG, 25 MG, 40 MG	bacitracin (ophthalmic)	57		
atomoxetine hcl 60 MG, 80 MG, 100 MG	bacitracin	21		
	baclofen TABS 10 MG, 20 MG	56		
	BALCOLTRA (levonorgestrel-ethinyl			

bepotastine besilate	57	bisoprolol & hydrochlorothiazide	20	budesonide CPEP	35
betaine	44	bisoprolol fumarate	31	budesonide-formoterol fumarate dihydrate	9
betamethasone dipropionate (topical) CREA	39	bleomycin sulfate 15 UNIT	25	bumetanide SOLN 0.25 MG/ML	43
betamethasone dipropionate (topical) LOTN	39	BOOSTRIX SUSP	62	bumetanide TABS	43
betamethasone dipropionate (topical) OINT	39	BOOSTRIX SUSY	62	buprenorphine hcl SOLN	6
betamethasone dipropionate augmented CREA	39	bortezomib SOLR IJ	25	buprenorphine hcl SUBL	6
betamethasone dipropionate augmented LOTN	39	BORTEZOMIB SOLR IV 3.5 MG	25	buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 0.5 MG-2 MG, 1 MG-4 MG, 2 MG-8 MG	6
betamethasone dipropionate augmented OINT	39	bosentan TABS 125 MG	33	buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 3 MG-12 MG	6
betamethasone valerate CREA	39	bosentan TABS 62.5 MG	33	buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate SUBL	6
betamethasone valerate FOAM	39	BOSULIF TABS 100 MG, 500 MG	25	buprenorphine PTWK	6
betamethasone valerate LOTN	39	BOSULIF TABS 400 MG	25	bupropion hcl (smoking deterrent)	60
betamethasone valerate OINT	39	BRAFTOVI 75 MG	25	bupropion hcl TABS	13
BETASERON KIT	60	BREO ELLIPTA (fluticasone furoate-vilanterol)	9	bupropion hcl TB12 100 MG	13
betaxolol hcl (ophth) SOLN	56	BREO ELLIPTA	9	bupropion hcl TB12 150 MG	13
betaxolol hcl	31	BREZTRI AEROSPHERE	9	bupropion hcl TB12 200 MG	13
bethanechol chloride 25 MG	63	BRILINTA	47	bupropion hcl TB24 150 MG	13
bethanechol chloride 5 MG, 10 MG, 50 MG	63	brimonidine tartrate (topical)	41	bupropion hcl TB24 300 MG	13
bexarotene (topical)	38	brimonidine tartrate 0.15 %, 0.2 %	57	buspirone hcl	7
bexarotene	27	brimonidine tartrate-timolol maleate	56	busulfan SOLN	23
BEXSERO	63	BRIVIACT SOLN OR 10 MG/ML	11	butalbital-acetaminophen TABS 50 MG-325 MG	4
bicalutamide	24	BRIVIACT TABS	11	butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-300 MG	4
BIKTARVY	29	bromfenac sodium (ophth) 0.09 %	57	butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-325 MG	4
bimatoprost SOLN	58	bromocriptine mesylate CAPS	28	butalbital-acetaminophen-caffeine TABS 40 MG-50 MG-325 MG	4
bisacodyl SUPP	49	bromocriptine mesylate TABS 2.5 MG	28	butalbital-acetaminophen-caffeine w/	
bisacodyl TBEC	49	BRUKINSA	25		
		budesonide (inhalation) SUSP	9		
		budesonide (intrarectal)	7		
		budesonide (nasal)	56		

codeine 30 MG-40 MG-50 MG-300 MG	6	candesartan cilexetil-hydrochlorothiazide	20	CAYA DPRH	49
butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-325 MG	6	CAPASTAT SULFATE	22	CAYSTON	21
butalbital-aspirin-caffeine CAPS	4	capecitabine	23	cefaclor CAPS	33
butalbital-aspirin-caffeine w/cod	6	CAPRELSA	25	cefaclor SUSR 125 MG/5ML, 250 MG/5ML, 375 MG/5ML	33
butenafine hcl	37	captopril 12.5 MG	19	cefadroxil CAPS	33
butorphanol tartrate IJ 1 MG/ML, 2 MG/ML	6	captopril 25 MG, 50 MG, 100 MG	19	cefadroxil SUSR	33
butorphanol tartrate NA 10 MG/ML	6	carbamazepine CHEW	11	cefadroxil TABS	33
cabergoline	44	carbamazepine CP12 100 MG	11	cefazolin sodium SOLR IJ 1 GM, 10 GM, 500 MG	33
CABLIVI	47	carbamazepine CP12 200 MG	11	cefdinir CAPS	34
CABOMETYX TABS	25	carbamazepine CP12 300 MG	11	cefdinir SUSR	34
calcipotriene CREA	38	carbamazepine CP12 300 MG	11	cefepime hcl SOLR IV 2 GM	34
calcipotriene OINT	38	carbamazepine SUSP	11	cefixime CAPS	34
calcipotriene SOLN	38	carbamazepine TABS	11	cefixime SUSR	34
calcipotriene-betamethasone dipropionate OINT	39	carbamazepine TB12 100 MG, 400 MG	11	cefotaxime sodium IJ 1 GM, 2 GM	34
calcipotriene-betamethasone dipropionate SUSP	39	carbamazepine TB12 200 MG	11	cefotetan disodium IJ 1 GM, 2 GM	33
calcitonin (salmon) NA	43	carbidopa	27	cefoxitin sodium IV 1 GM, 2 GM	34
calcitriol (topical)	38	carbidopa-levodopa TABS	28	cefpodoxime proxetil SUSR	34
calcitriol CAPS	44	carbidopa-levodopa TBCR	28	cefpodoxime proxetil TABS	34
calcitriol SOLN IV	44	carbidopa-levodopa TBDP	28	cefprozil SUSR	34
calcium acetate (phosphate binder) CAPS	46	carbidopa-levodopa-entacapone	28	cefprozil TABS	34
calcium acetate (phosphate binder) TABS	46	carbinoxamine maleate SOLN	18	ceftazidime IJ 1 GM, 6 GM	34
calcium chloride (dihydrate) SOLN	52	carbinoxamine maleate TABS 4 MG	18	ceftriaxone sodium IJ 1 GM, 2 GM, 250 MG, 500 MG	34
calcium polycarbophil TABS	49	carboplatin SOLN 50 MG/5ML	23	cefuroxime axetil TABS	34
CALQUENCE	25	carisoprodol TABS	56	cefuroxime sodium IJ 750 MG	34
candesartan cilexetil	19	carmustine	23	celecoxib	3
		carteolol hcl (ophth)	56	CELONTIN (methsuximide)	12
		carvedilol	31	cephalexin CAPS	33
		carvedilol phosphate	31	cephalexin SUSR	33
		casprofungin acetate	17		

CERDELGA	47	CHORIONIC GONADOTROPIN IM 43	clarithromycin TABS	49
CEREZYME 400 UNIT	47	ciclopirox GEL	clarithromycin TB24	49
cetirizine hcl TABS	18	ciclopirox olamine CREA	CLASSIC PRENATAL TABS	55
cevimeline hcl	54	ciclopirox olamine SUSP	clemastine fumarate SYRP	18
CHEMET	16	ciclopirox SHAM	clemastine fumarate TABS 2.68 MG . 18	
CHEMSTRIP-K STRP	41	ciclopirox SOLN	CLIMARA PRO	45
chloramphenicol sodium succinate 21		cidofovir	clindamycin hcl	21
chlordiazepoxide hcl CAPS	8	cilostazol	clindamycin palmitate hydrochloride . 21	
chlordiazepoxide hcl-clidinium bromide	62	CIMDUO	clindamycin phosphate (topical) FOAM	36
chlordiazepoxide-amitriptyline	59	cimetidine TABS	clindamycin phosphate (topical) GEL 36	
chlorhexidine gluconate (mouth- throat)	54	cinacalcet hcl	clindamycin phosphate (topical) LOTN	36
chloroquine phosphate TABS 250 MG	22	CIPRO SUSR	clindamycin phosphate (topical) SOLN	36
chloroquine phosphate TABS 500 MG	22	ciprofloxacin hcl (ophth) SOLN	clindamycin phosphate (topical) SWAB	36
chlorpromazine hcl SOLN	29	ciprofloxacin hcl (otic)	clindamycin phosphate SOLN IJ 9 GM/60ML, 300 MG/2ML, 600 MG/4ML, 900 MG/6ML, 9000 MG/60ML	21
chlorpromazine hcl TABS	29	ciprofloxacin hcl TABS	clindamycin phosphate vaginal CREA	66
chlorthalidone 25 MG, 50 MG	43	ciprofloxacin in d5w 5 %-200 MG/100ML	clindamycin phosphate-benzoyl peroxide (refrigerate)	36
chlorzoxazone TABS 500 MG	56	ciprofloxacin SUSR 5 GM/100ML, 500 MG/5ML	clindamycin phosphate-benzoyl peroxide GEL 5 %-1 %	36
CHOLBAM	45	ciprofloxacin-dexamethasone	clindamycin phosphate-tretinoin ..	36
cholecalciferol CAPS 1.25 MG, 1.25 MG, 10 MCG, 50 MCG, 400 UNIT, 2000 UNIT, 50000 UNIT	67	ciprofloxacin-fluocinolone acetone . 58	CLINIMIX 4.25%/DEXTROSE 10% 56	
cholecalciferol TABS 10 MCG, 400 UNIT	67	cisplatin SOLN 100 MG/100ML ...	CLINIMIX 4.25%/DEXTROSE 5% 56	
cholestyramine light PACK	18	citalopram hydrobromide SOLN ...	CLINIMIX E 5%/DEXTROSE 20%	
cholestyramine light POWD	18	citalopram hydrobromide TABS 10 MG		
cholestyramine PACK	18	citalopram hydrobromide TABS 20 MG		
cholestyramine POWD	18	citalopram hydrobromide TABS 40 MG		
choline fenofibrate	19	clarithromycin SUSR		

56	clozapine TBDP 100 MG	28	CRESEMBA CAPS 186 MG	18
clobazam SUSP	clozapine TBDP 12.5 MG, 150 MG	28	cromolyn sodium (ophth)	57
clobazam TABS	clozapine TBDP 25 MG	29	cromolyn sodium NEBU	8
clobetasol propionate CREA 0.05 %	COARTEM	22	crotamiton LOTN	41
39	codeine sulfate TABS 30 MG	4	CVS PRENATAL TABS 100 MG-2.6	
clobetasol propionate emollient base	CODEINE SULFATE TABS	4	MG-800 MCG-400 UNIT-4 MCG-1.7	
0.05 %	colchicine TABS	47	MG-18 MG-27 MG-1.5 MG-25 MG-	
clobetasol propionate FOAM	colchicine w/ probenecid	47	263 MG-11 UNIT-4000 UNIT	55
clobetasol propionate GEL 0.05 %	colesevelam hcl PACK	19	cyanocobalamin SOLN IJ 1000	
39	colesevelam hcl TABS	19	MCG/ML	47
clobetasol propionate OINT 0.05 %	colestipol hcl GRAN	19	cyclobenzaprine hcl TABS 5 MG, 10	
39	colestipol hcl PACK	19	MG	56
clofarabine	colestipol hcl TABS	19	cyclophosphamide CAPS	23
clomipramine hcl	COMETRIQ KIT	25	cyclophosphamide SOLR IJ	23
clonazepam TABS	COMIRNATY 2023-24 SUSP	64	cycloserine	22
clonidine	COMIRNATY 2023-24 SUSY	64	cyclosporine (ophth) EMUL	57
clonidine hcl (adhd) TB12	COMIRNATY SUSP	64	cyclosporine CAPS	54
clonidine hcl TABS	COMPLERA	29	cyclosporine modified (for	
clopidogrel bisulfate 300 MG	CONTRAIVE	1	microemulsion) CAPS	54
clopidogrel bisulfate 75 MG	COPIKTRA	25	cyclosporine modified (for	
clorazepate dipotassium TABS	CORDRAN TAPE	40	microemulsion) SOLN	54
clotrimazole (topical) CREA	CORLANOR SOLN	33	cyclosporine SOLN IV 50 MG/ML	54
clotrimazole (topical) SOLN	CORLANOR TABS	33	CYLTEZO AJKT	3
clotrimazole	CORTISPORIN-TC	58	CYLTEZO PSKT 10 MG/0.2ML	3
clotrimazole vaginal CREA 1 %	COSENTYX SENSOREADY PEN		CYLTEZO PSKT 20 MG/0.4ML, 40	
clotrimazole w/ betamethasone	SOAJ	38	MG/0.8ML	3
CREA	COSENTYX SOSY 150 MG/ML	38	CYLTEZO STARTER PACKAGE	
clotrimazole w/ betamethasone	COSENTYX SOSY 75 MG/0.5ML	38	FOR CROHNS DISEASE/UC/HS	
LOTN	COSENTYX UNOREADY SOAJ	38	AJKT	3
clozapine TABS	CREON CPEP	42	CYLTEZO STARTER PACKAGE	
			FOR PSORIASIS AJKT	3
			cyproheptadine hcl SYRP	18
			cyproheptadine hcl TABS	18
			CYSTAGON CAPS	46

CYSTARAN	57	desipramine hcl TABS	14	SOLN IJ 4 MG/ML, 20 MG/5ML, 120 MG/30ML	35
cytarabine SOLN	23	desloratadine TABS	18	dexamethasone sodium phosphate SOSY IJ 4 MG/ML	35
dabigatran etexilate mesylate CAPS . 11		desloratadine TBDP 2.5 MG	18	dexamethasone SOLN	35
dacarbazine SOLR 200 MG	27	desmopressin acetate SOLN IJ ...	44	dexamethasone TABS	35
dactinomycin	25	DESMOPRESSIN ACETATE SOLN NA	44	dexchlorpheniramine maleate SOLN . 18	
dalfampridine	60	desmopressin acetate spray	44	dexlansoprazole	62
danazol CAPS	7	desmopressin acetate spray refrigerated	44	dexmethylphenidate hcl CP24	1
dantrolene sodium CAPS	56	desmopressin acetate TABS 0.1 MG 44		dexmethylphenidate hcl TABS	1
dapsone	21	desmopressin acetate TABS 0.2 MG 44		dextroamphetamine sulfate CP24 10 MG, 15 MG	1
DAPTACEL	62	desogestrel & ethinyl estradiol ...	34	dextroamphetamine sulfate CP24 5 MG	1
daptomycin 500 MG	21	desogestrel-ethinyl estradiol (biphasic)	34	dextroamphetamine sulfate TABS 5 MG, 10 MG	1
darifenacin hydrobromide	63	desogestrel-ethinyl estradiol (triphasic)	34	dextrose in lactated ringers	52
darunavir TABS 600 MG	29	desonide CREA	40	DIACOMIT CAPS	11
darunavir TABS 800 MG	29	desonide LOTN	40	DIACOMIT PACK 250 MG	11
DAURISMO	24	desonide OINT	40	DIACOMIT PACK 500 MG	11
DEBACTEROL	54	desoximetasone CREA 0.25 % ...	40	diazepam (anticonvulsant) GEL ...	11
decitabine	23	desoximetasone GEL	40	diazepam CONC	8
deferasirox PACK	16	desoximetasone OINT 0.25 %	40	diazepam SOLN OR 5 MG/5ML	8
deferasirox TABS	16	desvenlafaxine succinate 100 MG .	14	diazepam TABS	8
deferasirox TBSO	16	desvenlafaxine succinate 25 MG, 50 MG	14	diazoxide	15
deferiprone TABS 500 MG	16	dexamethasone ELIX	35	dichlorphenamide	42
deflazacort TABS	35	DEXAMETHASONE INTENSOL CONC	35	diclofenac epolamine PTCH EX ...	38
DELESTROGEN 10 MG/ML (estradiol valerate)	45	dexamethasone sodium phosphate (ophth)	57	diclofenac potassium TABS 50 MG .	3
DELSTRIGO	29	dexamethasone sodium phosphate (ophth)	57	diclofenac sodium (actinic keratoses) EX	38
demeclocycline hcl TABS	61	dexamethasone sodium phosphate		diclofenac sodium (ophth)	57
DEPO-ESTRADIOL	45				
DEPO-MEDROL SUSP	35				
DEPO-SUBQ PROVERA 104 SUSY SC	35				

diclofenac sodium (topical) GEL EX 38	diltiazem hcl CP12 32	docusate sodium CAPS 100 MG .. 49
diclofenac sodium TB24 3	diltiazem hcl CP24 32	docusate sodium CAPS 250 MG .. 49
diclofenac sodium TBEC 3	diltiazem hcl extended release beads 120 MG, 180 MG, 240 MG, 300 MG, 360 MG 32	dofetilide 8
diclofenac w/ misoprostol TBEC 3	diltiazem hcl SOLN 50 MG/10ML .. 32	donepezil hydrochloride TABS 10 MG 59
dicloxacillin sodium 59	DILTIAZEM HCL SOLR 32	donepezil hydrochloride TABS 5 MG . 59
dicyclomine hcl CAPS 62	diltiazem hcl TABS 32	donepezil hydrochloride TBDP 10 MG 59
dicyclomine hcl SOLN OR 62	diltiazem hcl TB24 32	donepezil hydrochloride TBDP 5 MG 59
dicyclomine hcl TABS 62	dimethyl fumarate CDPK 60	DOPTELET 47
DIFFERIN LOTN 36	dimethyl fumarate CPDR 60	dorzolamide hcl 57
DIFICID TABS 49	DIPENTUM 45	dorzolamide hcl-timolol maleate .. 56
diflorasone diacetate CREA 40	diphenhydramine hcl CAPS 50 MG 18	DOVATO 29
diflorasone diacetate OINT 40	diphenhydramine hcl ELIX 12.5 MG/5ML 18	doxazosin mesylate 20
diflunisal TABS 4	diphenhydramine hcl LIQD 12.5 MG/5ML 18	doxepin hcl (antipruritic) 38
difluprednate 57	diphenhydramine hcl SOLN 50 MG/ML 18	doxepin hcl (sleep) 48
digoxin SOLN OR 0.05 MG/ML 32	diphenoxylate w/ atropine LIQD ... 16	doxepin hcl CAPS 14
digoxin TABS 0.0625 MG, 0.125 MG, 0.25 MG, 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG 32	diphenoxylate w/ atropine TABS ... 16	doxepin hcl CONC 14
dihydroergotamine mesylate SOLN IJ 1 MG/ML 52	DIPHThERIA/TETANUS TOXOIDS ADSORBED PEDIATRIC SUSP .. 62	doxercalciferol CAPS 44
dihydroergotamine mesylate SOLN NA 4 MG/ML 52	dipyridamole 47	doxercalciferol SOLN 44
DILANTIN (phenytoin sodium extended) 12	disopyramide phosphate CAPS 8	doxorubicin hcl liposomal 25
DILANTIN 12	disulfiram 59	doxorubicin hcl SOLN 25
DILANTIN INFATABS CHEW (phenytoin) 12	divalproex sodium TB24 13	doxorubicin hcl SOLR 10 MG, 50 MG 25
DILANTIN-125 SUSP (phenytoin) . 12	divalproex sodium TBEC 13	doxycycline (monohydrate) CAPS 50 MG, 100 MG 61
diltiazem hcl coated beads CP24 120 MG, 300 MG, 360 MG 32	docetaxel CONC 20 MG/ML 27	doxycycline (monohydrate) CAPS 75 MG 61
diltiazem hcl coated beads CP24 180 MG, 240 MG 32	docetaxel SOLN 20 MG/2ML 27	doxycycline (monohydrate) TABS 100 MG 61
	docusate calcium 49	doxycycline (monohydrate) TABS 50

MG	61	electrolyte-148	52	ENBREL MINI SOCT	4
doxycycline hyclate CAPS	61	electrolyte-a	52	ENBREL SOLN	4
doxycycline hyclate SOLR	61	ELESTRIN GEL	45	ENBREL SOLR	4
doxycycline hyclate TABS 20 MG, 100 MG	61	eletriptan hydrobromide	52	ENBREL SOSY 25 MG/0.5ML	4
doxylamine-pyridoxine TBEC	17	ELIGARD KIT SC 7.5 MG	24	ENBREL SOSY 50 MG/ML	4
dronabinol CAPS	17	ELIGARD SC 22.5 MG, 30 MG, 45 MG	24	ENBREL SURECLICK SOAJ	4
drosiprenone-ethinyl estradiol	34	ELIQUIS STARTER PACK TBPK .	10	ENGERIX-B SUSP 20 MCG/ML ...	64
drosiprenone-ethinyl estradiol- levomefolate calcium	34	ELIQUIS TABS	10	ENGERIX-B SUSY	64
DROXIA CAPS	47	ELLA	35	enoxaparin sodium SOLN IJ 300 MG/3ML	10
DUAVEE	45	ELMIRON CAPS	46	enoxaparin sodium SOSY 100 MG/ML, 150 MG/ML	10
DULERA	9	EMCYT	24	enoxaparin sodium SOSY 30 MG/0.3ML	10
duloxetine hcl CPEP 20 MG, 30 MG, 60 MG	14	EMFLAZA SUSP	35	enoxaparin sodium SOSY 40 MG/0.4ML	10
duloxetine hcl CPEP 40 MG	14	EMFLAZA TABS (deflazacort)	35	enoxaparin sodium SOSY 60 MG/0.6ML	10
DUREX EXTRA SENSITIVE THIN DEVI	49	EMGALITY SOAJ	51	enoxaparin sodium SOSY 80 MG/0.8ML, 120 MG/0.8ML	10
dutasteride	46	EMGALITY SOSY 100 MG/ML	51	ENSPRYNG	54
econazole nitrate CREA	37	EMGALITY SOSY 120 MG/ML	51	entacapone	27
EDARBI	19	EMSAM	13	entecavir TABS	30
EDURANT	29	emtricitabine CAPS	29	EPIDIOLEX	11
efavirenz CAPS 200 MG	29	emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 100 MG-150 MG, 133 MG- 200 MG, 167 MG-250 MG	29	epinastine hcl (ophth)	58
efavirenz CAPS 50 MG	29	emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate 200 MG-300 MG	30	epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.15 MG/0.3ML	67
efavirenz TABS	29	EMTRIVA SOLN	30	epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.3 MG/0.3ML	67
efavirenz-emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate	29	EMVERM CHEW	7	EPIVIR HBV SOLN	31
efavirenz-lamivudine-tenofovir disoproxil fumarate	29	enalapril maleate & hydrochlorothiazide 12.5 MG-5 MG 20		eplerenone	21
EGRIFTA 2 MG	44	enalapril maleate & hydrochlorothiazide 25 MG-10 MG 20		EPOGEN 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000	
EGRIFTA SV	44	enalapril maleate TABS	19		
ELAPRASE	44				

UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	47	13	EUCRISA	41			
epoprostenol sodium	33	escitalopram oxalate TABS 5 MG .	13	EVAMIST SOLN	45		
EQL PRENATAL FORMULA TABS	55	esomeprazole magnesium CPDR 20	MG	62	everolimus (immunosuppressant)	0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG	54
EQUETRO	28	esomeprazole magnesium CPDR 40	MG	62	everolimus TABS	26	
ERAXIS	17	esomeprazole magnesium TBEC .	62	EVOTAZ	30		
ERBITUX	24	estazolam	48	exemestane	24		
ergocalciferol CAPS	67	estradiol GEL	45	ezetimibe	19		
ergocalciferol SOLN OR	67	estradiol PTTW	45	ezetimibe-simvastatin	18		
ergoloid mesylates TABS	60	estradiol PTWK	45	famciclovir 125 MG, 250 MG	31		
ERGOMAR SUBL	52	estradiol PTWK	45	famciclovir 500 MG	31		
ergotamine w/ caffeine TABS	51	estradiol TABS	45	famotidine in nacl SOLN	62		
ERIVEDGE	24	estradiol vaginal CREA	66	famotidine SOLN 20 MG/2ML, 40	MG/4ML, 200 MG/20ML	62	
ERLEADA 240 MG	24	estradiol vaginal TABS	66	famotidine SUSR	62		
ERLEADA 60 MG	24	estradiol valerate	45	famotidine TABS 20 MG, 40 MG ..	62		
erlotinib hcl	24	ESTROGEL GEL	45	FANAPT	28		
ERTACZO	37	eszopiclone	48	FANAPT TITRATION PACK	28		
ertapenem sodium IJ	21	ethacrynic acid	43	FANTASY LUBRICATED MISC ...	49		
erythromycin (acne aid) PADS	36	ethambutol hcl TABS	22	FANTASY	LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	49	
erythromycin (acne aid) SOLN	36	ethosuximide CAPS	12	FARXIGA	16		
erythromycin (ophth)	57	ethosuximide SOLN	12	FASENRA PEN SOAJ	8		
erythromycin base CPEP	49	ethynodiol diacet & eth estrad	34	FASENRA SOSY	8		
erythromycin base TABS	49	etodolac CAPS	3	FC2 FEMALE CONDOM	50		
erythromycin base TBEC	49	etodolac TABS	3	febuxostat	47		
erythromycin ethylsuccinate SUSR	49	etonogestrel-ethinyl estradiol	35	felbamate SUSP	12		
erythromycin ethylsuccinate TABS	49	ETOPOPHOS	27	felbamate TABS 400 MG	12		
escitalopram oxalate SOLN	13	etoposide CAPS	27	felbamate TABS 600 MG	12		
escitalopram oxalate TABS 10 MG	13	etoposide SOLN 1 GM/50ML, 100	MG/5ML, 500 MG/25ML	27	felodipine	32	
escitalopram oxalate TABS 20 MG		etravirine 100 MG	30				
		etravirine 200 MG	30				

FEMCAP DEVI	50	64	FLULAVAL QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	65	
FEMRING	66	FLUARIX QUADRIVALENT 2021-2022 SUSY	64	FLUMIST QUADRIVALENT	65
fenofibrate micronized 67 MG, 134 MG, 200 MG	19	FLUARIX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	64	flunisolide (nasal) 0.025 %	56
fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG	19	FLUARIX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	64	fluocinolone acetonide (otic)	58
fenopropfen calcium TABS	3	FLUBLOK QUADRIVALENT 2021-2022	64	fluocinolone acetonide CREA 0.01 % 40	
FENSOLVI SC	44	FLUBLOK QUADRIVALENT 2022-2023	64	fluocinolone acetonide CREA 0.025 %	40
fentanyl citrate LPOP	5	FLUBLOK QUADRIVALENT 2023-2024	64	fluocinolone acetonide OIL	40
fentanyl PT72 12 MCG/HR, 25 MCG/HR, 50 MCG/HR, 75 MCG/HR, 100 MCG/HR	5	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2021-2022 SUSP	64	fluocinolone acetonide OINT	40
ferrous fumarate-folic acid	48	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP	64	fluocinolone acetonide SOLN	40
ferrous sulfate SOLN 15 MG/ML ..	48	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	64	fluocinonide CREA 0.05 %	40
ferrous sulfate TABS 65 MG, 325 MG	48	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2021-2022 SUSP	64	fluocinonide emulsified base	40
ferrous sulfate TBEC 325 MG	48	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP	64	fluocinonide GEL	40
fesoterodine fumarate	63	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP	64	fluocinonide OINT	40
FETZIMA CP24	14	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	64	fluorometholone (ophth) SUSP	57
FETZIMA TITRATION PACK C4PK 14		FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	64	fluorouracil (topical) CREA 5 %	38
finasteride	46	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	64	fluorouracil (topical) SOLN	38
fingolimod hcl	60	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	64	fluorouracil 500 MG/10ML	23
FIRDAPSE	22	fluconazole SUSR	18	fluoxetine hcl CAPS 10 MG	13
FIRMAGON	24	fluconazole TABS	18	fluoxetine hcl CAPS 20 MG	13
flavoxate hcl	63	flucytosine	17	fluoxetine hcl CAPS 40 MG	13
flecainide acetate	8	fludarabine phosphate SOLN	23	fluoxetine hcl CPDR	13
floxuridine	23	fludarabine phosphate SOLR	23	fluoxetine hcl SOLN	13
FLUAD QUADRIVALENT 2021-2022	64	fludrocortisone acetate TABS	36	fluoxetine hcl TABS 10 MG, 60 MG 13	
FLUAD QUADRIVALENT 2022-2023	64	FLULAVAL QUADRIVALENT 2021-2022 SUSY	65	fluoxetine hcl TABS 20 MG	13
FLUAD QUADRIVALENT 2023-2024 ..	65	FLULAVAL QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	65	fluphenazine hcl CONC	29

fluphenazine hcl SOLN	29	FLUZONE HIGH-DOSE PF 2023-2024	65	fosinopril sodium & hydrochlorothiazide	20
fluphenazine hcl TABS	29	FLUZONE QUADRIVALENT 2021-2022 SUSP	65	fosinopril sodium	19
flurandrenolide CREA	40	FLUZONE QUADRIVALENT 2021-2022 SUSY	65	fosphenytoin sodium	12
flurandrenolide LOTN	40	FLUZONE QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP	65	FRAGMIN SOSY	11
flurazepam hcl	48	FLUZONE QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	65	FREESTYLE LIBRE 14 DAY/READER/FLASH MONITORING SYSTEM	51
flurbiprofen sodium	58	FLUZONE QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP	65	FREESTYLE LIBRE 14 DAY/SENSOR/FLASH MONITORING SYSTEM	51
flurbiprofen TABS	3	FLUZONE QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	65	FREESTYLE LIBRE 2/READER/FLASH GLUCOSE MONITORING SYSTEM	51
flutamide	24	FML FORTE SUSP	57	FREESTYLE LIBRE 2/SENSOR/FLASH GLUCOSE MONITORING SYSTEM	51
fluticasone furoate-vilanterol	9	FML OINT	57	FREESTYLE LIBRE 3/READER/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	51
fluticasone propionate (inhalation) AEPB	9	folic acid TABS	47	FREESTYLE LIBRE 3/SENSOR/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	51
fluticasone propionate (nasal) SUSP . 56		fondaparinux sodium 10 MG/0.8ML 11		FREESTYLE LIBRE/READER/FLASH MONITORING SYSTEM	51
fluticasone propionate CREA 0.05 % 40		fondaparinux sodium 2.5 MG/0.5ML . 10		FREESTYLE LIBRE/READER/FLASH MONITORING SYSTEM	51
fluticasone propionate hfa	9	fondaparinux sodium 5 MG/0.4ML .10		FREESTYLE LIBRE/READER/FLASH MONITORING SYSTEM	51
fluticasone propionate LOTN	40	fondaparinux sodium 7.5 MG/0.6ML . 10		FORA GTEL BLOOD KETONE TEST STRIPS	41
fluticasone propionate OINT	40	FORA TEST N' GO ADVANCE/VOICE/6 CONNECT ..	41	frovatriptan succinate	52
fluticasone-salmeterol AEPB 100 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 250 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 500 MCG/ACT-50 MCG/ACT	9	formoterol fumarate NEBU	10	fulvestrant SOSY	24
fluticasone-salmeterol AERO	10	FORTEO SOPN (teriparatide (recombinant))	43	furosemide SOLN OR 10 MG/ML, 40 MG/5ML	43
fluvastatin sodium CAPS 20 MG ..	19	FOSAMAX PLUS D	43	furosemide TABS	43
fluvastatin sodium CAPS 40 MG ..	19	fosamprenavir calcium TABS	30	FUZEON SOLR	30
fluvoxamine maleate TABS 100 MG . 13		fosfomycin tromethamine	22	FYCOMPA TABS 2 MG	11
fluvoxamine maleate TABS 25 MG, 50 MG	13			FYCOMPA TABS 4 MG	11
FLUZONE HIGH-DOSE PF 2021-2022	65			FYCOMPA TABS 6 MG	11
FLUZONE HIGH-DOSE PF 2022-2023	65				

FYCOMPA TABS 8 MG, 10 MG, 12 MG	11	gemfibrozil TABS	19	glyburide-metformin 500 MG-2.5 MG, 500 MG-5 MG	15
gabapentin CAPS	11	gentamicin in saline 0.8 MG/ML-0.9 %, 1 MG/ML-0.9 %, 1.2 MG/ML-0.9 %, 1.6 MG/ML-0.9 %	2	glycine (gu irrigant) SOLN 1.5 % ..	46
gabapentin SOLN	11	gentamicin sulfate (ophth) OINT ..	57	glycopyrrolate SOLN IJ 0.2 MG/ML, 4 MG/20ML	62
gabapentin TABS 600 MG, 800 MG 11		gentamicin sulfate (ophth) SOLN ..	57	glycopyrrolate TABS 1 MG	62
GALAFOLD	44	gentamicin sulfate (topical) CREA ..	37	glycopyrrolate TABS 2 MG	62
galantamine hydrobromide CP24 ..	59	gentamicin sulfate (topical) OINT ..	37	GLYXAMBI	15
galantamine hydrobromide SOLN ..	59	gentamicin sulfate IJ 40 MG/ML, 80 MG/2ML	2	GNP PRENATAL TABS	55
galantamine hydrobromide TABS ..	59	GENVOYA	30	GOJJI BLOOD KETONE TEST STRIPS	42
GAMMAGARD LIQUID 1 GM/10ML 58		GILOTRIF	24	granisetron hcl SOLN IV 1 MG/ML	17
GAMMAGARD LIQUID 2.5 GM/25ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML	58	glatiramer acetate SOSY 20 MG/ML . 60		granisetron hcl TABS	17
GAMMAGARD LIQUID 30 GM/300ML	58	glatiramer acetate SOSY 40 MG/ML . 60		GRASTEK SUBL	2
GAMMAGARD S/D IGA LESS THAN 1MCG/ML SOLR	58	GLEOSTINE 10 MG	23	griseofulvin microsize SUSP	17
GAMMAKED 1 GM/10ML	58	GLEOSTINE 40 MG, 100 MG	23	griseofulvin microsize TABS	17
GAMMAKED 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML	58	glimepiride 1 MG, 2 MG	16	griseofulvin ultramicrosize	17
GAMUNEX-C 1 GM/10ML	58	glimepiride 4 MG	16	guanfacine hcl (adhd)	1
GAMUNEX-C 2.5 GM/25ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML, 40 GM/400ML	58	glipizide TABS 5 MG, 10 MG	16	guanfacine hcl	20
ganciclovir sodium SOLR	30	glipizide TB24	16	GYNAZOLE-1	66
ganirelix acetate	43	glipizide-metformin hcl 250 MG-2.5 MG, 500 MG-2.5 MG	14	HADLIMA PUSH TOUCH SOAJ	3
GARDASIL 9 SUSP	65	glipizide-metformin hcl 500 MG-5 MG	15	HADLIMA SOSY	3
GARDASIL 9 SUSY	65	GLUCAGEN DIAGNOSTIC	41	HAEGARDA SOLR SC	47
gatifloxacin (ophth)	57	glucagon (rdna)	15	HALAVEN	27
gefitinib	24	glyburide micronized 1.5 MG, 3 MG, 6 MG	16	halcinonide CREA	40
gemcitabine hcl SOLR 2 GM, 200 MG	23	glyburide TABS	16	halobetasol propionate CREA	40
		glyburide-metformin 250 MG-1.25 MG	15	halobetasol propionate OINT	40
				HALOG OINT	40
				haloperidol decanoate	28
				haloperidol lactate CONC	28
				haloperidol lactate SOLN	28

haloperidol TABS	28	chlorpheniramine polistirex SUER .36	MG/ML, 50 MG/5ML, 500 MG/50ML .
HAVRIX	65	hydrocodone-acetaminophen SOLN	5
HEMANGEOL SOLN OR	31	108 MG/5ML-2.5 MG/5ML, 217	hydromorphone hcl TABS
heparin sodium (porcine) SOLN IJ		MG/10ML-5 MG/10ML, 325	5
5000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML,		MG/15ML-7.5 MG/15ML	6
20000 UNIT/ML	11	hydrocodone-acetaminophen TABS	hydromorphone hcl TB24 32 MG ...
HEPARIN SODIUM/NAACL 0.45%		300 MG-10 MG, 300 MG-5 MG, 300	5
SOLN IV 0.45 %-12500 UNIT/250ML		MG-7.5 MG	6
11		hydrocodone-acetaminophen TABS	hydroxyclozoquine sulfate 200 MG
HEPLISAV-B SOSY	65	325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325	22
HIBERIX SOLR IJ	63	MG-7.5 MG	27
HUMATROPE CART IJ	44	hydrocodone-ibuprofen 10 MG-200	hydroxyurea
HUMIRA PEDIATRIC CROHNS		MG, 5 MG-200 MG	27
DISEASE STARTER PACK PSKT 80		MG	7
MG/0.8ML	3	hydrocodone-ibuprofen 7.5 MG-200	hydroxyurea hcl SOLN 50 MG/ML ..
HUMIRA PEN PNKT 80 MG/0.8ML .3		MG	7
HUMIRA PEN PNKT	3	hydrocortisone (intrarectal)	7
HUMIRA PEN-CD/UC/HS STARTER		hydrocortisone (rectal) EX	7
PNKT	3	hydrocortisone (topical) CREA 1 %,	HYQVIA
HUMIRA PEN-PEDIATRIC UC		2.5 %	58
STARTER PACK PNKT	3	hydrocortisone (topical) LOTN 2.5 % .	ibandronate sodium SOLN
HUMIRA PEN-PS/UV STARTER		40	43
PNKT	3	hydrocortisone (topical) OINT 1 %,	ibandronate sodium TABS
HUMIRA PSKT	3	2.5 %	43
HUMULIN R U-500		hydrocortisone acetate (rectal)	26
(CONCENTRATED) SOLN SC	16	40	IBRANCE CAPS
HUMULIN R U-500 KWIKPEN SOPN		hydrocortisone butyrate CREA	26
SC	16	40	IBRANCE TABS
HYCAMTIN CAPS	27	hydrocortisone butyrate OINT	26
hydralazine hcl SOLN	21	40	ibuprofen SUSP 100 MG/5ML
hydralazine hcl TABS	21	hydrocortisone butyrate SOLN	3
hydrochlorothiazide CAPS	43	40	ibuprofen TABS 400 MG, 600 MG,
hydrochlorothiazide TABS	43	hydrocortisone TABS	3
hydrocodone polistirex-		35	800 MG
Index 15		66	icatibant acetate SOLN
		40	47
		40	47
		58	ICLUSIG
		5	26
		5	18
		25	25
		25	25
		23	23
		23	23
		26	26

IMBRUVICA CAPS 140 MG	26	INSULIN DEGLUDEC FLEXTOUCH SOPN	16	isosorbide mononitrate TABS	7
IMBRUVICA CAPS 70 MG	26	INSULIN DEGLUDEC SOLN	16	isosorbide mononitrate TB24	7
IMBRUVICA SUSP	26	INTELENCE 25 MG	30	isotretinoin 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG	37
IMBRUVICA TABS	26	INTRAROSA	66	isradipine CAPS	32
imipenem-cilastatin IV	21	INTRON A SOLR 18000000 UNIT	27	itraconazole CAPS	18
imipramine hcl TABS	14	IONOSOL-MB/DEXTROSE 5%	53	itraconazole SOLN	18
imipramine pamoate	14	IOPIDINE	57	ivermectin (pediculicide)	41
imiquimod 5 %	41	IPOL INACTIVATED IPV	65	ivermectin	7
IMPAVIDO	21	ipratropium bromide (nasal) 0.03 % 56		IXEMPRA KIT 15 MG	27
INCRELEX	44	ipratropium bromide (nasal) 0.06 % 56		JAKAFI	26
INCRUSE ELLIPTA	8	ipratropium bromide SOLN 0.02 % .	8	JANUMET TABS	15
indapamide TABS 1.25 MG	43	ipratropium bromide SOLN 0.02 % .	8	JANUMET XR TB24 1000 MG-100 MG	15
indapamide TABS 2.5 MG	43	ipratropium-albuterol SOLN	10	JANUMET XR TB24 1000 MG-50 MG, 500 MG-50 MG	15
indomethacin CAPS 25 MG, 50 MG	3	irbesartan	19	JANUVIA	15
indomethacin CPR	4	irbesartan-hydrochlorothiazide	20	JARDIANCE	16
INFANRIX	62	IRESSA (gefitinib)	24	JEV TANA	27
INFLECTRA SOLR	45	irinotecan hcl 40 MG/2ML, 100 MG/5ML	27	JULUCA	30
INGREZZA CAPS	60	irrigation solutions, physiological	54	KALYDECO TABS	61
INGREZZA CPPK	60	ISENTRESS CHEW	30	KAMELEON LUBRICATED MISC	.50
INLYTA	23	ISENTRESS HD TABS	30	KANJINTI	24
INREBIC	26	ISENTRESS TABS	30	KCL 0.3%/D5W/NACL 0.9% (potassium chloride in dextrose & sodium chloride)	53
INSULIN ASPART FLEXPEN SOPN .	16	ISOLYTE-P/DEXTROSE 5%	53	KEPIVANCE 6.25 MG	27
INSULIN ASPART PENFILL SOCT	16	ISOLYTE-S	53	KESIMPTA	60
INSULIN ASPART PROTAMINE/INSULIN ASPART		isoniazid SOLN	22	ketoconazole (topical) CREA	37
FLEXPEN SUPN	16	isoniazid SYRP	22	ketoconazole (topical) SHAM 2 %	.37
INSULIN ASPART PROTAMINE/INSULIN ASPART		isoniazid TABS	22	ketoconazole	18
SUSP	16	isosorbide dinitrate TABS 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG	7		
INSULIN ASPART SOLN IJ	16	isosorbide dinitrate-hydralazine hcl			

KETONE STRP	42	KISQALI FEMARA 200 DOSE	25	lamivudine TABS 150 MG	30
KETONE TEST STRIPS STRP	42	KISQALI FEMARA 400 DOSE	25	lamivudine TABS 300 MG	30
ketoprofen CAPS 50 MG	4	KISQALI FEMARA 600 DOSE	25	lamivudine-zidovudine	30
ketorolac tromethamine (ophth) ..	58	KLARITY-A	57	lamotrigine CHEW 25 MG	12
ketorolac tromethamine TABS	4	KLOXXADO LIQD	17	lamotrigine CHEW 5 MG	12
KETOSTIX STRP	42	KOSELUGO	26	lamotrigine TABS	12
ketotifen fumarate (ophth) 0.035 %	58	KP PRENATAL MULTIVITAMINS		lamotrigine TBDP	12
		TABS	55	LANOXIN SOLN IJ (digoxin)	32
KEVZARA SOAJ	3	KRINTAFEL	22	LANOXIN TABS 62.5 MCG, 125	
KEVZARA SOSY	3	K-Y ME & YOU EXTRA		MCG, 250 MCG (digoxin)	32
KIMONO COLORS DEVI	50	LUBRICATED DEVI	50	lansoprazole CPDR 15 MG	62
KIMONO LUBRICATED MISC	50	K-Y ME & YOU INTENSE DEVI ...	50	lansoprazole CPDR 30 MG	62
KIMONO MAXX/LARGE FLARE		KYPROLIS	26	lanthanum carbonate CHEW	46
MISC	50	labetalol hcl SOLN	31	lapatinib ditosylate	26
KIMONO MICRO THIN PLUS		labetalol hcl TABS 100 MG, 200 MG .	31	LASTACAFT	58
SPERMICIDE LUBRICATED MISC				latanoprost SOLN	58
50		labetalol hcl TABS 300 MG	31	leflunomide	4
KIMONO PLUS SPERMICIDE		lacosamide SOLN IV 200 MG/20ML .	12	lenalidomide 2.5 MG, 5 MG, 10 MG,	
LUBRICATED MISC	50			15 MG, 25 MG	54
KIMONO PLUS		lacosamide TABS	12	lenalidomide 20 MG	54
SPERMICIDE/LUBRICATED MISC		lactated ringer's (irrigation)	54	LENVIMA 10 MG DAILY DOSE ..	23
50		lactated ringer's	53	LENVIMA 12MG DAILY DOSE ...	23
KIMONO PS LUBRICATED MISC .50		lactic acid (ammonium lactate) CREA		LENVIMA 14 MG DAILY DOSE ...	23
KIMONO PS PLUS		41	LENVIMA 18 MG DAILY DOSE ..	23
SPERMICIDE/LUBRICATED MISC		lactic acid (ammonium lactate) LOTN		LENVIMA 20 MG DAILY DOSE ...	24
50		12 %	41	LENVIMA 24 MG DAILY DOSE ..	24
KIMONO SENSATION		lactulose (encephalopathy)	46	LENVIMA 4 MG DAILY DOSE	24
LUBRICATED MISC	50	lactulose SOLN	49	LENVIMA 8 MG DAILY DOSE	24
KIMONO SENSATION PLUS		LAMICTAL TABS 150 MG, 200 MG		letrozole	24
SPERMICIDE LUBRICATED MISC		(lamotrigine)	12	leucovorin calcium SOLR	27
50		lamivudine (hbv) TABS	31	leucovorin calcium TABS	27
KIMONO SPECIAL DEVI	50	lamivudine SOLN	30		
KINRIX SUSY	62				
KISQALI	26				

LEUKERAN	23	levonorgestrel-ethinyl estradiol (91-day) 0.03 MG-0.15 MG	34	LO LOESTRIN FE TABS	34
LEUKINE SOLR IJ	47	levonorgestrel-ethinyl estradiol (continuous)	34	LOKELMA	54
leuprolide acetate KIT IJ 1 MG/0.2ML	24	levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron 34		loperamide hcl CAPS	16
levabuterol hcl	10	levorphanol tartrate TABS 2 MG	5	lopinavir-ritonavir SOLN	30
levabuterol hcl 1.25 MG/0.5ML	10	levothyroxine sodium TABS	61	lopinavir-ritonavir TABS	30
levabuterol tartrate	10	LEXIVA SUSP	30	loratadine CAPS	18
LEVEMIR FLEXPEN SOPN	16	lidocaine hcl (local anesth.) SOLN 0.5 %, 1 %, 2 %	49	loratadine CHEW	18
LEVEMIR FLEXTOUCH SOPN	16	lidocaine hcl (mouth-throat) 2 % ...	54	loratadine SOLN	18
LEVEMIR SOLN	16	lidocaine hcl (mouth-throat) 4 % ...	54	loratadine TABS	18
levetiracetam SOLN IV 500 MG/5ML 12		lidocaine hcl GEL 2 %	41	loratadine TBDP	18
levetiracetam TABS 1000 MG	12	lidocaine hcl PRSY	41	lorazepam CONC	8
levetiracetam TABS 250 MG, 750 MG	12	lidocaine hcl SOLN	41	lorazepam TABS 0.5 MG, 2 MG	8
levetiracetam TABS 500 MG	12	lidocaine PTCH 5 %	41	lorazepam TABS 1 MG	8
levetiracetam TB24	12	lidocaine-prilocaine CREA	41	LORBRENA	26
levobunolol hcl 0.5 %	56	lincomycin hcl	21	losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-100 MG, 25 MG-100 MG	20
levocetirizine dihydrochloride SOLN 18		linezolid SUSR	21	losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-50 MG .	20
levocetirizine dihydrochloride TABS 18		linezolid TABS	22	losartan potassium	19
levofloxacin (ophth) 0.5 %	57	LINZESS	46	LOTEMAX OINT	57
levofloxacin in d5w 5 %-500 MG/100ML	45	liothyronine sodium SOLN	61	loteprednol etabonate GEL	57
levofloxacin SOLN OR	45	liothyronine sodium TABS	61	loteprednol etabonate SUSP	57
levofloxacin TABS	45	lisdexamfetamine dimesylate CAPS 1		lovastatin TABS 10 MG, 20 MG ...	19
levonorgestrel & eth estradiol TABS 34		lisinopril & hydrochlorothiazide ...	20	lovastatin TABS 40 MG	19
levonorgestrel (emergency oc) 1.5 MG	35	lisinopril TABS 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG	19	loxapine succinate	29
levonorgestrel-eth estradiol (triphasic)	34	lithium	28	lubiprostone	45
		lithium carbonate CAPS	28	LUCEMYRA	59
		lithium carbonate TABS	28	luliconazole	37
		lithium carbonate TBCR	28	LUMIZYME	44

LUPRON DEPOT (1-MONTH) KIT IM24	medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSP IM35	mesalamine CPDR 46
LUPRON DEPOT (3-MONTH) KIT IM24	medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSY IM35	mesalamine ENEM 46
LUPRON DEPOT (4-MONTH) IM . 24	medroxyprogesterone acetate 2.5 MG, 5 MG, 10 MG 59	mesalamine SUPP46
LUPRON DEPOT (6-MONTH) IM . 24	mefenamic acid CAPS 4	mesalamine TBEC 1.2 GM 46
LUPRON DEPOT-PED (1-MONTH) . 44	mefloquine hcl22	mesalamine TBEC 800 MG 46
LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 11.25 MG44	megestrol acetate (appetite) 59	metaxalone 800 MG 56
LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 30 MG44	megestrol acetate SUSP25	metformin hcl TABS 1000 MG15
lurasidone hcl 20 MG, 40 MG, 60 MG, 120 MG 28	megestrol acetate TABS25	metformin hcl TABS 500 MG 15
lurasidone hcl 80 MG 28	MEKINIST TABS 0.5 MG26	metformin hcl TABS 850 MG 15
LYNPARZA TABS 26	MEKINIST TABS 2 MG26	metformin hcl TB24 500 MG15
LYSODREN24	MEKTOVI26	metformin hcl TB24 750 MG15
mafenide acetate PACK 39	meloxicam TABS4	methadone hcl CONC5
magnesium sulfate IJ 50 %53	melphalan 23	METHADONE HCL SOLN IJ5
malathion41	melphalan hcl23	methadone hcl SOLN OR5
maraviroc TABS 150 MG30	memantine hcl TABS 59	methadone hcl TABS 10 MG5
maraviroc TABS 300 MG30	MENACTRA63	methadone hcl TABS 5 MG5
MARPLAN13	MENEST45	methadone hcl TBSO 5
MASONATAL TABS55	MENQUADFI63	methamphetamine hcl1
MATULANE27	MENVEO SOLR 63	methazolamide TABS42
MAXIDEX SUSP OP57	meperidine hcl SOLN IJ 25 MG/ML, 50 MG/ML, 100 MG/ML 5	methenamine hippurate22
MAXX LUBRICATED MISC50	meperidine hcl SOLN OR 50 MG/5ML 5	methimazole TABS 61
MAXX PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC50	meperidine hcl TABS 50 MG5	METHITEST TABS7
meclizine hcl TABS 12.5 MG, 25 MG 17	meprobamate8	methocarbamol TABS 500 MG, 750 MG 56
meclofenamate sodium CAPS4	mercaptopurine TABS 23	METHOTREXATE2
MEDROL TABS35	meropenem21	methotrexate sodium SOLN 50 MG/2ML, 250 MG/10ML 23
Index 19	mesalamine CP24 46	methotrexate sodium SOLR 23
		methotrexate sodium TABS 2.5 MG 23
		methoxsalen rapid38

methscopolamine bromide	62	metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-100 MG, 50 MG-100 MG	20	mirtazapine TABS 15 MG	13
methsuximide	13	metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-50 MG	20	mirtazapine TABS 30 MG	13
methylidopa TABS	20	metoprolol succinate TB24 200 MG 31		mirtazapine TABS 7.5 MG, 45 MG	13
methylphenidate hcl CP24 20 MG, 40 MG	2	metoprolol succinate TB24 25 MG, 50 MG, 100 MG	31	mirtazapine TBDP 15 MG	13
methylphenidate hcl CP24 30 MG ..	1	metoprolol tartrate SOLN IV 5 MG/5ML	31	mirtazapine TBDP 30 MG	13
methylphenidate hcl CP24	1	metoprolol tartrate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG	31	mirtazapine TBDP 45 MG	13
methylphenidate hcl CPR	2	metronidazole (topical) CREA	41	misoprostol	63
methylphenidate hcl SOLN	2	metronidazole (topical) GEL 0.75 % 41		mitomycin SOLR IV 20 MG	25
methylphenidate hcl TABS 10 MG, 20 MG	2	metronidazole (topical) GEL 1 % ..	41	mitoxantrone hcl 2 MG/ML	25
methylphenidate hcl TABS 5 MG ...	2	metronidazole (topical) LOTN	41	M-M-R II SOLR	65
methylphenidate hcl TB24 27 MG ..	2	metronidazole TABS	21	M-NATAL PLUS TABS	55
methylphenidate hcl TB24 36 MG, 54 MG	2	metronidazole vaginal	66	modafinil 100 MG	2
methylphenidate hcl TBCR 10 MG, 20 MG	2	mexiletine hcl	8	modafinil 200 MG	2
methylphenidate hcl TBCR 18 MG, 27 MG	2	micafungin sodium	17	MODERNA COVID-19 VACCINE SUSP	66
methylphenidate hcl TBCR 36 MG, 54 MG	2	miconazole nitrate vaginal SUPP 200 MG	66	MODERNA COVID-19 VACCINE/6MO-11Y/2023-24 SUSP .	65
methylphenidate PTCH	2	midodrine hcl	67	MODERNA COVID-19 VACCINE6- 11Y SUSP	65
methylprednisolone acetate SUSP	35	miglitol	14	MODERNA COVID-19 VACCINE6MO-5Y SUSP	66
methylprednisolone sod succ 40 MG, 125 MG, 500 MG, 1000 MG	35	miglustat	47	moexipril hcl	19
methylprednisolone TABS	35	minocycline hcl CAPS	61	mometasone furoate (nasal) SUSP	56
methylprednisolone TBPK	35	minocycline hcl TABS	61	mometasone furoate CREA	40
metoclopramide hcl SOLN IJ 5 MG/ML	45	minoxidil 2.5 MG, 10 MG	21	mometasone furoate OINT	40
metoclopramide hcl SOLN OR 5 MG/5ML, 10 MG/10ML	45	MIRCERA 30 MCG/0.3ML, 50 MCG/0.3ML, 75 MCG/0.3ML, 100 MCG/0.3ML, 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.3ML	48	mometasone furoate SOLN	40
metoclopramide hcl TABS	45			montelukast sodium CHEW	9
metolazone	43			montelukast sodium PACK	9
				montelukast sodium TABS	9
				morphine sulfate CP24 20 MG, 30	

MG, 50 MG, 60 MG, 80 MG, 100 MG 5	naftifine hcl CREA 1 %37	neomycin-polymyxin-hc (otic) SUSP . 58
morphine sulfate SOLN IJ 0.5 MG/ML, 1 MG/ML5	naftifine hcl CREA 2 %37	NEONATAL COMPLETE TABS 120 MG-10 MG-9.2 MG-1000 MCG-10
morphine sulfate SOLN OR 10 MG/5ML5	NAGLAZYME44	MCG-12 MCG-3 MG-5 MG-20 MG- 27 MG-200 MG-1.84 MG-25 MG-2
morphine sulfate SOLN OR 20 MG/5ML5	nalbuphine hcl6	MG-1200 MCG-2 MG-0.2 MG55
morphine sulfate TABS5	naloxone hcl LIQD17	NEONATAL PLUS TABS55
morphine sulfate TBCR5	naloxone hcl SOLN 0.4 MG/ML, 4 MG/10ML17	NEONATAL PRENATAL VITAMIN TABs55
MOTOFEN16	naltrexone hcl17	NEONATAL VITAMIN TABS55
MOVANTIK46	naproxen sodium TABS 550 MG ...4	neostigmine methylsulfate SOSY ..22
moxifloxacin hcl (ophth) SOLN OP 57	naproxen SUSP4	NEO-SYNALAR37
moxifloxacin hcl in sodium chloride 45	naproxen TABS4	NEUPRO28
moxifloxacin hcl TABS45	naproxen TBEC 500 MG4	NEVANAC58
MOZOBIL (plerixafor)48	naratriptan hcl52	nevirapine SUSP30
MULPLETA48	NATACYN57	nevirapine TABS30
MULTI PRENATAL TABS55	NATAZIA34	nevirapine TB24 100 MG30
mupirocin calcium (topical)37	nateglinide16	nevirapine TB24 400 MG30
mupirocin OINT37	NAYZILAM11	NEXIUM 24HR TBEC (esomeprazole magnesium)62
MVASI24	nebivolol hcl 2.5 MG, 5 MG, 10 MG 31	NEXTSTELLIS34
MYALEPT44	nebivolol hcl 20 MG31	niacin (antihyperlipidemic) TBCR ..19
mycophenolate mofetil CAPS54	NEBUSAL NEBU36	niacin CPCr 250 MG, 500 MG67
mycophenolate mofetil TABS54	nefazodone hcl14	niacin TABS67
mycophenolate sodium54	nelarabine23	niacin TBCR67
MYLERAN TABS23	neomycin sulfate TABS2	NIACIN TR TBCR67
nabumetone4	neomycin-bacitracin zn-polymyxin 57	niacinamide TABS67
nadolol TABS 20 MG31	neomycin-polymy-dexameth OINT 57	nicardipine hcl CAPS32
nadolol TABS 40 MG31	neomycin-polymy-dexameth SUSP 57	nicardipine hcl SOLN32
nadolol TABS 80 MG31	neomycin-polymyxin-hc (ophth) ...57	nicotine MISC XX60
nafcillin sodium IV 10 GM59	neomycin-polymyxin-hc (otic) SOLN . 58	nicotine polacrilex GUM60

nicotine polacrilex LOZG	60	nizatidine CAPS	62	NORVIR PACK	30
nicotine PT24 TD 7 MG/24HR, 14 MG/24HR, 21 MG/24HR	60	nizatidine SOLN	62	NORVIR SOLN	30
NICOTINE TRANSDERMAL SYSTEM KIT	60	NORDITROPIN FLEXPLO SOPN 30 MG/3ML	44	NOVA MAX PLUS KETONE TESTSTRIPS	42
NICOTROL INHALER INHA	60	NORDITROPIN FLEXPLO SOPN 5 MG/1.5ML, 10 MG/1.5ML, 15 MG/1.5ML	44	NOVOLIN 70/30 FLEXPEN SUPN	16
NICOTROL NS SOLN	60	norelgestromin-ethinyl estradiol ...	35	NOVOLIN 70/30 SUSP	16
nifedipine CAPS 10 MG	32	norethin acet & estrad-fe CAPS ...	34	NOVOLIN N FLEXPEN SUPN	16
nifedipine CAPS 20 MG	32	norethin acet & estrad-fe CHEW ...	34	NOVOLIN N SUSP	16
nifedipine TB24 60 MG	32	norethin acet & estrad-fe TABS 1 MG-20 MCG-75 MG, 1.5 MG-30 MCG-75 MG	34	NOVOLIN R FLEXPEN SOPN IJ ..	16
nifedipine TB24 90 MG	32	norethindrone & eth estradiol	34	NOVOLIN R SOLN IJ	16
nifedipine TB24	32	norethindrone & ethinyl estradiol-fe 34		NOXAFIL SUSP (posaconazole) ..	18
nilutamide	25	norethindrone (contraceptive)	35	NP THYROID 120 TABS	61
nimodipine CAPS	32	norethindrone acet & eth estra ...	34	NP THYROID 15 TABS	61
NINLARO	26	norethindrone acetate TABS	59	NP THYROID 30 TABS	61
NIPENT	27	norethindrone acetate-ethinyl estradiol	45	NP THYROID 60 TABS	61
nisoldipine 8.5 MG, 17 MG, 20 MG, 30 MG, 34 MG, 40 MG	32	norethindrone acetate-ethinyl estradiol-fe	34	NP THYROID 90 TABS	61
nitazoxanide TABS	21	norethindrone-eth estradiol (triphasic)	34	NUCALA SOAJ	8
nitisinone CAPS	44	norgestimate-ethinyl estradiol (triphasic)	34	NUCALA SOLR	8
NITRO-BID OINT	7	norgestimate-ethinyl estradiol	34	NUCALA SOSY 100 MG/ML	8
nitrofurantoin	22	norgestrel & ethinyl estradiol 30 MCG-0.3 MG	35	NUCALA SOSY 40 MG/0.4ML	8
nitrofurantoin macrocrystal 50 MG, 100 MG	22	NORMOSOL-M/D5W	53	NUCYNTA ER TB12	5
nitrofurantoin monohyd macro	22	NORMOSOL-R	53	NUCYNTA TABS	5
nitroglycerin (intra-anal)	7	nortriptyline hcl CAPS	14	NUEDEXTA	60
nitroglycerin CPR	7	nortriptyline hcl SOLN	14	NULOJIX	54
nitroglycerin PT24	7			nystatin (mouth-throat)	54
NITROGLYCERIN SOLN IV	7			nystatin (topical) CREA	38
nitroglycerin SUBL	7			nystatin (topical) OINT	38
NIVA-PLUS TABS	55			nystatin (topical) POWD EX	38

nystatin-triamcinolone OINT	38	ondansetron hcl SOLN IJ 4 MG/2ML . 17	OTEZLA TBPK	4
octreotide acetate SOLN	44	ondansetron hcl SOLN OR 4 MG/5ML	oxacillin sodium IV 10 GM	59
ODEFSEY	30	ondansetron hcl SOLN OR 4 MG/5ML	oxaliplatin SOLN 50 MG/10ML, 100 MG/20ML	23
ODOMZO	24	ondansetron hcl SOSY	oxandrolone	7
OFEV	61	ondansetron hcl TABS 24 MG	oxaprozin TABS	4
ofloxacin (ophth)	57	ondansetron hcl TABS 4 MG	oxazepam CAPS	8
ofloxacin (otic)	58	ondansetron hcl TABS 8 MG	OXBRYTA TABS 500 MG	47
ofloxacin 300 MG, 400 MG	45	ondansetron hcl TABS 8 MG	oxcarbazepine SUSP	12
OGIVRI	24	ondansetron TBDP 4 MG	oxcarbazepine TABS 150 MG, 300 MG	12
olanzapine SOLR	29	ondansetron TBDP 8 MG	oxcarbazepine TABS 600 MG	12
olanzapine TABS 2.5 MG, 5 MG ..	29	ONE VITE WOMENS PRENATALVITAMIN PLUS TABS	oxiconazole nitrate CREA	38
olanzapine TABS 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG	29	ONE VITE WOMENS PRENATALVITAMIN TABS	OXISTAT LOTN	38
olanzapine TBDP 20 MG	29	ONETOUCH DELICA SAFETY LANCING DEVICE	oxybutynin chloride SOLN	63
olanzapine TBDP 5 MG, 10 MG, 15 MG	29	ONETOUCH DELICA SAFETY LANCING DEVICE 30G	oxybutynin chloride TABS 5 MG ...	63
olmesartan medoxomil	19	OPILL	oxybutynin chloride TB24	63
olmesartan medoxomil-amlodipine- hydrochlorothiazide	20	OPSUMIT	oxycodone hcl T12A 10 MG, 20 MG, 40 MG, 80 MG	5
olmesartan medoxomil- hydrochlorothiazide	20	ORENITRAM TBCR	oxycodone hcl TABS	5
olopatadine hcl (nasal)	56	ORILISSA	oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG	6
olopatadine hcl 0.1 %	58	ORKAMBI PACK 125 MG-100 MG, 188 MG-150 MG	oxymorphone hcl TABS	5
olopatadine hcl 0.2 %	58	ORKAMBI TABS	oxymorphone hcl TB12 40 MG	5
omega-3-acid ethyl esters	18	ORLADEYO	oxymorphone hcl TB12 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG 5	5
omeprazole CPDR	62	orphenadrine citrate TB12	OZEMPIC SOPN 2 MG/1.5ML	15
omeprazole magnesium CPDR ...	62	oseltamivir phosphate CAPS	OZEMPIC SOPN	15
omeprazole TBEC	62	oseltamivir phosphate SUSR	paclitaxel 6 MG/ML, 100 MG/16.7ML, 150 MG/25ML	27
omeprazole-sodium bicarbonate CAPS 1100 MG-20 MG	63	OSMOPREP	paclitaxel protein-bound particles .	27
OMNIFLEX DIAPHRAGM	50	OSPHENA		
ONCASPAR	27	OTEZLA TABS		

paliperidone 1.5 MG, 3 MG, 9 MG .28	PEDVAX HIB SUSP 63	permethrin LIQD EX 41
paliperidone 6 MG 28	peg 3350-kcl-nacl-na sulfate-na ascorbate-ascorbic acid49	perphenazine TABS 29
palonosetron hcl SOLN 17	peg 3350-kcl-sod bicarb-sod chloride-sod sulfate SOLR 6.74 GM- 2.97 GM-5.86 GM-22.74 GM-236 GM 49	perphenazine-amitriptyline 59
pamidronate disodium SOLN 30 MG/10ML, 90 MG/10ML 43	peg 3350-potassium chloride-sod bicarbonate-sod chloride49	PERSERIS PRSY 28
PAMIDRONATE DISODIUM SOLN 43	PEGASYS SOLN 31	PFIZER-BIONTECH COVID- 19VACCINE SUSP 66
PANCREAZE CPEP 149900 UNIT- 97300 UNIT-37000 UNIT, 15200 UNIT-8800 UNIT-2600 UNIT, 24600 UNIT-14200 UNIT-4200 UNIT, 61500 UNIT-35500 UNIT-10500 UNIT, 83900 UNIT-54700 UNIT-21000 UNIT, 98400 UNIT-56800 UNIT- 16800 UNIT 42	PEGASYS SOSY 31	PFIZER-BIONTECH COVID- 19VACCINE/5-11Y SUSP 66
PANRETIN 38	PEMAZYRE 26	PFIZER-BIONTECH COVID- 19VACCINE/5-11Y/2023-24 SUSP 66
pantoprazole sodium TBEC 20 MG 62	pemetrexed disodium SOLR 500 MG 23	PFIZER-BIONTECH COVID- 19VACCINE/6MO-4Y SUSP 66
pantoprazole sodium TBEC 40 MG 62	penciclovir 39	PFIZER-BIONTECH COVID- 19VACCINE/6MO-4Y/2023-24 SUSP 66
paricalcitol CAPS 44	penicillamine CAPS 53	PFIZER-BIONTECH COVID- 19VACCINE/ADULT RTU SUSP .. 66
paricalcitol SOLN 44	penicillamine TABS 53	PHEBURANE PLLT 44
paroxetine hcl SUSP 13	penicillin g potassium 5000000 UNIT 59	phenazopyridine hcl TABS 100 MG, 100 MG, 200 MG 46
paroxetine hcl TABS 10 MG 14	PENICILLIN G POTASSIUM IN ISO- OSMOTIC DEXTROSE 40000 UNIT/ML, 60000 UNIT/ML 59	phendimetrazine tartrate TABS 1
paroxetine hcl TABS 20 MG 14	PENICILLIN G PROCAINE 59	phenelzine sulfate 13
paroxetine hcl TABS 30 MG 14	penicillin g sodium 59	phenobarbital ELIX 48
paroxetine hcl TABS 40 MG 13	penicillin v potassium SOLR 59	phenobarbital TABS 15 MG, 16.2 MG, 30 MG, 32.4 MG, 64.8 MG, 97.2 MG, 100 MG 48
paroxetine hcl TB24 12.5 MG 14	penicillin v potassium TABS 59	phenoxybenzamine hcl 19
paroxetine hcl TB24 25 MG, 37.5 MG 14	PENTACEL 62	phentermine hcl CAPS 1
PASER PACK 23	pentazocine w/ naloxone hcl 6	phenytoin CHEW 12
pazopanib hcl 26	pentoxifylline 47	phenytoin sodium extended 100 MG, 200 MG, 300 MG 12
PEDIARIX SUSY 62	perindopril erbumine 2 MG, 8 MG . 19	phenytoin sodium SOLN 12
pediatric multivitamins w/fl CHEW .54	perindopril erbumine 4 MG 19	phenytoin SUSP 12
	PERJETA 24	
	permethrin CREA 41	

PHEXXI	66	SC	60	potassium chloride TBCR 8 MEQ, 10 MEQ	53
PHOSLYRA SOLN	46	plerixafor	48	POTASSIUM CHLORIDE/DEXTROSE/LACTATED RINGERS	53
PHOTOFRIN	27	PNEUMOVAX 23	63	POTASSIUM CHLORIDE/SODIUM CHLORIDE 20 MEQ/L-0.45 % (potassium chloride in nacl)	53
PIFELTRO	30	PNEUMOVAX 23/1 DOSE	63	potassium citrate (alkalinizer) TBCR 10 MEQ, 1080 MG	46
pilocarpine hcl (oral)	54	podofilox SOLN	41	potassium phosphates 236 MG/ML-224 MG/ML	53
pilocarpine hcl SOLN 1 %, 2 %, 4 % .56		polymyxin b sulfate SOLR	22	PR BENZOYL PEROXIDE WASH LIQD	37
pimecrolimus	41	polymyxin b-trimethoprim	57	pralatrexate 20 MG/ML	23
pimozide	60	POMALYST	25	pramipexole dihydrochloride TABS 0.125 MG	28
pindolol TABS	31	posaconazole SUSP	18	pramipexole dihydrochloride TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG, 1.5 MG	28
pioglitazone hcl	16	potassium acetate SOLN 2 MEQ/ML .53		prasugrel hcl	47
pioglitazone hcl-glimepiride	15	potassium bicarbonate TBEF	53	pravastatin sodium	19
pioglitazone hcl-metformin hcl TABS .15		potassium chloride CPCR	53	praziquantel	7
piperacillin sodium-tazobactam sodium	59	potassium chloride in dextrose & sodium chloride 5 %-0.075 %-0.45 %, 5 %-0.15 %-0.9 %, 5 %-10 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.2 %, 5 %-20 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.9 %, 5 %-30 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.9 %	53	prazosin hcl CAPS	20
PIQRAY 200MG DAILY DOSE ...	26	potassium chloride in dextrose 5 %-20 MEQ/L	53	PRECISION XTRA	42
PIQRAY 250MG DAILY DOSE ...	26	potassium chloride in nacl 20 MEQ/L-0.45 %, 20 MEQ/L-0.9 %, 40 MEQ/L-0.9 %	53	PRED MILD	57
PIQRAY 300MG DAILY DOSE ...	26	potassium chloride microencapsulated crystals er	53	prednicarbate OINT	40
pirfenidone CAPS	61	potassium chloride PACK OR 20 MEQ	53	prednisolone acetate (ophth)	57
pirfenidone TABS 267 MG, 801 MG 61		POTASSIUM CHLORIDE SOLN IV 10 MEQ/50ML (potassium chloride) 53		PREDNISOLONE SODIUM PHOSPHATE	57
pirfenidone TABS 534 MG	61	potassium chloride SOLN IV 2 MEQ/ML, 10 MEQ/50ML, 20 MEQ/50ML	53	prednisolone sodium phosphate SOLN 5 MG/5ML, 6.7 MG/5ML, 10 MG/5ML, 15 MG/5ML, 25 MG/5ML 35	
piroxicam CAPS	4			prednisolone sodium phosphate	
PLASMA-LYTE A (electrolyte-a) ..53					
PLASMA-LYTE-148 (electrolyte-148)	53				
PLEGRIDY SOPN	60				
PLEGRIDY SOSY SC	60				
PLEGRIDY STARTER PACK SOPN .60					
PLEGRIDY STARTER PACK SOSY					

TBDP	35	PRENATAL VITAMIN/IRON TABS	55	progesterone CAPS	59
prednisolone SOLN	35	PRENATAL VITAMINS PLUS LOW IRON TABS	55	PROGRAF PACK	54
prednisolone TABS	35	PRENATAL VITAMINS TABS 120 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-8		PROGRAF SOLN	54
prednisone SOLN	35	MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG-4000 UNIT-30		PROLASTIN-C SOLN	61
prednisone TABS	35	UNIT	55	PROLEUKIN	27
prednisone TBPK	35	PRENATRIX TABS	55	PROLIA SOSY	43
pregabalin (once-daily) 330 MG ...	60	PRENATRYL TABS	55	promethazine hcl SOLN OR 6.25 MG/5ML	18
pregabalin (once-daily) 82.5 MG, 165 MG	60	PREPLUS TABS	55	promethazine hcl SUPP 12.5 MG, 25 MG	18
pregabalin CAPS 225 MG, 300 MG 12		PREVNAR 13	63	promethazine hcl SUPP 50 MG ...	18
pregabalin CAPS 25 MG, 50 MG, 75 MG, 100 MG, 150 MG, 200 MG ...	12	PREVNAR 20	63	promethazine hcl TABS	18
pregabalin SOLN	12	PREZCOBIX	30	propafenone hcl CP12	8
PREHEVBRIO	66	PREZISTA SUSP	30	propafenone hcl TABS	8
PREMARIN	66	PREZISTA TABS (darunavir)	30	proparacaine hcl	57
PREMARIN SOLR	45	PREZISTA TABS 75 MG, 150 MG, 600 MG	30	propranolol hcl CP24	32
PREMARIN TABS	45	PREZISTA TABS 800 MG (darunavir)	30	propranolol hcl SOLN OR 20 MG/5ML, 40 MG/5ML	32
PREMIUM CONDOMS LUBRICATED MISC	50	PRIFTIN	23	propranolol hcl TABS	32
PREMPHASE	45	primaquine phosphate TABS	22	propylthiouracil	61
PREMPRO	45	primidone 50 MG, 250 MG	12	protriptyline hcl	14
PRENATAL MULTIVITAMIN TABS 55		PRIORIX SUSR	66	PTS PANELS KETONE TEST	42
PRENATAL ONE DAILY TABS ...	55	probenecid	47	PULMICORT FLEXHALER AEPB ..	9
PRENATAL PLUS TABS	55	procainamide hcl SOLN 500 MG/ML . 8		PULMOZYME	61
PRENATAL PLUS VITAMIN ANDMINERAL TABS	55	prochlorperazine	29	PX PRENATAL MULTIVITAMINS TABS	55
PRENATAL TABS	55	prochlorperazine maleate TABS ...	29	pyrazinamide	23
PRENATAL VITAMIN & MINERAL TABS	55	PROCRIT 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	48	pyridostigmine bromide SOLN OR	22
PRENATAL VITAMIN TABS	55	PROCRIT 40000 UNIT/ML	48	pyridostigmine bromide TABS 60 MG	22
				pyridostigmine bromide TBCR	22
				pyrimethamine	22

QC PRENATAL TABS	55	rasagiline mesylate	28	REPATHA PUSHTRONEX SYSTEM SOCT	19
QINLOCK	26	REALITY LATEX CONDOMS/LUBRICATED MISC ..	50	REPATHA SOSY	19
QUADRACEL SUSP	62	REALITY LATEX/ULTRA TEXTURED DEVI	50	REPATHA SURECLICK SOAJ	19
QUADRACEL SUSY	62	REALITY LATEX/ULTRA THIN DEVI 50		RETACRIT	48
quetiapine fumarate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG, 200 MG	29	REBIF REBIDOSE SOAJ	60	RETEVMO	26
quetiapine fumarate TABS 300 MG, 400 MG	29	REBIF REBIDOSE TITRATIONPACK SOAJ	60	RETROVIR IV INFUSION SOLN ..	30
quetiapine fumarate TB24 300 MG, 400 MG	29	REBIF SOSY	60	REXULTI	29
quetiapine fumarate TB24 50 MG, 150 MG, 200 MG	29	REBIF TITRATION PACK SOSY ..	60	ribavirin (hepatitis c) CAPS	31
quinapril hcl 20 MG, 40 MG	19	RECOMBIVAX HB SUSP	66	ribavirin (hepatitis c) TABS 200 MG 31	
quinapril hcl 5 MG, 10 MG	19	RECOMBIVAX HB SUSY	66	RIDAURA	3
quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG	20	RECTIV (nitroglycerin (intra-anal)) .	7	rifabutin	23
quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG	20	REGRANEX	41	rifampin CAPS	23
quinapril-hydrochlorothiazide 25 MG- 20 MG	20	RELENZA DISKHALER	31	rifampin SOLR	23
quinidine sulfate TABS	8	RELEXII TBCR 27 MG	2	riluzole TABS	56
quinine sulfate CAPS 324 MG	22	RELEXII TBCR 36 MG, 54 MG ...	2	rimantadine hydrochloride TABS ..	31
QVAR REDIHALER	9	RELION 2-IN-1 LANCET DEVICES 30G	51	ringer's	53
RA PRENATAL FORMULA/FOLICACID TABS	55	RELION 2-IN-1 LANCING DEVICE 25G	51	ringer's irrigation	54
RA PRENATAL TABS	55	RELION 2-IN-1 LANCING DEVICE 30G	51	RINVOQ	2
rabeprazole sodium TBEC	62	RELION KETONE TEST STRIPS STRP	42	risedronate sodium TABS 150 MG	43
raloxifene hcl	44	RELION TRUE METRIX BLOODGLUCOSE TEST STRIPS STRP	42	risedronate sodium TABS 35 MG .	43
ramelteon	48	RENFLEXIS	46	risedronate sodium TABS 5 MG, 30 MG	43
ramipril CAPS	19	repaglinide 0.5 MG, 1 MG	16	risedronate sodium TBEC	43
ranitidine hcl TABS 150 MG	62	repaglinide 2 MG	16	RISPERDAL CONSTA (risperidone microspheres)	28
ranolazine TB12 1000 MG	7			risperidone microspheres	28
ranolazine TB12 500 MG	7			risperidone SOLN	28

ritonavir TABS	30	SAVELLA TITRATION PACK MISC 59	silver sulfadiazine	39	
rivastigmine tartrate CAPS	59	saxagliptin hcl	SIMPONI ARIA SOLN	3	
rizatriptan benzoate TABS 10 MG .52		15	SIMULECT	54	
rizatriptan benzoate TABS 5 MG ..52		saxagliptin-metformin hcl 1000 MG- 2.5 MG	simvastatin TABS	19	
rizatriptan benzoate TBDP 10 MG .52		15	sirolimus TABS	54	
rizatriptan benzoate TBDP 5 MG ..52		saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-5 MG, 500 MG-5 MG	SIRTURO	23	
roflumilast	9	15	SIVEXTRO TABS	22	
romidepsin SOLR	26	scopolamine	17	SKYRIZI PEN SOAJ	38
ropinirole hydrochloride TABS28		SELECT INSULIN SYRINGES ...	51	SKYRIZI PSKT	38
ropinirole hydrochloride TB24 2 MG, 4 MG, 6 MG	28	SELECT LANCETS	51	SKYRIZI SOCT	46
ropinirole hydrochloride TB24 8 MG, 12 MG	28	selegiline hcl CAPS	28	SKYRIZI SOSY	38
rosuvastatin calcium TABS	19	selegiline hcl TABS	28	SLYND	35
ROTARIX SUSP	66	selenium sulfide LOTN 2.5 %	39	SM PRENATAL VITAMINS TABS .55	
ROTARIX SUSR	66	SELZENTRY SOLN	30	SODIUM ACETATE SOLN (sodium acetate)	52
ROTATEQ SOLN	66	SELZENTRY TABS 25 MG, 75 MG 30		sodium acetate SOLN	52
ROZLYTREK CAPS	26	SEREVENT DISKUS	10	sodium chloride (gu irrigant) 0.9 %	46
RUBRACA	26	sertraline hcl CONC	14	sodium chloride (inhalant) NEBU 7 %	36
rufinamide SUSP	12	sertraline hcl TABS 100 MG	14	sodium chloride SOLN IV 0.45 %, 0.9 %, 3 %, 4 MEQ/ML, 5 %	53
rufinamide TABS 200 MG	12	sertraline hcl TABS 25 MG, 50 MG 14		sodium citrate & citric acid	46
rufinamide TABS 400 MG	12	sevelamer carbonate PACK	46	sodium fluoride CHEW 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG, 2.2 MG	53
RUKOBIA	30	sevelamer carbonate TABS	46	sodium phenylbutyrate POWD	44
RUXIENCE	24	SHINGRIX	66	sodium phenylbutyrate TABS	44
RYBELSUS TABS	15	SIGNIFOR	44	sodium polystyrene sulfonate POWD 54	
salsalate	4	sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SOLN	33	sodium polystyrene sulfonate SUSP OR 15 GM/60ML	54
SANDOSTATIN LAR DEPOT KIT .44		sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SUSR	33	sodium sulfate-potassium sulfate- magnesium sulfate	49
SANTYL OINT	41	sildenafil citrate (pulmonary hypertension) TABS	33		
sapropterin dihydrochloride PACK .44		sildenafil citrate	32		
sapropterin dihydrochloride TABS .44		silodosin	46		
SAVELLA TABS	60				

SOFOSBUVIR/VELPATASVIR TABS	31	SPRAVATO 84MG DOSE	13	sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 9 %-4.5 %	37
solifenacin succinate TABS	63	SPRYCEL	26	sulfacetamide sodium-sulfur in urea vehicle EMUL 10 %-10 %-4 %	37
SOLIQUA 100/33	15	stannous fluoride CONC	54	sulfadiazine TABS	61
SOLOSEC	2	stavudine CAPS	30	sulfamethoxazole-trimethoprim SOLN	21
SOLU-CORTEF 100 MG, 500 MG, 1000 MG	35	STELARA 130 MG/26ML	46	sulfamethoxazole-trimethoprim SUSP	21
SOLU-CORTEF 250 MG	35	STELARA SOLN 45 MG/0.5ML ...	38	sulfamethoxazole-trimethoprim TABS	21
SOLU-MEDROL 2 GM	35	STELARA SOSY 45 MG/0.5ML ...	39	SULFAMYLON CREA	39
SOMAVERT 10 MG, 15 MG, 20 MG . 44		STELARA SOSY 90 MG/ML	39	sulfasalazine TABS	46
sorafenib tosylate	26	STENDRA	32	sulfasalazine TBEC	46
SORBITOL 3 %	46	STIMATE SOLN NA	44	sulindac TABS	4
SORBITOL/MANNITOL IRRIGATION	46	STIOLTO RESPIMAT	10	sumatriptan	52
sotalol hcl (afib/af)	32	STIVARGA	26	sumatriptan succinate SOAJ	52
sotalol hcl TABS 240 MG	32	streptomycin sulfate SOLR	2	sumatriptan succinate SOCT	52
sotalol hcl TABS 80 MG, 120 MG, 160 MG	32	STRIBILD	30	sumatriptan succinate SOLN 6 MG/0.5ML	52
SPIKEVAX COVID-19 VACCINE SUSP	66	STRIVERDI RESPIMAT	10	sumatriptan succinate TABS	52
SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2023-24 SUSP	66	SUBLOCADE SOSY	6	sumatriptan-naproxen sodium	52
SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2023-24 SUSY	66	SUBSYS LIQD 100 MCG	5	sunitinib malate 12.5 MG, 25 MG, 50 MG	26
spinosad	41	SUBSYS LIQD 200 MCG, 400 MCG, 600 MCG	5	SUNOSI 150 MG	1
SPIRIVA HANDIHALER CAPS (tiotropium bromide monohydrate) ..	8	SUBSYS LIQD 800 MCG, 1200 MCG, 1600 MCG	5	SUNOSI 75 MG	1
SPIRIVA RESPIMAT AERS	8	sucralfate SUSP	62	SYNAREL	44
spironolactone & hydrochlorothiazide	42	sucralfate TABS	62	SYNERA PTCH	41
spironolactone TABS	43	sulconazole nitrate CREA	38	SYNJARDY TABS	15
SPRAVATO 56MG DOSE	13	sulconazole nitrate SOLN	38	SYNJARDY XR TB24 1000 MG-10 MG, 1000 MG-12.5 MG, 1000 MG-5 MG	15
		sulfacetamide sodium (acne)	37	SYNJARDY XR TB24 1000 MG-25	
		sulfacetamide sodium (ophth) SOLN . 57			
		sulfacetamide sodium w/ sulfur CREA 10 %-5 %	37		
		sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 10 %-5 %	37		

MG	15	TEGSEDI	60	theophylline TB12	10
SYNRIBO	27	telmisartan	20	theophylline TB24	10
SYNTHROID TABS (levothyroxine sodium)	61	telmisartan-amlodipine	20	THERANATAL CORE NUTRITION TABS	55
TABLOID	23	telmisartan-hydrochlorothiazide	20	THIOLA EC TBEC 100 MG (tiopronin)	46
TABRECTA	26	temazepam	48	THIOLA EC TBEC 300 MG (tiopronin)	46
tacrolimus (topical) OINT	41	TEMODAR SOLR	23	thioridazine hcl	29
tacrolimus CAPS	54	temozolomide CAPS	23	thiotepa 15 MG	23
tadalafil (pulmonary hypertension) TABS	33	temsirolimus	26	thiothixene	29
tadalafil 5 MG	33	TENIVAC INJ	62	THYMOGLOBULIN	54
TAFINLAR CAPS	26	tenofovir disoproxil fumarate TABS 30		THYROGEN 0.9 MG	41
tafluprost	58	terazosin hcl	20	tiagabine hcl	12
TAGRISSO 40 MG	24	terbinafine hcl TABS	17	TIBSOVO	26
TAGRISSO 80 MG	24	terbutaline sulfate SOLN	10	tigecycline	61
TAKHZYRO SOLN	47	terbutaline sulfate TABS	10	timolol maleate (ophth) SOLG	56
TAKHZYRO SOSY	47	terconazole vaginal CREA	66	timolol maleate (ophth) SOLN	56
TALZENNA 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG	26	terconazole vaginal SUPP	66	timolol maleate TABS	32
tamoxifen citrate TABS	25	teriflunomide	60	tiopronin TBEC 100 MG	47
tamsulosin hcl	46	teriparatide (recombinant) SOPN	43	tiopronin TBEC 300 MG	46
TASIGNA 150 MG, 200 MG	26	TERIPARATIDE SOPN	43	tiotropium bromide monohydrate CAPS	8
TASIGNA 50 MG	26	TESTOSTERONE CYPIONATE SOLN IJ 200 MG/ML	7	TIVICAY TABS	30
tavaborole	38	testosterone cypionate SOLN IM ...	7	tizanidine hcl CAPS	56
tazarotene CREA	39	testosterone enanthate SOLN IM ...	7	tizanidine hcl TABS	56
TAZVERIK	26	TETANUS/DIPHTHERIA TOXOIDS-ADSORBED ADULT SUSP	62	tobramycin (ophth) SOLN	57
TDVAX SUSP	62	tetrabenazine	60	tobramycin NEBU	2
TEFLARO	34	tetracycline hcl CAPS	61	tobramycin sulfate SOLN IJ 10 MG/ML, 40 MG/ML, 80 MG/2ML ...	2
TEGRETOL SUSP (carbamazepine) . 12		THALOMID	54	tobramycin-dexamethasone SUSP	57
TEGRETOL TABS (carbamazepine) . 12		theophylline ELIX	10		
		theophylline SOLN	10		

TODAY SPONGE MISC	66	travoprost SOLN	58	triamcinolone acetonide SUSP 40 MG/ML, 200 MG/5ML, 400 MG/10ML	35
tolcapone	27	TRAZIMERA	24	triamcinolone acetonide-dimethicone- silicone	41
tolmetin sodium CAPS	4	trazodone hcl TABS	14	triamterene & hydrochlorothiazide CAPS 25 MG-37.5 MG	43
tolmetin sodium TABS 600 MG	4	TRECTOR	23	triamterene & hydrochlorothiazide TABs	43
TOLSURA CAPS	18	TRELEGY ELLIPTA	10	triamterene CAPS	43
tolterodine tartrate CP24	63	TRELSTAR MIXJECT	25	triazolam	48
tolterodine tartrate TABS	63	TREMFYA SOPN	39	TRICARE TABS	55
tolvaptan TABS	45	TREMFYA SOSY	39	trientine hcl 250 MG	53
topiramate CPSP 15 MG	12	treprostinil SOLN IJ	33	trifluoperazine hcl TABS	29
topiramate CPSP 25 MG	12	tretinoin (chemotherapy)	27	trifluridine	57
topiramate CS24	12	tretinoin CREA 0.025 %, 0.05 %, 0.1 %	37	trihexyphenidyl hcl SOLN	27
topiramate TABS 200 MG	12	tretinoin GEL 0.01 %, 0.025 %	37	trihexyphenidyl hcl TABS	27
topiramate TABS 25 MG, 100 MG	12	tretinoin microsphere 0.1 %	37	TRIJARDY XR 1000 MG-2.5 MG- 12.5 MG, 1000 MG-2.5 MG-5 MG	15
topiramate TABS 50 MG	12	TREXALL TABS 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG	23	TRIJARDY XR 1000 MG-5 MG-10 MG, 1000 MG-5 MG-25 MG	15
topotecan hcl SOLR	27	triamcinolone acetonide (mouth)	54	TRIKAFTA TBPK 100 MG-50 MG	61
toremifene citrate	25	triamcinolone acetonide (nasal) AERO	56	trimethobenzamide hcl CAPS	17
toremifene citrate	25	triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.025 %	40	trimethoprim TABS	21
toremifene citrate	25	triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.1 %	40	trimipramine maleate CAPS	14
toremifene citrate	25	triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.5 %	40	TRINTELLIX	14
toremifene citrate	25	triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.025 %	40	TRIUMEQ TABS	30
toremifene citrate	25	triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.1 %	40	TRIZIVIR	30
toremifene citrate	25	triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.025 %, 0.1 %	41	tropicamide SOLN 0.5 %	56
toremifene citrate	25	triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.5 %	41	tropicamide SOLN 1 %	56
toremifene citrate	25			trospium chloride CP24	63
toremifene citrate	25			trospium chloride TABS	63

TRUE METRIX BLOOD GLUCOSETEST STRIPS STRP ... 42	TRUSTEX/RIA LUBRICATED/SPERMICIDE MISC 50	valproate sodium SOLN OR 250 MG/5ML 13
TRUE METRIX CONTROL SOLUTION LEVEL 3 SOLN 51	TRUXIMA 24	valproic acid CAPS 13
TRUE METRIX SELF MONITORING BLOOD GLUCOSE STRIPS STRP 42	TUKYSA 24	valrubicin 25
TRUETRACK TEST STRP 42	TURALIO 26	valsartan TABS 20
TRULICITY 15	TUZISTRA XR 36	valsartan-hydrochlorothiazide 20
TRUMENBA 63	TWINRIX SUSY 66	VALTOCO 10 MG DOSE LIQD 11
TRUSTEX COLOR CONDOMS + LUBE MISC 50	TWIRLA 35	VALTOCO 15 MG DOSE LQPK ... 11
TRUSTEX LUBRICATED EXTRALARGE MISC 50	TYBLUME CHEW 35	VALTOCO 20 MG DOSE LQPK ... 11
TRUSTEX LUBRICATED EXTRASTRENGTH MISC 50	TYBOST 30	VALTOCO 5 MG DOSE LIQD 11
TRUSTEX LUBRICATED MISC ... 50	TYMLOS 43	vancomycin hcl CAPS 21
TRUSTEX LUBRICATED/RIBBED/STUDDED MISC 50	TYVASO REFILL SOLN IN 33	vancomycin hcl SOLR IV 1 GM, 10 GM, 500 MG, 1000 MG 21
TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA LARGE MISC 50	TYVASO SOLN IN 33	vancomycin hcl SOLR OR 25 MG/ML, 50 MG/ML, 250 MG/5ML . 21
TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA STRENGTH MISC 50	TYVASO STARTER SOLN IN 33	VAQTA 66
TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE MISC 50	UBRELVY 51	varenicline tartrate TABS 60
TRUSTEX NATURAL CONDOMS +LUBE/LUBRICATED MISC 50	UCERIS (budesonide (intrarectal)) . 7	varenicline tartrate TBPK 60
TRUSTEX WITH NONOXYNOL- 9/RIBBED/STUDDED MISC 50	UDENYCA ONBODY SOSY 48	VARIVAX INJ 66
TRUSTEX/RIA LUBRICATED MISC . 51	UDENYCA SOAJ 48	VARUBI TBPK 17
TRUSTEX/RIA LUBRICATED SPERMICIDE MISC 50	UDENYCA SOSY 48	VAXNEUVANCE 63
	UPTRAVI TABS 200 MCG 33	VECAMYL 21
	UPTRAVI TABS 400 MCG, 600 MCG, 800 MCG, 1000 MCG, 1200 MCG, 1400 MCG, 1600 MCG 33	VECTIBIX 100 MG/5ML 24
	UPTRAVI TITRATION PACK TBPK 33	venlafaxine hcl CP24 150 MG 14
	ursodiol CAPS 45	venlafaxine hcl CP24 37.5 MG 14
	ursodiol TABS 45	venlafaxine hcl CP24 75 MG 14
	UVADEX 27	venlafaxine hcl TABS 14
	valacyclovir hcl 1 GM, 1000 MG ... 31	venlafaxine hcl TB24 150 MG 14
	valacyclovir hcl 500 MG 31	venlafaxine hcl TB24 37.5 MG, 75 MG, 225 MG 14
	valganciclovir hcl TABS 30	verapamil hcl CP24 100 MG, 200 MG, 300 MG 32

verapamil hcl CP24 120 MG, 180 MG, 240 MG, 360 MG	32	VYVANSE CAPS	1	XIFAXAN 550 MG	21
verapamil hcl SOLN 2.5 MG/ML	32	warfarin sodium TABS	10	XIGDUO XR 1000 MG-10 MG, 500 MG-10 MG, 500 MG-5 MG	15
verapamil hcl TABS	32	water for irrigation, sterile	54	XIGDUO XR 1000 MG-2.5 MG, 1000 MG-5 MG	15
verapamil hcl TBCR	32	WESTAB PLUS TABS	55	XOLAIR SOLR	8
VEREGEN	37	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 60	51	XOLAIR SOSY 150 MG/ML	8
VERZENIO	26	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 65	51	XOLAIR SOSY 75 MG/0.5ML	8
VICTOZA	15	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 70	51	XOSPATA	26
vigabatrin PACK	12	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 75	51	XPOVIO	25
vigabatrin TABS	12	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 80	51	XPOVIO 60 MG TWICE WEEKLY 25	
VIIBRYD STARTER PACK KIT	14	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 85	51	XPOVIO 80 MG TWICE WEEKLY 25	
vilazodone hcl TABS	14	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 90	51	XTAMPZA ER	5
vincristine sulfate	27	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 95	51	XTANDI CAPS	25
vinorelbine tartrate 10 MG/ML	27	XALKORI CAPS	26	XTANDI TABS 40 MG	25
VIRACEPT TABS 250 MG	30	XARELTO STARTER PACK TBPK 10		XTANDI TABS 80 MG	25
VIRACEPT TABS 625 MG	30	XARELTO SUSR	10	XULTOPHY 100/3.6	15
VIREAD POWD	30	XARELTO TABS 10 MG, 20 MG ..	10	YERVOY	24
VIREAD TABS 150 MG, 200 MG, 250 MG	30	XARELTO TABS 2.5 MG, 15 MG ..	10	YONSA	25
VISTOGARD	16	XELJANZ SOLN	2	zafirlukast	9
VITAMIN D2 TABS 400 UNIT	67	XELJANZ TABS 10 MG	2	zaleplon 10 MG	48
VITATHELY/GINGER TABS	55	XELJANZ TABS 5 MG	2	zaleplon 5 MG	48
VITRAKVI CAPS	26	XELJANZ XR TB24	2	ZALTRAP 100 MG/4ML	24
VITRAKVI SOLN	26	XGEVA SOLN	43	ZANOSAR	23
VIVITROL	17	XHANCE EXHU	56	ZARONTIN CAPS (ethosuximide) .	13
VIZIMPRO	24	XIFAXAN 200 MG	21	ZARXIO	48
VORAXAZE	27			ZEJULA CAPS	27
voriconazole TABS	18			ZELBORAF	27
VOTRIENT (pazopanib hcl)	26			ZENPEP CPEP 105000 UNIT-79000 UNIT-25000 UNIT, 14000 UNIT-	
VYNDAMAX	33				
VYNDAQEL	33				

10000 UNIT-3000 UNIT, 168000 UNIT-126000 UNIT-40000 UNIT, 24000 UNIT-17000 UNIT-5000 UNIT, 42000 UNIT-32000 UNIT-10000 UNIT, 63000 UNIT-47000 UNIT- 15000 UNIT, 84000 UNIT-63000 UNIT-20000 UNIT	42
ZENPEP CPEP 252600 UNIT- 189600 UNIT-60000 UNIT	42
zidovudine CAPS	30
zidovudine SYRP	30
zidovudine TABS	30
ZIEXTENZO	48
zileuton TB12	9
ziprasidone hcl	28
ZIRABEV	24
ZIRGAN GEL	57
ZOLADEX 10.8 MG	25
ZOLADEX 3.6 MG	25
zoledronic acid CONC	43
zoledronic acid SOLN	43
ZOLINZA	27
zolmitriptan SOLN	52
zolmitriptan TABS	52
zolmitriptan TBDP	52
zolpidem tartrate TABS	48
zolpidem tartrate TBCR	48
zonisamide CAPS	12
ZONTIVITY	47
ZORBTIVE SC	44
ZUBSOLV SUBL	6
ZYDELIG	27

Ambetter from Arkansas Health & Wellness includes products that are underwritten by Celtic Insurance Company (dba Arkansas Health and Wellness Solutions), QCA Health Plan, Inc., and QualChoice Life and Health Insurance Company, Inc., which are Qualified Health Plan issuers in the Arkansas Health Insurance Marketplace. This is a solicitation for insurance.
© 2023 Celtic Insurance Company (dba Arkansas Health and Wellness Solutions), QCA Health Plan, Inc., and Qualchoice Life & Health Insurance Company, Inc.
All rights reserved.